**Bộ sách: CTST**

**Tiết PPCT:** 1, 2, 3, 4, 5, 6.

**Chủ đề: 1/*Tăng trưởng và phát triển kinh tế***

**BÀI 1. TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Nêu được các chỉ tiêu của tăng trưởng và phát triển kinh tế.

- Giải thích được vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế.

- Phân biệt được tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế.

- Nhận biết được mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với sự phát triển bền vững.

**2. Năng lực**

*- Điều chỉnh hành vi:* Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế. Phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế.

*- Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội:* Tìm hiểu và đưa ra được dẫn chứng thực tế về vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế và mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững; Tham gia các hoạt động góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng, phát triển kinh tế.

**3. Phẩm chất**

Có trách nhiệm trong việc tham gia các hoạt động kinh tế góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế.

**4. Tích hợp quyền con người**

**- Mức độ tích hợp:** *Tích hợp liên hệ với yêu cầu cần đạt sau:* Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế; phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế.

**- Cách thức thực hiện:** Căn cứ vào nội dung quyền con người về các lĩnh vực chính trị, kinh tế, giáo viên yêu cầu học sinh lấy các ví dụ về những việc làm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế qua đó đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền về kinh tế xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12;

- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;

- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Hoạt động: Mở đầu**

**a) Mục tiêu**

Giới thiệu mục tiêu, ý nghĩa của bài học. Khai thác trải nghiệm của HS về vấn đề liên quan đến nội dung bài học mới, tạo hứng thú cho HS..

**b) Nội dung**

Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sách giáo khoa đặt ra:

*Chia sẻ hiểu biết của em về thu nhập của người dân Việt Nam trong những năm gần đây?*

**c) Sản phẩm**

Học sinh bước đầu nhận biết được sự thay đổi về thu nhập theo đầu người ở nước ta trong những năm gần đây.

*Theo Tổng cục Thống kê, GDP bình quân đầu người của VN qua một số năm như sau:*

*+ Năm 2010 : 1318 USD/ người/ năm*

*+ Năm 2015 : 2085 USD/ người/ năm*

*+ Năm 2021 : 3743 USD/ người/ năm*

*+ Năm 2022: 4.110 USD/ người/ năm*

**d) Tổ chức thực hiện**

**Giao nhiệm vụ học tập**

GV giao nhiệm vụ cho HS, HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sách giáo khoa đặt ra:

*Hiểu biết của em về thu nhập của người dân Việt Nam trong những năm gần đây..*

**Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân, chuẩn bị câu trả lời ra giấy.

GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

**Báo cáo, thảo luận**

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó dẫn dắt HS vào bài mới.

**Kết luận, nhận định**

Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

**Gv nhấn mạnh:**

Tăng trưởng và phát triển kinh tế (TT&PTKT) là mục tiêu hàng đầu của các quốc gia; nhằm thực hiện tiến bộ, công bằng và góp phần đảm bảo an sinh xã hội. Nắm được những nội dung cơ bản về TT&PTKT giúp cho mỗi công dân nhận thức được trách nhiệm của bản thân, góp phần thúc đẩy TT&PTKT.

Tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế là hai thuật ngữ được dùng trong hoạt động kinh tế. Các chỉ tiêu về TT&PTKT được sử dụng để đánh giá thành tựu kinh tế vĩ mô của mỗi quốc gia. Để thực hiện thành công mục tiêu phát triển bền vững, mỗi quốc gia không chỉ quan tâm thực hiện các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế mà còn phải chú trọng đến các tiêu chí đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.

**2. Hoạt động: Khám phá**

**Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Tăng trưởng kinh tế và các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế**

**a) Mục tiêu**

HS nêu được khái niệm và các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế.

**b) Nội dung**

HS làm việc theo nhóm, giáo viên chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm đọc thông tin trong sách giáo khoa đưa ra, qua sát biểu đồ và trả lời câu hỏi

*Dựa vào bảng 1.1, hình 1.1 và thông tin trong bài, em hãy:*

*- Nhận xét sự thay đổi của tăng trưởng kinh tế của Việt Nam qua các năm.*

*- Cho biết để xác định tăng trưởng kinh tế của một quốc gia, cần căn cứ vào những chỉ tiêu nào; những chỉ tiêu đó phản ánh điều gì.*

**c) Sản phẩm**

Học sinh trả lời được các câu hỏi theo các nội dung dưới đây:

**1/ Nhận xét:**

- Trong giai đoạn 2018 – 2022, quy mô GDP và GDP/ người của Việt Nam có sự tăng trưởng nhanh. Cụ thể:

+ Quy mô GDP tăng 1017,87 nghìn tỉ đồng.

+ GDP/ người tăng 8,082 nghìn tỉ đồng.

- Từ năm 1996 – 2021, tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người cũng có sự tăng trưởng mạnh. Cụ thể: thu nhập bình quân đầu người năm 2021 đạt 3590 USD/ người, gấp khoảng 11,96 lần so với năm 1996.

**2/ Cho biết để xác định tăng trưởng kinh tế của một quốc gia, cần căn cứ vào những chỉ tiêu như:**

**- Tổng sản phẩm quốc nội (GDP):**

+ GDP là tổng giá trị của toàn bộ hàng hoá và dịch vụ cuối cùng tạo ra trong phạm vi lãnh thổ của quốc gia trong một thời kì nhất định (thường là một năm).

+ GDP là thước đo đánh giá tốc độ tăng trưởng kinh tế của một quốc gia trong một thời điểm nhất định.

**- Tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người (GDP/người):**

+ GDP/ người là tổng sản phẩm quốc nội của quốc gia trong năm chia cho dân số trung bình trong năm tương ứng.

+ Đây cũng là chỉ tiêu quan trọng để so sánh, đánh giá trình độ phát triển kinh tế và mức sống dân cư giữa các quốc gia hoặc giữa các vùng, tỉnh, thành trong cả nước; là một trong những căn cứ để tính chỉ số phát triển con người (HDI).

**- Tổng thu nhập quốc dân (GNI)**

+ Tổng thu nhập lần đầu được tạo ra từ các yếu tố thuộc sở hữu của quốc gia tham gia vào hoạt động sản xuất trên lãnh thổ quốc gia hay ở nước ngoài trong một thời kì nhất định.

+ GNI là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá sự tăng trưởng kinh tế và đo lường, theo dõi sự giàu có của một nền kinh tế.

**- Tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người (GNI/người)**

+ GNI/ người được tính bằng công thức: Tổng thu nhập của quốc gia trong năm chia cho dân số trung bình trong năm tương ứng.

+ GNI/người dùng để đánh giá mức sống, phân hoá giàu nghèo, tính tỉ lệ nghèo nhằm hoạch định chính sách góp phần nâng cao mức sống, xoá đói, giảm nghèo.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm đọc thông tin trong sách giáo khoa đưa ra, qua sát biểu đồ và trả lời câu hỏi  *Dựa vào bảng 1.1, hình 1.1 và thông tin trong bài, em hãy:*  *- Nhận xét sự thay đổi của tăng trưởng kinh tế của Việt Nam qua các năm.*  *- Cho biết để xác định tăng trưởng kinh tế của một quốc gia, cần căn cứ vào những chỉ tiêu nào; những chỉ tiêu đó phản ánh điều gì.*  **Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh đọc thông tin.  - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấyhoặc phiếu học tập.  **Báo cáo, thảo luận**  GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi**,** các HS khác bổ sung ý kiến.  **Kết luận, nhận định**  GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:  + Tăng trưởng kinh tế là sự tăng lên về thu nhập hay tổng giá trị hàng hoá và dịch vụ mà nền kinh tế tạo ra trong một thời kì nhất định (so với thời kì gốc cần so sánh).  + Một số chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế:  • Tổng sản phẩm quốc nội (GDP): là thước đo sản lượng quốc gia (giá trị tạo ra ở trong nước), đánh giá mức độ hoạt động của nền kinh tế, phản ánh năng lực của nền kinh tế trong việc thoả mãn nhu cầu và nguyện vọng của nhân dân.  • Tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người (GDP/người): là thước đo lượng hàng hoá, dịch vụ trung bình một người dân của quốc gia có thể có, phản ánh cụ thể hơn quy mô sản lượng của quốc gia so với chỉ tiêu GDP, đồng thời phản ánh mức sống tương đối của người dân ở quốc gia đó trong một thời kì nhất định.  • Tổng thu nhập quốc dân (GNI): là thước đo về thu nhập của nền kinh tế trong một thời kì nhất định, thể hiện đầy đủ hơn sự tăng trưởng về quy mô của nền kinh tế so với chỉ tiêu GDP (vì có tính thêm yếu tố ngoài lãnh thổ quốc gia).  • Tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người (GNI/người): là thước đo trung bình mức thu nhập một người dân trong quốc gia thu được trong năm, thể hiện cụ thể hơn sự tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia, được dùng để so sánh kết quả tăng trưởng kinh tế giữa các quốc gia, đồng thời cũng được dùng làm thước đo về sự gia tăng mức thu nhập, mức sống của người dân giữa các quốc gia. | **1. Tăng trưởng kinh tế và các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế**  - Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng về quy mô sản lượng của một nền kinh tế trong một khoảng thời gian nhất định  - Một số chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế:  + Tổng sản phẩm quốc nội (GDP)  + Tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người (GDP/người  + Tổng thu nhập quốc dân (GNI)  + Tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người (GNI/người) |

**Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Phát triển kinh tế và các chỉ tiêu của phát triển kinh tế**

**a) Mục tiêu**

HS nêu được khái niệm phát triển kinh tế. Nêu được các chỉ tiêu phát triển kinh tế.

**b) Nội dung**

GV triển khai lần lượt từng nhiệm vụ học tập: yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát hình ảnh, bảng số liệu trong SGK và trả lời câu hỏi:

Dựa vào các biểu đồ, bảng số liệu và thông tin trong bài, em hãy:

*Nhận xét sự phát triển kinh tế của Việt Nam.*

*Cho biết em hiểu như thế nào về các chỉ tiêu của phát triển kinh tế; các chỉ tiêu đó phản ánh điều gì.*

**Tích hợp quyền con người**

**- Mức độ tích hợp:**Tích hợp liên hệ với yêu cầu cần đạt sau: Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế; phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế.

**- Cách thức thực hiện:** Giáo viên giúp học sinh hiểu được việc thực hiện tốt các chỉ tiêu về phát triển kinh tế đặc biệt là chỉ tiêu về tiến bộ xã hội chính là góp phần thực hiện các quyền con người cơ bản

Trước hết, để hiện thực hóa các quyền con người, đặc biệt là các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa, các nhà nước và cộng đồng quốc tế cần có những nguồn lực vật chất mà chỉ có thể có được nhờ sự tăng trưởng kinh tế. Theo nghĩa này, tăng trưởng kinh tế có thể coi là một phưong tiện quan trọng để hiện thực hóa các quyền con người.

Đổi lại, quyền con người cũng góp phần thúc đẩy và duy trì sự tăng trưởng kinh tế bền vững, bởi lẽ quyền con người giúp kiến tạo và duy trì sự quản lý tốt - yếu tố nền tảng cho sự phát triển kinh tế. Quan trọng hơn, chỉ khi các quyền con người được bảo đảm mới giải phóng năng lực của mọi cá nhân con người, tạo ra sức sống, sự năng động của các xã hội trên mọi lĩnh vực trong đó có lĩnh vực kinh tế.

**c) Sản phẩm**

**1/ Nhận xét:**

Trong giai đoạn từ 2017 – 2022, kinh tế Việt Nam đã có sự phát triển nhanh. Điều này được thể hiện qua sự tăng trưởng của các chỉ tiêu về: GDP, các chỉ số thể hiện sự tiến bộ và công bằng xã hội; cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động. Cụ thể:

+ Về tốc độ tăng trưởng GDP: năm 2022, GDP của Việt Nam đạt 8,02% (tăng 0.55% so với năm 2018).

+ Về chỉ số phát triển con người (HDI), năm 2021 đạt 0,726 (tăng 0.033 so với năm 2018)

+ Tỉ lệ nghèo đa chiều năm 2021 đạt 4.4% (giảm 1,4% so với năm 2018)

+ Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập năm 2021 đạt 0,374 (giảm 0.051 so với năm 2018).

+ Cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động có sự chuyển dịch theo hướng hiện đại – tức là: tăng tỉ trọng trong các ngành công nghiệp – xây dựng và dịch vụ; giảm tỉ trọng trong các ngành nông – lâm – ngư nghiệp.

**2/ Phát triển kinh tế được thể hiện qua các chỉ tiêu sau:**

**- Sự gia tăng của các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế:**được thể hiện ở các chỉ số GDP; GDP/ người; GNI và GNI/ người.

**- Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng tiến bộ, hợp lí:**

+ Sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá: tăng tỉ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm tỉ trọng ngành nông nghiệp trong GDP nhưng giá trị tuyệt đối của các ngành đều tăng.

+ Cơ cấu kinh tế ngành phản ánh trình độ phân công lao động xã hội, thể hiện trình độ phát triển của lực lượng xã hội, trình độ khoa học công nghệ,...

**- Chỉ tiêu về tiến bộ xã hội:**Được thể hiện qua các chỉ số cơ bản như:

***+ Chỉ số phát triển con người (HDI):*** phản ánh sự phát triển của con người trên ba phương diện là sức khoẻ giáo dục và thu nhập.

***+ Chỉ số đói nghèo:*** thể hiện qua tỉ lệ nghèo đa chiều, phản ánh những thiếu hụt mà người nghèo phải đối mặt cùng một lúc liên quan đến tiêu chí thu nhập, tiêu chí mức độ thiểu hụt các dịch vụ cơ bản (việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin).

***+ Chỉ số bất bình đẳng xã hội:*** thể hiện qua hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (hệ số Gini), phản ánh tình trạng bất bình đẳng trong phân phối thu nhập của các tầng lớp dân cư.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Giao nhiệm vụ học tập**  GV triển khai lần lượt từng nhiệm vụ học tập: yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát hình ảnh, bảng số liệu trong SGK và trả lời câu hỏi:  Dựa vào các biểu đồ, bảng số liệu và thông tin trong bài, em hãy:  *Nhận xét sự phát triển kinh tế của Việt Nam.*  *Cho biết em hiểu như thế nào về các chỉ tiêu của phát triển kinh tế; các chỉ tiêu đó phản ánh điều gì.*  **Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.  **Báo cáo, thảo luận**  GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.  **Kết luận, nhận định**  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét  Phát triển kinh tế là sự lớn lên về quy mô cùng với những thay đổi về cấu trúc nền kinh tế, mang lại những chuyển biến tích cực về xã hội. | **2. Phát triển kinh tế và các chỉ tiêu của phát triển kinh tế.**  - Phát triển kinh tế là sự tăng trưởng kinh tế gắn liền với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đảm bảo tiến bộ xã hội.  - Các chỉ tiêu đánh giá phát triển kinh tế bao gồm:  + Sự gia tăng GDP, GNI, GDP/người, GNI/người.  + Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng tích cực: tỉ trọng của ngành công nghiệp, dịch vụ trong GDP tăng lên, tỉ trọng của ngành nông nghiệp giảm đi.  + Chỉ tiêu về tiến bộ xã hội: chỉ số phát triển con người HDI tăng, chỉ số đói nghèo, chỉ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (hệ số Gini) giảm. Tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế có quan hệ mật thiết với nhau. |

**Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế**

**a) Mục tiêu**

HS giải thích được vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

*Theo em tăng trưởng và phát triển kinh tế có vai trò như thế nào? Lấy ví dụ minh họa.*

**c) Sản phẩm**

***1/ Đoạn thông tin trên đề cập đến nhiều vai trò của phát triển kinh tế. Cụ thể là:***

+ Phát triển kinh tế với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực góp phần nâng cao trình độ phát triển, tạo đà phát triển nhanh, vững chắc cho nền kinh tế.

+ Với những tác động từ kết quả tăng trưởng kinh tế ổn định, bền vững, phát triển kinh tế đảm bảo những tiền đề vật chất cần thiết cho việc phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, văn hoá, giáo dục, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh hội nhập quốc tế, góp phần nâng cao sức mạnh và sự thịnh vượng của quốc gia.

+ Với việc thực hiện tiến bộ xã hội, phát triển kinh tế không chỉ tạo điều kiện vật chất mà còn tạo điều kiện đảm bảo thực hiện tiến bộ xã hội như xây dụng thể chế kinh tế tiến bộ, nâng cao năng lực tổ chức quản lí của Nhà nước, thực hiện phân phối công bằng, hợp lí,…

***2/ Học sinh chủ động lấy các ví dụ để minh họa***

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:  GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:  *Theo em tăng trưởng và phát triển kinh tế có vai trò như thế nào? Lấy ví dụ minh họa*  **Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận.  - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.  **Báo cáo thảo luận**  - GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.  **Kết luận, nhận định**  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét  Tăng trưởng và phát triển kinh tế tạo điều kiện cho mọi người có việc làm và thu nhập ổn định, cuộc sống ấm no, có điều kiện chăm sóc sức khoẻ, nâng cao tuổi thọ, đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng phong phú, có điều kiện học tập, tham gia các hoạt động xã hội, phát triển con người toàn diện. | **3. Vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế**  - Tăng trưởng kinh tế là một trong những chỉ tiêu của phát triển kinh tế, phản ánh sự thay đổi về mặt lượng, còn phát triển kinh tế phản ánh sự vận động của nền kinh tế cả về mặt chất;  - Tạo tiền để vật chất để giảm bớt tình trạng đói nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân;  - Tạo điều kiện giải quyết vấn đề việc làm;  - Tạo tiền đề vật chất để củng cố an ninh quốc phòng, chế độ chính trị, vai trò quản lí của Nhà nước đối với xã hội;  - Tạo điều kiện tiên quyết để khắc phục sự tụt hậu so với các quốc gia khác. |

**Nội dung 4: Tìm hiểu nội dung: Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững**

**a) Mục tiêu**

HS trình bày được mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

Dựa vào thông tin trong bài, em hãy:

*- Chỉ ra mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững.*

***-*** *Làm rõ chủ trương, chính sách phát triển bền vững của Việt Nam.*

**c) Sản phẩm**

***1/ Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững***

+ Tăng trưởng kinh tế là nội dung cơ bản, điều kiện cần của phát triển bền vững;

+ Tăng trưởng kinh tế mà không chú trọng đến phát triển bền vững sẽ dẫn đến hậu quả như: môi trường, tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt; phân hoá giàu nghèo; sự bất bình đẳng; ảnh hưởng xấu đến văn hoá truyền thống, đạo đức, lối sống,…

***2/ Chủ trương, chính sách phát triển bền vững của Việt Nam***

- Quan điểm chỉ đạo phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong quá trình phát triển đất nước; trong đó chú trọng các vấn đề như:

+ Kết hợp chặt chẽ, hợp lí và hài hoà giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội và bảo vệ tài nguyên, môi trường;

+ Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu;

+ Bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền quốc gia.

- Mục tiêu tổng quát của phát triển bền vững là :

+ Duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững đi đối với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái, quản lí và sử dụng hiệu quả tài nguyên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu;

+ Bảo đảm mọi người dân được phát huy mọi tiềm năng, tham gia và thụ hưởng bình đẳng thành quả của phát triển;

+ Xây dựng một xã hội Việt Nam hoà bình, thịnh vượng, bao trùm, công bằng, dân chủ, văn minh và bền vững.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:  Dựa vào thông tin trong bài, em hãy:  *- Chỉ ra mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững.*  ***-*** *Làm rõ chủ trương, chính sách phát triển bền vững của Việt Nam.*  **Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận.  - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.  **Báo cáo thảo luận**  - GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.  **Kết luận, nhận định**  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét  + Tăng trưởng kinh tế là một nội dung của phát triển bền vững, điều kiện tiên quyết để thực hiện phát triển bền vững, điều kiện vật chất để nâng cao mức sống của nhân dân, thực hiện nhiều mục tiêu kinh tế – xã hội. Tăng trưởng kinh tế không hợp lí có thể tạo ra những tác động tiêu cực, cản trở tiến trình phát triển bền vững của quốc gia.  + Phát triển bền vững với những yêu cầu nâng cao chất lượng tăng trưởng cùng với thực hiện các chính sách phát triển xã hội tạo điều kiện giữ vững ổn định chính trị, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế | **3. Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững**  + Tăng trưởng kinh tế là nội dung cơ bản, điều kiện cần của phát triển bền vững;  + Tăng trưởng kinh tế mà không chú trọng đến phát triển bền vững sẽ dẫn đến những hậu quả như: môi trường, tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt; phân hoá giàu nghèo; sự bất bình đẳng; ảnh hưởng xấu đến văn hoá truyền thống, đạo đức, lối sống,... |

**3. Hoạt động: Luyện tập**

**Câu 1.** *Em hãy phân biệt tăng trưởng kinh tế với phát triển kinh tế theo gợi ý dưới đây*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ** | **PHÁT TRIỂN KINH TẾ** |
| Các chỉ tiêu |  |  |
| Vai trò |  |  |

**a) Mục tiêu**

HS vừa củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá, rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến nội dung bài học

**b) Nội dung**

Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể.

**c) Sản phẩm.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ** | **PHÁT TRIỂN KINH TẾ** |
| **Các chỉ tiêu** | - Tổng sản phẩm quốc nội (GDP)  - Tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người (GDP/người)  - Tổng thu nhập quốc dân (GNI)  - Tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người (GNI/người). | - Tăng trưởng kinh tế (GDP, GNI, GDP/người, GNl/người).  - Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng tích cực:  + Tỉ trọng của ngành công nghiệp, dịch vụ trong GDP tăng lên;  + Tỉ trọng của ngành nông nghiệp giảm đi.  - Chỉ tiêu về tiến bộ xã hội:  + Chỉ số phát triển con người HDI tăng;  + Chỉ số đói nghèo, chỉ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (Gini) giảm. |
| **Vai trò** | - Tăng trưởng kinh tế có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của quốc gia.  + Tăng trưởng kinh tế là điều kiện cần thiết để khắc phục tình trạng đói nghèo lạc hậu, tạo điều kiện để giải quyết việc làm, tăng thu nhập, nâng cao phúc lợi xã hội, phát triển văn hoá, giáo dục, thể thao... góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân;  + Là tiền đề vật chất để củng cố an ninh, quốc phòng, nâng cao vai trò quản lí của Nhà nước, vị thế của quốc gia.  - Tăng trưởng kinh tế là điều kiện tiên quyết để khắc phục tình trạng tụt hậu đối với quốc gia đang phát triển như Việt Nam. | - Phát triển kinh tế có vai trò vô cùng quan trọng đối với mỗi quốc gia:  + Đảm bảo những tiền đề vật chất cần thiết cho việc phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội, văn hoá, giáo dục, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh hội nhập quốc tế, góp phần nâng cao sức mạnh và sự thịnh vượng của quốc gia.  + Góp phần nâng cao trình độ phát triển, tạo đà phát triển nhanh, vững chắc cho nền kinh tế.  + Tạo điều kiện đảm bảo thực hiện tiến bộ xã hội như xây dụng thể chế kinh tế tiến bộ, nâng cao năng lực tổ chức quản lí của Nhà nước, thực hiện phân phối công bằng, hợp lí,…  - Phát triển kinh tế là điều kiện tiên quyết để khắc phục tình trạng tụt hậu đối với nước đang phát triển như Việt Nam. |

**d) Tổ chức thực hiện**

**Giao nhiệm vụ học tập**

GV giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu từng nội dung trên cơ sở đó phân biệt được tăng trưởng và phát triển kinh tế theo từng yêu cầu đưa ra

**Thực hiện nhiệm vụ**

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào phiếu học tập.

**Báo cáo, thảo luận**

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận

**Kết luận, nhận định**

*-* Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp và đưa ra kết luận

**Câu 2. *Nhận định nào sau đây đúng về các chỉ tiêu tăng trưởng và phát triển kinh tế? Vì sao?***

**a) Mục tiêu**

HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến các vấn đề cơ bản của tăng trưởng và phát triển kinh tế.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu từng ý kiến trong bài tập 2, bày tỏ quan điểm và đưa ra giải thích về sự lựa chọn đó.

**c) Sản phẩm**

**- Nhận định a. *Đúng.* Vì:**Trăng trưởng kinh tế được đánh giá qua một số chỉ tiêu như: Tổng sản phẩm quốc nội (GDP); Tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người (GDP/người); Tổng thu nhập quốc dân (GNI); Tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người (GNI/người).

**- Nhận định b. *Đúng.* Vì:**GDP là tổng giá trị của toàn bộ hàng hoá và dịch vụ cuối cùng tạo ra trong phạm vi lãnh thổ của quốc gia trong một thời kì nhất định (thường là một năm). GDP là thước đo đánh giá tốc độ tăng trưởng kinh tế của một quốc gia trong một thời điểm nhất định.

**- Nhận định c. *Đúng.* Vì:**Chỉ số GNI/ người được tính bằng công thức: tổng thu nhập của quốc gia trong năm chia cho dân số trung bình trong năm tương ứng. GNI/người dùng để đánh giá mức sống, phân hoá giàu nghèo, tính

**- Nhận định d. *Đúng.* Vì:**Phát triển kinh tế là sự tăng trưởng kinh tế gắn liền với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đảm bảo tiến bộ xã hội.

**- Nhận định e. *Đúng.* Vì:**Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng về quy mô sản lượng của một nền kinh tế trong khoảng thời gian nhất dịnh (so với thời kì gốc). Sự gia tăng đó được thể hiện trong quy mô và tốc độ. Trong đó, quy mô và tốc độ tăng trưởng thể hiện sự thay đổi nhanh hay chậm giữa các thời kì.

**- Nhận định g. *Không đúng.* Vì:**Tăng trưởng kinh tế chỉ là sự thay đổi về lượng của nền kinh tế. Phát triển kinh tế có phạm vi rộng lớn, toàn diện hơn bao hàm cả chất và lượng (tức là bao hàm cả tăng trưởng kinh tế lẫn chuyển dịch cơ cấu và tiến bộ xã hội.)

**d) Tổ chức thực hiện**

**Giao nhiệm vụ học tập**

GV giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu từng ý kiến trong bài tập 2, bày tỏ quan điểm và đưa ra giải thích về sự lựa chọn đó.

**Thực hiện nhiệm vụ**

Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

**Báo cáo, thảo luận**

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập, GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến.

**Kết luận, nhận định**

*-* Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát

***- Nhận định a. Đúng. Vì:****Trăng trưởng kinh tế được đánh giá qua một số chỉ tiêu như: Tổng sản phẩm quốc nội (GDP); Tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người (GDP/người); Tổng thu nhập quốc dân (GNI); Tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người (GNI/người).*

***- Nhận định b. Đúng. Vì:****GDP là tổng giá trị của toàn bộ hàng hoá và dịch vụ cuối cùng tạo ra trong phạm vi lãnh thổ của quốc gia trong một thời kì nhất định (thường là một năm). GDP là thước đo đánh giá tốc độ tăng trưởng kinh tế của một quốc gia trong một thời điểm nhất định.*

***- Nhận định c. Đúng. Vì:****Chỉ số GNI/ người được tính bằng công thức: tổng thu nhập của quốc gia trong năm chia cho dân số trung bình trong năm tương ứng. GNI/người dùng để đánh giá mức sống, phân hoá giàu nghèo, tính*

***- Nhận định d. Đúng. Vì:****Phát triển kinh tế là sự tăng trưởng kinh tế gắn liền với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đảm bảo tiến bộ xã hội.*

***- Nhận định e. Đúng. Vì:****Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng về quy mô sản lượng của một nền kinh tế trong khoảng thời gian nhất dịnh (so với thời kì gốc). Sự gia tăng đó được thể hiện trong quy mô và tốc độ. Trong đó, quy mô và tốc độ tăng trưởng thể hiện sự thay đổi nhanh hay chậm giữa các thời kì.*

***- Nhận định g. Không đúng. Vì:****Tăng trưởng kinh tế chỉ là sự thay đổi về lượng của nền kinh tế. Phát triển kinh tế có phạm vi rộng lớn, toàn diện hơn bao hàm cả chất và lượng (tức là bao hàm cả tăng trưởng kinh tế lẫn chuyển dịch cơ cấu và tiến bộ xã hội.)*

**Câu 3.** ***Em hãy xác định chỉ tiêu phát triển kinh tế trong các thông tin sau và nhận xét về sự thay đổi của các chỉ tiêu này?***

**a) Mục tiêu**

HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được các chỉ tiêu cơ bản của phát triển kinh tế

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc nhóm, chuẩn bị thuyết trình từng nội dung đã được giáo viên yêu cầu

**c) Sản phẩm**

HS chỉ ra được một số nội dung sau

**- Thông tin a**

*+ Chỉ tiêu:*Tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người (GNI/ người)

*+ Nhận xét:*trong giai đoạn 2011 – 2020, GNI/ người của Việt Nam đã có sự tăng trưởng nhanh chóng. Cụ thể là: năm 2020, GNI bình quân đầu người của Việt Nam tăng gần gấp hai lần so với năm 2011.

**- Thông tin b.**

*+ Chỉ tiêu:*chỉ số phát triển con người (HDI)

*+ Nhận xét:*so với giai đoạn trước, chỉ số HDI của Việt Nam năm 2021 đã có sự tăng lên. Cụ thể: chỉ số HDI Việt Nam năm 2021 là 0,703, xếp hạng 115/191 quốc gia trên thế giới.

**- Thông tin c.**

*+ Chỉ tiêu:*chỉ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập

*+ Nhận xét:*từ 2016 – 2020, hệ số Gini của Việt Nam đã giảm 0.058 (0,431 năm 2016 xuống còn 0,373 năm 2020) và nằm trong ngưỡng an toàn, hiệu quả, phù hợp cho mục tiêu tăng trưởng cao.

**d) Tổ chức thực hiện**

**Chuyển giao nhiệm vụ**

GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc nhóm, chuẩn bị thuyết trình từng nội dung đã được giáo viên yêu cầu

**Thực hiện nhiệm vụ**

HS làm việc nhóm đọc và xác định chỉ tiêu về phát triển kinh tế trong từng thông tin và đưa ra nhận xét.

**Báo cáo, thảo luận**

GV triển khai báo cáo kết quả thảo luận cho từng vấn đề. Mời đại diện nhóm 1 thuyết trình, đại diện nhóm 2 nêu câu hỏi phản biện, nhận xét và bổ sung ý kiến. Các HS khác có thêm ý kiến đóng góp.

**Kết luận, nhận định**

*-* Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh thấy được vai trò của từng chỉ tiêu đối với sự phát triển kinh tế.

**Câu 4.** ***Ý kiến nào dưới đây đúng khi bàn về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững?***

**a) Mục tiêu**

HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững

**b) Nội dung**

HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra câu trả lời, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quanh để làm nổi bật vấn đề

**c) Sản phẩm**

- HS chỉ ra được

+ Nhận định đúng về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững là: Duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường.

**d) Tổ chức thực hiện**

**Chuyển giao nhiệm vụ**

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các ý kiến và trả lời câu hỏi trong SGK.

**Thực hiện nhiệm vụ**

HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm đôi, chuẩn bị câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.

**Báo cáo, thảo luận**

GV mời 1 – 2 HS trả lời lần lượt từng ý kiến, các HS khác nêu câu hỏi phản biện, nhận xét và bổ sung.

**Kết luận, nhận đinh**

GV nhận xét và kết luận

Nhận định đúng về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững là: Duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường.

**Câu 5.** ***Em hãy cho biết trách nhiệm của thanh niên đối với sự phát triển kinh tế trong thông tin sau:***

**a) Mục tiêu**

HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được trách nhiệm của học sinh, thanh niên trong vấn đề phát triển kinh tế đất nước.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi:

*Em hãy cho biết trách nhiệm của thanh niên đối với sự phát triển kinh tế trong thông tin trên?*

**c) Sản phẩm**

\* HS chỉ ra được

- Trách nhiệm của thế hệ trẻ: thế hệ trẻ đóng là lực lượng xung kích, có vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Để thực hiện trách nhiệm đó, thế hệ trẻ Việt Nam cần:

+ Tích cực học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ kiến thức và kĩ năng nhằm đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động.

+ Tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các cuộc thi khoa học - kĩ thuật dành cho học sinh, sinh viên.

+ Suy nghĩ, đề xuất, phát triển và hiện thực hóa các ý tưởng kinh doanh khởi nghiệp.

+ Tham gia các hoạt động cộng đồng, như: bảo vệ môi trường, thiện nguyện,…

**d) Tổ chức thực hiện**

**Chuyển giao nhiệm vụ**

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi:

*Em hãy cho biết trách nhiệm của thanh niên đối với sự phát triển kinh tế trong thông tin trên?*

**Thực hiện nhiệm vụ**

HS làm việc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời ra giấy, vở hoặc phiếu học tập

**Báo cáo, thảo luận**

GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác nêu câu hỏi phản biện, nhận xét và bổ sung ý kiến. Sau đó mời 1 – 2 HS giới thiệu tấm gương thanh niên có nhiều thành tích góp phần phát triển kinh tế đất nước

**Kết luận, nhận định**

GV nhận xétvà kết luận

Thanh niên Việt Nam phải rèn luyện nâng cao ý chí tự cường, tự hào dân tộc, có lí tưởng cách mạng, hoài bão, khát vọng vươn lên xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc; có đạo đức, ý thức công dân, chấp hành pháp luật; có sức khoẻ, văn hoá, kiến thức khoa học, công nghệ, kĩ năng sống; có nghề nghiệp, ý chí lập thân, lập nghiệp, năng động, sáng tạo. Phát huy tinh thần xung kích, tình nguyện, sáng tạo, trách nhiệm của thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong hội nhập quốc tế, chuyển đổi số quốc gia,...

**4. Hoạt động: Vận dụng**

**Em hãy sưu tầm thông tin về vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế đối với lĩnh vực giáo dục, y tế ở một quốc gia mà em biết.**

**a) Mục tiêu**

HS tự giác áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến tăng trưởng và phát triển kinh tế trong thực tiễn cuộc sống.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng: Em hãy sưu tầm thông tin về vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế đối với lĩnh vực giáo dục, y tế ở một quốc gia mà em biết.

**c) Sản phẩm**

- Bước đầu áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến tăng trưởng và phát triển kinh tế trong thực tiễn cuộc sống.

**d) Tổ chức thực hiện**

**Chuyển giao nhiệm vụ**

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng: Em hãy sưu tầm thông tin về vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế đối với lĩnh vực giáo dục, y tế ở một quốc gia mà em biết.

**Thực hiện nhiệm vụ**

Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

**Báo cáo, thảo luận**

Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

**Kết luận, nhận định**

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn trách nhiệm của mình đối với việc thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế đất nước.

**Tiết PPCT:** 7, 8, 9, 10, 11.

**Chủ đề: 2*/Hội nhập kinh tế quốc tế***

**BÀI 2. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Nêu được khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế.

- Giải thích được hội nhập kinh tế quốc tế là cần thiết đối với mọi quốc gia.

- Liệt kê được các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế.

**2. Năng lực**

*- Điều chỉnh hành vi:* Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi không chấp hành chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

*- Phát triển bản thân:* Xác định được trách nhiệm của bản thân trong hội nhập kinh tế quốc tế.

*- Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội:* Tìm hiểu và đưa ra được dẫn chứng thực tế về hội nhập kinh tế quốc tế trong một số trường hợp cụ thể. Tham gia tuyên truyền việc chấp hành các chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước.

**3. Phẩm chất**

- Yêu nước: Tự hào về những thành tựu hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

- Có trách nhiệm trong việc tham gia các hoạt động góp phần thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

**4. Tích hợp quyền con người**

**- Mức độ tích hợp:** *Tích hợp liên hệ với yêu cầu cần đạt sau:* Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi không chấp hành chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**- Cách thức thực hiện:** Căn cứ vào nội dung quyền con người về các lĩnh vực chính trị, kinh tế, giáo viên yêu cầu học sinh lấy các ví dụ về những việc làm hội nhập kinh tế quốc tế qua đó đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền KT, XH, VH.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12;

- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;

- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động: Mở đầu**

**a) Mục tiêu**

Giới thiệu mục tiêu, ý nghĩa của bài học. Khai thác trải nghiệm của HS về vấn đề liên quan đến nội dung bài học mới, tạo hứng thú học tập và giúp HS có hiểu biết ban đầu về hội nhập kinh tế quốc tế

**b) Nội dung**

GV mở đầu bài học bằng cách cho HS quan sát hai hình ảnh trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi:

*Em hãy quan sát và cho biết các hình ảnh sau là biểu tượng của tổ chức nào và chia sẽ hiểu biết về tổ chức đó?*

**c) Sản phẩm**

Học sinh bước đầu nhận biết được những biểu hiện ban đầu của việc hội nhập kinh tế quốc tế mà nước ta đã và đang tham gia.

- Hình 2.1 – Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương:

+ APEC được thành lập năm 1989 với tôn chỉ là thúc đẩy tự do thương mại, đầu tư và mở cửa trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

+ Hiện nay, APEC gồm có 21 nền kinh tế thành viên.

+ Việt Nam là thành viên của tổ chức này từ năm 1998.

+ Mục tiêu hoạt động của APEC là: Giữ vững sự tăng trưởng và phát triển trong khu vực; Tăng cường hệ thống đa phương mở vì lợi ích của châu Á - Thái Bình Dương và các nền kinh tế khác; Phát huy những tác động tích cực của sự phụ thuộc KT lẫn nhau ngày càng tăng của KT khu vực và thế giới bằng cách đẩy mạnh sự giao lưu hàng hóa - dịch vụ, vốn và công nghệ.

- Hình 2,2 – Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á

+ ASEAN được thành lập năm 1967, tại Băng Cốc (Thái Lan).

+ Khi mới thành lập, ASEAN có 5 nước thành viên. Tới nay (2023), đã có 10/11 quốc gia ở Đông Nam Á là thành viên của tổ chức này.

+ Mục tiêu chung của ASEAN là: đoàn kết và hợp tác vì một ASEAN hòa bình, an ninh, ổn định, cùng phát triển hướng đến “Một Tầm nhìn, Một Bản sắc, Một Cộng đồng”

+ Việt Nam ra nhập ASEAN vào năm 1995.

**d) Tổ chức thực hiện**

**Giao nhiệm vụ học tập:**

GV mở đầu bài học bằng cách cho HS quan sát hai hình ảnh trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi:

Em hãy quan sát và cho biết các hình ảnh sau là biểu tượng của tổ chức nào và chia sẽ hiểu biết về tổ chức đó

**Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân, chuẩn bị câu trả lời ra giấy.

GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

**Báo cáo, thảo luận**

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó dẫn dắt HS vào bài mới như lời dẫn trong SGK.

**Kết luận, nhận định**

*-* Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

**Gv nhấn mạnh:**

Trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay, hội nhập kinh tế quốc tế trở thành xu hướng tất yếu, phổ biến đối với các quốc gia trên thế giới nhằm tăng cường sự hợp tác, liên kết, cùng phát triển. Đối với Việt Nam, hội nhập kinh tế quốc tế là cơ hội để rút ngắn khoảng cách với các nước có nền kinh tế phát triển, khắc phục nguy cơ tụt hậu.

**2. Hoạt động: Khám phá**

**Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Tìm hiểu khái niệm và sự cần thiết hội nhập kinh tế quốc tế**

**a) Mục tiêu.** HS nêu được khái niệm và sự cần thiết hội nhập kinh tế quốc tế.

**b) Nội dung.** HS làm việc theo nhóm, giáo viên chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm đọc thông tin trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

*Dựa vào thông tin trong bài, em hãy:*

*+ Cho biết vì sao hội nhập kinh tế quốc tế lại là vấn đề tất yếu đối với các quốc gia và nêu ví dụ minh hoạ.*

*+ Cho biết em hiểu thế nào là hội nhập kinh tế quốc tế.*

**c) Sản phẩm.**

Học sinh trả lời được các câu hỏi theo các nội dung dưới đây:

**a/ Hội nhập kinh tế quốc tế lại là vấn đề tất yếu đối với các quốc gia vì:**

+ Thời đại toàn cầu hoá đã đặt ra nhiều vấn đề chung cần các quốc gia giải quyết như: bùng nổ dân số, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh và sự tác động mạnh mẽ của cách mạng khoa học và công nghệ.

+ Bên cạnh đó, toàn cầu hoá cũng thúc đẩy các quốc gia tham gia vào phân công lao động quốc tế. Các yếu tố sản xuất được lưu thông toàn cầu khiến các quốc gia không thể không hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Ngoài ra, hội nhập quốc tế còn là nhu cầu phát triển của mọi quốc gia, bởi: hội nhập đem lại cho các quốc gia những nguồn lực, cơ hội để phát triển như: thị trường; thành tựu khoa học - công nghệ; nguồn vốn; kinh nghiệm quản lí; các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ phong phú;...

**b/ Hội nhập kinh tế quốc tế**: là quá trình gắn kết nền kinh tế của một quốc gia với nền kinh tế thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích, đồng thời tuân thủ các chuẩn mực chung của quốc tế.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Giao nhiệm vụ học tập**  HS làm việc theo nhóm, giáo viên chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm đọc thông tin trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi  *Dựa vào thông tin trong bài, em hãy:*  *+ Cho biết vì sao hội nhập kinh tế quốc tế lại là vấn đề tất yếu đối với các quốc gia và nêu ví dụ minh hoạ.*  *+ Em hiểu thế nào là hội nhập kinh tế quốc tế?*  **Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh đọc thông tin.  - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấyhoặc phiếu học tập.  **Báo cáo, thảo luận**  GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi**,** các HS khác bổ sung ý kiến.  **Kết luận, nhận định**  – GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:  Kinh tế thị trường phát triển đòi hỏi phải mở rộng thị trường, hình thành thị trường khu vực và quốc tế. Bên cạnh đó, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - kĩ thuật đã thúc đẩy phân công lao động mang tính quốc tế dẫn đến xu hướng toàn cầu hoá kinh tế với sự gia tăng các hoạt động kinh tế vượt qua mọi biên giới quốc gia, khu vực, tạo ra sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế, hướng tới một nền kinh tế thế giới thống nhất. | **1. Khái niệm và sự cần thiết hội nhập kinh tế quốc tế**  Hội nhập kinh tế quốc tế: là quá trình gắn kết nền kinh tế của một quốc gia với nền kinh tế thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích, đồng thời tuân thủ các chuẩn mực chung của quốc tế.  Hội nhập kinh tế quốc tế là xu thế tất yếu của thời đại, nhu cầu phát triển của mọi quốc gia. Hội nhập kinh tế quốc tế giúp các quốc gia tiếp cận, sử dụng nguồn lực vốn, nguồn lao động, tài nguyên và khoa học công nghệ, kinh nghiệm quản lí,... |

**Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế**

**a) Mục tiêu*.*** HS liệt kê được các cấp độ hội nhập kinh tế quốc tế

**b) Nội dung.** GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: *Dựa vào thông tin trong bài, em hãy: Phân biệt các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế và nêu ví dụ minh hoạ.*

**c) Sản phẩm.**

***Hội nhập kinh tế song phương:***

***- Đặc điểm:***

*+*Là sự liên kết, hợp tác giữa hai quốc gia dựa trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập và chủ quyền của nhau nhằm thiết lập và phát triển quan hệ giữa hai bên, góp phần thúc đẩy thương mại, liên kết đầu tư, đem lại lợi ích cho người dân, doanh nghiệp hai nước.

+ Hình thức này được thực hiện thông qua các hiệp định thương mại tự do, đầu tư trực tiếp nước ngoài,...

*+*Do chỉ là quan hệ giữa hai nước nên dễ đạt được những thoả thuận và nghĩa vụ, ưu đãi phù hợp, chỉ áp dụng cho hai quốc gia kí kết.

***- Ví dụ:***Việt Nam đã mở rộng quan hệ hợp tác song phương với hơn 170 quốc gia trên thế giới, kí kết trên 90 Hiệp định thương mại song phương, xây dựng và nâng cấp quan hệ đối tác chiến lược, đối tác chiến lược toàn diện với 17 nước

***Hội nhập kinh tế khu vực:***

***- Đặc điểm:***

*+*Là quá trình liên kết, hợp tác giữa các quốc gia trong một khu vực trên cơ sở tương đồng về địa lí, văn hoá, xã hội hoặc có chung mục tiêu, lợi ích phát triển thông qua các Tổ chức kinh tế khu vực, các Diễn đàn hợp tác kinh tế khu vực, Hiệp định đối tác kinh tế,...

*+*Hình thức này giúp quốc gia hợp tác kinh tế sâu rộng và toàn diện với các nước trong khu vực và thế giới, mở rộng thị trường, thu hút vốn đầu tư nước ngoài nhiều hơn, phát triển xuất khẩu, du lịch,... tạo môi trường hoà bình, ổn định, hữu nghị, hợp tác toàn diện trong khu vực và thế giới.

***- Ví dụ:***Việt Nam đã chủ động tham gia các hình thức hội nhập kinh tế khu vực như: Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu,....

***Hội nhập kinh tế toàn cầu:***

***- Đặc điểm:***

*+*Là quá  trình liên kết, gắn kết giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ với nhau thông qua việc tham gia các tổ chức kinh tế toàn cầu.

*+*Đây là hình thức hội nhập sâu rộng nhất của nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế giới tạo thêm nhiều cơ hội để hợp tác với nhiều quốc gia, tổ chức, khu vực trên toàn thế giới, mở rộng quan hệ thương mại ra thị trường toàn cầu,....

***- Ví dụ:***Việt Nam đã tích cực, chủ động tham gia các tổ chức kinh tế toàn cầu như Liên hợp quốc, Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Quỹ tiền tệ Quốc tế,...

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Giao nhiệm vụ học tập**  GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: *Dựa vào thông tin trong bài, em hãy: Phân biệt các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế và nêu ví dụ minh hoạ.*  **Báo cáo thảo luận**  - GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.  - GV mời một vài HS nêu ví dụ ví dụ tương ứng với các cấp độ hội nhập kinh tế quốc tế để làm rõ.  **Kết luận, nhận định**  Hội nhập kinh tế quốc tế thể hiện ở nhiều cấp độ khác nhau: Quốc gia có thể hội nhập kinh tế song phương thông qua hợp tác kinh tế với một quốc gia khác, hội nhập kinh tế khu vực khi tham gia các hoạt động kinh tế với nhiều quốc gia trong khu vực hoặc hội nhập với nền kinh tế thế giới với việc tham gia các tổ chức kinh tế quốc tế có phạm vi toàn cầu. | **2. Các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế**  *a) Các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế*  + Hội nhập song phương: quá trình liên kết, hợp tác giữa hai quốc gia dựa trên nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi, tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau nhằm thiết lập quan hệ kinh tế thương mại giữa các bên; hai nước ki kết thực hiện các chính sách và biện pháp mở cửa thị trường bằng các hiệp định song phương về thương mại, kinh tế và đầu tư.  + Hội nhập khu vực: quá trình liên kết, hợp tác giữa các quốc gia trong khu vực có những điều kiện địa lí, kinh tế, chính trị, xã hội hoặc có chung mục tiêu, lợi ích phát triển cam kết với nhau mỡ của thị trường, cùng hội nhập trên một số lĩnh vực kinh tế, thương mại.  + Hội nhập toàn cầu: các quốc gia trên thế giới, cùng nhau tạo ra các thoả thuận thông qua các tổ chức kinh tế toàn cầu nhằm cải thiện thương mại và kinh tế giữa các quốc gia. |

**Nội dung 4: Tìm hiểu nội dung: Các mức độ của hoạt động kinh tế đối ngoại.**

**a) Mục tiêu.** HS nêu được các mức độ của hoạt động kinh tế đối ngoại.

**b) Nội dung.** GV cho học sinh tìm hiểu nội dung Em cần biết và trả lời câu hỏi

*Em hãy kể tên các mức độ hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.*

**c) Sản phẩm.**

- Xét theo mức độ tham gia của mỗi quốc gia vào hội nhập kinh tế quốc tế, có các mức độ cơ bản từ thấp đến cao như sau:

+ Thoả thuận thương mại ưu đãi là thoả thuận giữa các bên tham gia nhằm hạ thấp một phần hàng rào thuế quan cho nhau và duy trì hàng rào đó với các bên khác không tham gia thoả thuận.

+ Hiệp định thương mại tự do là thoả thuận giữa các bên tham gia nhằm xoá bỏ hầu hết hàng rào thuế quan và phi thuế quan nhưng vẫn duy trì chính sách thuế quan riêng của mỗi bên đối với các nước ngoài hiệp định.

+ Liên minh thuế quan là hình thức xoá bỏ thuế quan và những rào cản phi thuế quan đối với hàng hoá, dịch vụ trong quan hệ buôn bán với các nước thành viên, đồng thời thiết lập và áp dụng một biểu thuế quan chung của các nước thành viên với các nước khác.

+ Thị trường chung được thành lập bởi các quốc gia trong một khu vực địa lí để thúc đẩy tự do thương mại, tự do di chuyển lao động và vốn giữa các thành viên

+ Liên minh kinh tế là hình thức các bên tham gia hình thành thị trường chung, đồng thời xây dựng chính sách kinh tế chung, thực hiện những mục tiêu chung cho toàn liên minh.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Giao nhiệm vụ học tập**  GV cho học sinh tìm hiểu nội dung Em cần biết và trả lời câu hỏi  *Em hãy kể tên các mức độ hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.*  **Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.  **Báo cáo, thảo luận**  GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.  **Kết luận, nhận định**  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét  Các hoạt động kinh tế quốc tế này được diễn ra tích cực ở Việt Nam mang lại nhiều kết quả cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế. | **2. Các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế**  **b) Các mức độ của hoạt động kinh tế quốc tế**  - Thoả thuận thương mại ưu đãi (PTA): Các nước thành viên thoả thuận các ưu đãi thương mại nhằm cắt giảm hàng rào thuế quan và mức độ cắt giảm.  - Khu vực mậu dịch tự do (FTA): Các nước thành viên thoả thuận xoá bỏ hàng rào thuế quan nhưng duy trì chính sách thuế quan riêng đối với các nước ngoài hiệp định.  - Liên minh thuế quan (CU): Các nước thành viên thoả thuận xoá bỏ hàng rào thuế quan và thiết lập biểu thuế quan chung cho các nước ngoài liên minh.  - Thị trường chung: Ngoài cam kết như trong CU, các nước thành viên thoả thuận cam kết tự do di chuyến vốn, lao động với nhau.  - Liên minh kinh tế tiền tệ (EMU): Các nước thành viên tham gia hình thành thị trường chung và cùng thực hiện chính sách kinh tế và tiền tệ chung. |

**3. Hoạt động: Luyện tập**

**Câu 1.** Em đồng tình với nhận định nào sau đây về hội nhập kinh tế quốc tế?

**a) Mục tiêu**

Rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu từng phát biểu trong bài tập 1, bày tỏ quan điểm và đưa ra giải thích về sự lựa chọn đó.

**c) Sản phẩm**

**-**Đồng tình với ý kiến ***c.*** *Bản chất của hội nhập kinh tế quốc tế là gắn kết và phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế.*

- Giải thích:

+ Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình gắn kết nền kinh tế của một quốc gia với nền kinh tế thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích, đồng thời tuân thủ các chuẩn mực chung của quốc tế.

+ Trong thời đại toàn cầu hóa, các yếu tố sản xuất được lưu thông toàn cầu, do đó, hội nhập kinh tế quốc tế cũng làm gia tăng sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế, ví dụ như các vấn đề về: thị trường, lao động, sự tác động mạnh mẽ của cách mạng khoa học và công nghệ….

**d) Tổ chức thực hiện**

**Giao nhiệm vụ học tập**

GV giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu từng phát biểu trong bài tập 1, bày tỏ quan điểm và đưa ra giải thích về sự lựa chọn đó.

**Thực hiện nhiệm vụ**

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào phiếu học tập.

**Báo cáo, thảo luận**

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận

**Kết luận, nhận định**

*-* Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp và đưa ra kết luận

**-**Đồng tình với ý kiến ***c.*** *Bản chất của hội nhập kinh tế quốc tế là gắn kết và phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế.*

- Giải thích:

+ Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình gắn kết nền kinh tế của một quốc gia với nền kinh tế thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích, đồng thời tuân thủ các chuẩn mực chung của quốc tế.

+ Trong thời đại toàn cầu hóa, các yếu tố sản xuất được lưu thông toàn cầu, do đó, hội nhập kinh tế quốc tế cũng làm gia tăng sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế, ví dụ như các vấn đề về: thị trường, lao động, sự tác động mạnh mẽ của cách mạng khoa học và công nghệ….

**Câu 2. Em hãy nhận xét các ý kiến dưới đây về sự cần thiết của hội nhập kinh tế quốc tế.**

**a) Mục tiêu.** HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến các vấn đề cơ bản của hội nhập kinh tế quốc tế.

**b) Nội dung.** GV giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu từng ý kiến trong bài tập 2, bày tỏ quan điểm và đưa ra giải thích về sự lựa chọn đó. *Em hãy nhận xét các ý kiến dưới đây về sự cần thiết của hội nhập kinh tế quốc tế.*

**c) Sản phẩm.**

Đồng tình với tất cả các nhận định trên. Vì: Hội nhập kinh tế quốc tế đem lại nhiều cơ hội để thúc đẩy sự phát triển của đất nước; nhưng cũng đặt các quốc đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Ví dụ như:

**- Về cơ hội phát triển:**

+ Hội nhập đem lại cho các quốc gia những nguồn lực, cơ hội để phát triển như: thị trường; thành tựu khoa học - công nghệ; nguồn vốn; kinh nghiệm quản lí; các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ phong phú ;...

+ Ngoài ra, các quốc gia còn có cơ hội để mở rộng, phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh; tạo thêm nhiều việc làm và tăng thu nhập cho người dân, ổn định an sinh xã hội. Người tiêu dùng có cơ hội tiếp cận hàng hoa và dịch vụ chất lượng cao, giá cả cạnh tranh, ...

+ Đối với những quốc gia đang phát triển, thì hội nhập kinh tế quốc tế là con đường tốt nhất để rút ngắn khoảng cách tụt hậu so với các nước khác và phát huy những lợi thế của mình trong phân công lao động quốc tế.

**- Về thách thức:**

+ Gia tăng sự cạnh tranh giữa các nền kinh tế

+ Tội phạm xuyên quốc gia, nhập cư và nhập cư bất hợp pháp...

**d) Tổ chức thực hiện**

**Giao nhiệm vụ học tập**

GV giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu từng ý kiến trong bài tập 2, bày tỏ quan điểm và đưa ra giải thích về sự lựa chọn đó.

**Thực hiện nhiệm vụ**

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập.

**Báo cáo, thảo luận**

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập, GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến

**Kết luận, nhận định**

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận:

Đồng tình với tất cả các nhận định trên. Vì: Hội nhập kinh tế quốc tế đem lại nhiều cơ hội để thúc đẩy sự phát triển của đất nước; nhưng cũng đặt các quốc đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Ví dụ như:

**- Về cơ hội phát triển:**

+ Hội nhập đem lại cho các quốc gia những nguồn lực, cơ hội để phát triển như: thị trường; thành tựu khoa học - công nghệ; nguồn vốn; kinh nghiệm quản lí; các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ phong phú ;...

+ Ngoài ra, các quốc gia còn có cơ hội để mở rộng, phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh; tạo thêm nhiều việc làm và tăng thu nhập cho người dân, ổn định an sinh xã hội. Người tiêu dùng có cơ hội tiếp cận hàng hoa và dịch vụ chất lượng cao, giá cả cạnh tranh, ...

+ Đối với những quốc gia đang phát triển, thì hội nhập kinh tế quốc tế là con đường tốt nhất để rút ngắn khoảng cách tụt hậu so với các nước khác và phát huy những lợi thế của mình trong phân công lao động quốc tế.

**- Về thách thức:**

+ Gia tăng sự cạnh tranh giữa các nền kinh tế

+ Tội phạm xuyên quốc gia, nhập cư và nhập cư bất hợp pháp...

**Câu 3.** **Em hãy đọc các thông tin sau và xác định hình thức hội nhập kinh tế mà Việt Nam tham gia.**

**a) Mục tiêu**

HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được sự cần thiết phải hội nhập kinh tế quốc tế.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS: *Em hãy đọc các thông tin sau và xác định hình thức hội nhập kinh tế mà Việt Nam tham gia*

GV cũng có thể thực hiện bài tập này dưới dạng trò chơi Ai nhanh, ai đúng: Chia lớp học thành hai nhóm, mỗi bên lần lượt kể tên một hiệp định ứng với cấp độ hội nhập song phương.

**c) Sản phẩm**

**Thông tin a.** Hội nhập song phương (giữa Việt Nam và Hàn Quốc)

**Thông tin b.**Hội nhập khu vực (Việt Nam tham gia kí kết Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN)

**d) Tổ chức thực hiện**

**Chuyển giao nhiệm vụ**

GV giao nhiệm vụ cho HS: Em hãy đọc các thông tin sau và xác định hình thức hội nhập kinh tế mà Việt Nam tham gia..

GV cũng có thể thực hiện bài tập này dưới dạng trò chơi Ai nhanh, ai đúng: Chia lớp học thành hai nhóm, mỗi bên lần lượt kể tên một hiệp định ứng với cấp độ hội nhập song phương.

**Thực hiện nhiệm vụ**

HS làm việc nhóm chuẩn bị bài giới thiệu.

**Báo cáo, thảo luận**

GV triển khai báo cáo kết quả thảo luận cho từng cấp độ. Mời đại diện nhóm 1 giới thiệu, đại diện nhóm 2 nêu câu hỏi phản biện, nhận xét và bổ sung, các HS khác có thêm ý kiến đóng góp.

**Kết luận, nhận định**

GV nhận xét và kết luận một số ý chính cho từng cấp độ.

**Câu 4.** Em hãy đọc thông tin sau và thực hiện yêu cầu:

**a) Mục tiêu**

HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được tầm quan trọng của hội nhập kinh tế quốc tế

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

*- Em hãy cho biết những yêu cầu mới nào được đề cập trong thông tin trên.*

*- Cho biết mỗi công dân cần làm gì để thích ứng với yêu cầu mới trong hội nhập kinh tế quốc tế.*

**Tích hợp quyền con người**

**- Mức độ tích hợp:** *Tích hợp liên hệ với yêu cầu cần đạt sau:* Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi không chấp hành chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

**- Cách thức thực hiện:** Căn cứ vào nội dung quyền con người về các lĩnh vực chính trị, kinh tế, giáo viên yêu cầu học sinh lấy các ví dụ về những việc làm hội nhập kinh tế quốc tế qua đó đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền KT, XH, VH.

**c) Sản phẩm**

- Học sinh nêu được

Những yêu cầu mới nào được đề cập trong thông tin trên là:

+ Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

+ Thúc đẩy sự phát triển của các ngành kinh tế có hàm lượng khoa học – kĩ thuật – công nghệ cao

Để thích ứng với yêu cầu mới trong hội nhập kinh tế quốc tế, mỗi công dân cần:

+ Tích cực học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ kiến thức và kĩ năng nhằm đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động.

+ Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng vavs thành tựu khoa học - kĩ thuật…

+ Tìm hiểu về nền kinh tế và sự đa dạng văn hoá của các nước trên thế giới.

+ Phê phán, đấu tranh chống lại các hành vi mang tính kì thị, phân biệt, chia rẽ giữa các quốc gia, dân tộc.

+ Suy nghĩ, đề xuất, phát triển và hiện thực hóa các ý tưởng kinh doanh khởi nghiệp.

**d) Tổ chức thực hiện**

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

- Em hãy cho biết những yêu cầu mới nào được đề cập trong thông tin trên.

- Cho biết mỗi công dân cần làm gì để thích ứng với yêu cầu mới trong hội nhập kinh tế quốc tế.

***Thực hiện nhiệm vụ***

HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm đôi, chuẩn bị câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.

***Báo cáo, thảo luận***

GV mời 1 – 2 HS trả lời lần lượt từng ý kiến, các HS khác nêu câu hỏi phản biện, nhận xét và bổ sung.

***Kết luận, nhận định***

GV nhận xét và kết luận trách nhiệm của mỗi công dân.

+ Tích cực học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ kiến thức và kĩ năng nhằm đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động.

+ Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng vavs thành tựu khoa học - kĩ thuật…

+ Tìm hiểu về nền kinh tế và sự đa dạng văn hoá của các nước trên thế giới.

+ Phê phán, đấu tranh chống lại các hành vi mang tính kì thị, phân biệt, chia rẽ giữa các quốc gia, dân tộc.

+ Suy nghĩ, đề xuất, phát triển và hiện thực hóa các ý tưởng kinh doanh khởi nghiệp.

**Câu 5.** Em hãy đọc các trường hợp sau và nhận xét về việc thực hiện trách nhiệm của các chủ thể sau khi tham gia hội nhập kinh tế quốc tế.

**a) Mục tiêu**

HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được trách nhiệm của học sinh, thanh niên trong vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi:

Em hãy đọc các trường hợp sau và nhận xét về việc thực hiện trách nhiệm của các chủ thể sau khi tham gia hội nhập kinh tế quốc tế.

**c) Sản phẩm**

**- Trường hợp a.**

**+**Công ty chế biến thuỷ sản M đã thiếu ý thức trách nhiệm khi tham gia hội nhập kinh tế quốc tế. Điều này được thể hiện thông qua hành vi: bán phá giá sản phẩm cá tra.

+ Hành vi của công ty chế biến thủy sản M đã vi phạm các điều khoản mà Việt Nam đã kĩ kết khi tham gia hội nhập kinh tế quốc tế; gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp trong nước.

**- Trường hợp b.**Doanh nghiệp T đã có ý thức trách nhiệm khi tham gia hội nhập kinh tế quốc tế. Điều này được thể hiện thông qua việc: Doanh nghiệp T chủ động tìm hiểu về quy tắc xuất xứ sản phẩm xuất khẩu và các quy định mới của châu Âu nhằm đáp ứng các yêu cầu về hàng hoá của thị trường châu Âu.

**d) Tổ chức thực hiện**

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi:

Em hãy đọc các trường hợp sau và nhận xét về việc thực hiện trách nhiệm của các chủ thể sau khi tham gia hội nhập kinh tế quốc tế.

***Thực hiện nhiệm vụ***

HS làm việc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời ra giấy, vở hoặc phiếu học tập

***Báo cáo, thảo luận***

GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác nêu câu hỏi phản biện, nhận xét và bổ sung ý kiến. Sau đó mời 1 – 2 HS trình bày về bài viết của mình

***Kết luận, nhận định***

GV nhận xét và kết luận

**4. Hoạt động: Vận dụng**

Em hãy tìm hiểu và giới thiệu về một tổ chức kinh tế mà Việt Nam đang là thành viên.

**a) Mục tiêu**

HS tự giác áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan hội nhập kinh tế trong thực tiễn cuộc sống.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng: Em hãy tìm hiểu và giới thiệu về một tổ chức kinh tế mà Việt Nam đang là thành viên.

**c) Sản phẩm**

- Bước đầu áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan hội nhập kinh tế trong thực tiễn cuộc sống.

**d) Tổ chức thực hiện**

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng: Em hãy tìm hiểu và giới thiệu về một tổ chức kinh tế mà Việt Nam đang là thành viên.

***Thực hiện nhiệm vụ***

- Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

***Báo cáo, thảo luận***

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

***Kết luận, nhận định***

*-* Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn trách nhiệm của mình đối với việc hội nhập kinh tế

**Tiết PPCT:** 12, 13, 14 (Bài 3).

**Chủ đề: 3**/Bảo hiểm và an sinh xã hội

**BÀI 3. BẢO HIỂM**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Nêu được khái niệm bảo hiểm và vai trò của bảo hiểm.

- Giải thích được một cách đơn giản sự cần thiết của bảo hiểm.

- Liệt kê được một số loại hình bảo hiểm.

**2. Năng lực**

- Điều chỉnh hành vi: Thực hiện được trách nhiệm của công dân về bảo hiểm bằng những việc làm cụ thể và phù hợp.

- Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Tìm hiểu và lấy dẫn chứng minh hoạ sự cần thiết của bảo hiểm; Tham gia các hoạt động tuyên truyền, động viên mọi người tham gia bảo hiểm theo đúng chủ trương, chính sách của Nhà nước.

**3. Phẩm chất**

Trách nhiệm: Tự giác thực hiện trách nhiệm công dân về bảo hiểm; hướng dẫn và nhắc nhở người khác cùng thực hiện.

**4. Tích hợp quyền con người**

**- Mức độ tích hợp:** *Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt:* Giải thích được một cách đơn giản sự cần thiết của bảo hiểm.

**- Cách thức thực hiện:** Giáo viên hướng học sinh hiểu được ý nghĩa của bảo hiểm xã hội trong việc thực hiện các quyền con người như:quyền của các nhóm xã hội dễ bị tổn thương như: quyền của trẻ em, quyền của phụ nữ; quyền của người khuyết tật; quyền của người cao tuổi; quyền của dân tộc thiểu số; quyền của người tị nạn...

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12;

- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;

- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Hoạt động: Mở đầu**

**a) Mục tiêu**

Giới thiệu mục tiêu, ý nghĩa của bài học. Khai thác trải nghiệm, vốn sống và sự hiểu biết ban đầu của HS về vấn đề liên quan đến bảo hiểm để dẫn dắt HS vào bài học mới.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi trong SGK: *Em hãy kể tên một số loại bảo hiểm và chia sẻ sự hiểu biết của em về lợi ích của việc tham gia loại hình bảo hiểm đó.* GV cũng có thể khởi động bằng cách cho HS xem một vài tranh/ ảnh về một số loại hình bảo hiểm hoặc video về bảo hiểm. Sau đó đặt câu hỏi cho HS: *Em hãy kể tên một số loại bảo hiểm và chia sẻ sự hiểu biết của em về lợi ích của việc tham gia loại hình bảo hiểm đó..*

**c) Sản phẩm**

Học sinh bước đầu nhận biết được các loại hình bảo hiểm và ý nghĩa của việc tham gia bảo hiểm

**-** Một số loại hình bảo hiểm mà bản thân em hoặc gia đình đã, đang tham gia: Bảo hiểm y tế; Bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm nhân thọ,…

**-**Lợi ích khi tham gia Bảo hiểm y tế

- Bảo hiểm y tế (viết tắt: BHYT)là chính sách an sinh của Đảng và Nhà nước vì quyền lợi của người dân, được Nhà nước bảo hộ và do cơ quan Bảo hiểm xã hội thực hiện.

- Khi tham gia bảo hiểm y tế, công dân sẽ được hưởng các lợi ích sau:

+ Được nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí khi tham gia.

+ Được khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế có kí hợp đồng khám chữa bệnh BHYT trên toàn quốc.

+ Được quỹ BHYT chi trả từ 80 - 100% chi phí khám chữa bệnh đúng tuyến

+ Giúp bạn và gia đình giảm gánh nặng về chi phí khám chữa bệnh khi ốm đau, tai nạn

+ Quỹ BHYT chi trả hàng chục nghìn loại thuốc và dịch vụ y tế.

+ Góp phần chia sẻ rủi ro, phát huy tinh thần *“Lá lành đùm lá rách”* giữa những người tham gia.

**d) Tổ chức thực hiện**

***Giao nhiệm vụ học tập***

GV giao nhiệm vụ cho HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi trong SGK: *Em hãy kể tên một số loại bảo hiểm và chia sẻ sự hiểu biết của em về lợi ích của việc tham gia loại hình bảo hiểm đó.* GV cũng có thể khởi động bằng cách cho HS xem một vài tranh/ ảnh về một số loại hình bảo hiểm hoặc video về bảo hiểm. Sau đó đặt câu hỏi cho HS: *Em hãy kể tên một số loại bảo hiểm và chia sẻ sự hiểu biết của em về lợi ích của việc tham gia loại hình bảo hiểm đó..*

***Thực hiện nhiệm vụ***

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân, chuẩn bị câu trả lời ra giấy.

GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

***Báo cáo, thảo luận***

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó dẫn dắt HS vào bài mới như lời dẫn trong SGK.

***Kết luận, nhận định***

Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

***Gv nhấn mạnh:***

Bảo hiểm có vai trò rất quan trọng trong cuộc sống và sản xuất kinh doanh. Do đó, bảo hiểm ra đời, tồn tại và phát triển như một đòi hỏi khách quan nhằm san sẻ rủi ro, giảm thiểu tổn thất giúp chúng ta vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống.

**2. Hoạt động: Khám phá**

**Nội dung 1. Tìm hiểu nội dung: Tìm hiểu khái niệm và một số loại hình bảo hiểm**

**a) Mục tiêu**

HS nêu được khái niệm và một số loại hình bảo hiểm.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc trường hợp và thông tin mục em có biết trong SGK và trả lời câu hỏi:

*Dựa vào thông tin trong bài, em hãy: Xác định loại hình bảo hiểm trong các trường hợp.*

**c) Sản phẩm**

Học sinh trả lời được các câu hỏi theo các nội dung dưới đây:

- Trường hợp 1: *Bà H đã tham gia loại hình Bảo hiểm thất nghiệp*

- Trường hợp 2: *Chị T đã tham gia loại hình Bảo hiểm xã hội*

- Trường hợp 3: *Ông C đã tham gia loại hình Bảo hiểm y tế.*

- Trường hợp 4: *Chị B đã tham gia loại hình Bảo hiểm thất nghiệp*

- Trường hợp 5: *Ông N đã tham gia loại hình Bảo hiểm tài sản*

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Giao nhiệm vụ học tập**  GV giao nhiệm vụ cho HS đọc trường hợp và thông tin mục em có biết trong SGK và trả lời câu hỏi:  *Dựa vào thông tin trong bài, em hãy: Xác định loại hình bảo hiểm trong các trường hợp.*  **Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh đọc thông tin.  - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấyhoặc phiếu học tập.  **Báo cáo, thảo luận**  GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi**,** các HS khác bổ sung ý kiến.  **Kết luận, nhận định**  – GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:  – Một số loại hình bảo hiểm như sau:  + Bảo hiểm xã hội là sự đảm bảo thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội.  + Bảo hiểm y tế là sự đảm bảo được chi trả, bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí khám chữa bệnh cho người tham gia nhằm chăm sóc sức khoẻ, khám chữa bệnh nếu chẳng may bị ốm đau, bệnh tật,... trên cơ sở đóng phí vào quỹ bảo hiểm y tế.  + Bảo hiểm thất nghiệp là sự đảm bảo được bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi bị mất việc làm, hỗ trợ người lao động học nghề, duy trì việc làm, tìm việc làm trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp.  + Bảo hiểm thương mại là hoạt động kinh doanh bảo hiểm trên thị trường bảo hiểm mà các tổ chức bảo hiểm chấp nhận rủi ro của người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm trên cơ sở bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm cho mình hay cho bên thứ ba theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm. | **1. Khái niệm và một số loại hình bảo hiểm.**  *a. Khái niệm và một số loại hình bảo hiểm.*  - *Bảo hiểm là sự cam kết bồi thường của bên cung cấp bảo hiểm với bên tham gia bảo hiểm về những rủi ro, thiệt hại khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, nhằm mục đích ổn định kinh tế cho người tham gia và hướng tới đảm bảo an sinh xã hội.*  – Một số loại hình bảo hiểm như sau:  + Bảo hiểm xã hội.  + Bảo hiểm y tế  + Bảo hiểm thất nghiệp  + Bảo hiểm thương mại |

**Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Sự cần thiết của việc tham gia bảo hiểm**

**a) Mục tiêu**

HS nêu được sự cần thiết của việc tham gia bảo hiểm

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nội dung thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

*Dựa vào thông tin trong bài, em hãy: Chia sẻ sự hiểu biết của em về lợi ích của việc tham gia các loại hình bảo hiểm.*

**Mức độ tích hợp:** *Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt:* Giải thích được một cách đơn giản sự cần thiết của bảo hiểm.

**- Cách thức thực hiện:** Giáo viên hướng học sinh hiểu được ý nghĩa của bảo hiểm xã hội trong việc thực hiện các quyền con người như:quyền của các nhóm xã hội dễ bị tổn thương như: quyền của trẻ em, quyền của phụ nữ; quyền của người khuyết tật; quyền của người cao tuổi; quyền của dân tộc thiểu số; quyền của người tị nạn...

**c) Sản phẩm**

Lợi ích của các loại hình bảo hiểm:

***- Bảo hiểm xã hội*** là sự đảm bảo thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội.

- ***Bảo hiểm y tế*** hỗ trợ khắc phục khó khăn về tài chính, chăm lo sức khoẻ cho người dân và là trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội.

***- Bảo hiểm thất nghiệp*** nhằm bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi bị mất việc làm, hỗ trợ người lao động học nghề, duy trì việc làm, tìm việc làm trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

***- Bảo hiểm thương mại*** là hình thức bảo hiểm nhằm góp phần ổn định cuộc sống và sản xuất cho cả cá nhân hay tổ chức tham gia thông qua việc chi trả bồi thường nếu rủi ro hay sự kiện bảo hiểm xảy ra nhờ vào khoản đóng góp phí bảo hiểm cho mình hay cho bên thứ ba. Bảo hiểm thương mại góp phần ổn định tài chính, giảm bớt nỗi lo cho người tham gia đóng bảo hiểm.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Giao nhiệm vụ học tập**  GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nội dung thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:  *Dựa vào thông tin trong bài, em hãy: Chia sẻ sự hiểu biết của em về lợi ích của việc tham gia các loại hình bảo hiểm.*  **Mức độ tích hợp:** *Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt:* Giải thích được một cách đơn giản sự cần thiết của bảo hiểm.  **- Cách thức thực hiện:** Giáo viên hướng học sinh hiểu được ý nghĩa của bảo hiểm xã hội trong việc thực hiện các quyền con người như:quyền của các nhóm xã hội dễ bị tổn thương như: quyền của trẻ em, quyền của phụ nữ; quyền của người khuyết tật; quyền của người cao tuổi; quyền của dân tộc thiểu số; quyền của người tị nạn...  **Báo cáo thảo luận**  - GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.  - GV mời một vài HS nêu ví dụ ví dụ tương ứng với các loại hình bảo hiểm.  **Kết luận, nhận định**  Tham gia bảo hiểm nhằm giảm rủi ro trong cuộc sống, giảm bớt căng thẳng khi nằm viện, tuổi già, những tổn thất do thiên tai, tai nạn bất ngờ,... Ý nghĩa cốt lõi nhất của bảo hiểm là bảo vệ tài chính trước những rủi ro bất ngờ như tai nạn, bệnh hiểm nghèo, ung thư, tử vong hoặc thương tật vĩnh viễn,... Điều này có nghĩa khi có biến cố bất chợt xảy đến, bảo hiểm sẽ cùng người tham gia bảo hiểm vượt qua khó khăn tài chính để nhanh chóng ổn định cuộc sống. | **1. Bảo hiểm và một số loại hình bảo hiểm**  *b. Sự cần thiết của việc tham gia bảo hiểm.*  - Bảo hiểm lại cần thiết đối với con người vì: giúp con người chuyển giao rủi ro, chia sẻ rủi ro, khắc phục hậu quả tổn thất. |

**Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Vai trò của bảo hiểm**

**a) Mục tiêu**

HS nêu được vai trò của bảo hiểm.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nội dung thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

*Dựa vào hình 3.1 và thông tin trong bài, em hãy:*

*+ Cho biết bảo hiểm có vai trò gì đối với người tham gia; sự phát triển kinh tế, xã hội.*

*+ Nhận xét sự đóng góp của bảo hiểm vào ngân sách nhà nước.*

**c) Sản phẩm**

**1/ Vai trò của Bảo hiểm**

- **Đối với người tham gia,** bảo hiểm cung cấp các khoản bồi thường, trợ cấp, giúp họ ổn định đời sống, khôi phục sản xuất kinh doanh khi gặp rủi ro.

- **Đối với sự phát triển kinh tế,** bảo hiểm có vai trò quan trọng:

+ Giúp ổn định xã hội và thúc đẩy kinh tế phát triển bền vững;

+ Góp phần ổn định tài chính cho các cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp;

+ Đảm bảo các khoản đầu tư vốn cho dự án và là một trong những kênh huy động, cung cấp vốn cho nền kinh tế quốc dân.

- **Đối với sự phát triển xã hội,** bảo hiểm:

+ Góp phần quan trọng đảm bảo an sinh xã hội, phân phối lại thu nhập, hướng tới bảo vệ người lao động;

+ Góp phần ngăn ngừa, đề phòng và hạn chế tổn thất; giúp cho xã hội an toàn và trật tự hơn;

+ Tạo thêm việc làm cho người lao động.

+ Tạo nên một nếp sống tiết kiệm trên phạm vi toàn xã hội, là chỗ dựa tinh thần cho mọi người dân, mọi tổ chức kinh tế - xã hội.

**- Đối với Nhà nước,**bảo hiểm:

+ Là công cụ quan trọng để Nhà nước điều tiết vĩ mô, ra sự tăng trưởng bền vững cho nền kinh tế;

+ Đóng góp vào ngân sách nhà nước, góp phần ổn định và tăng thu cho ngân sách, thúc đẩy mối quan hệ kinh tế đối giữa các nước.

2/ **Nhận xét:**từ 2018 – 2021, nguồn thu từ bảo hiểm đóng góp vào ngân sách nhà nước đã tăng lên:

+ Năm 2018, đóng góp của bảo hiểm vào ngân sách nhà nước đạt 356797 tỉ đồng.

+ Năm 2021, đóng góp của bảo hiểm vào ngân sách nhà nước đạt 393597 tỉ đồng.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Giao nhiệm vụ học tập**  GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nội dung thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:  *Dựa vào hình 3.1 và thông tin trong bài, em hãy:*  *+ Cho biết bảo hiểm có vai trò gì đối với người tham gia; sự phát triển kinh tế, xã hội.*  *+ Nhận xét sự đóng góp của bảo hiểm vào ngân sách nhà nước.*  **Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.  **Báo cáo, thảo luận**  GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.  **Kết luận, nhận định**  - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét  *- Đối với cá nhân*: Mang lại sự ổn định và đảm bảo cuộc sống cho người được hưởng bảo hiểm. Khi gặp rủi ro, sự cố thì người tham gia bảo hiểm sẽ được nhận hỗ trợ từ bảo hiểm để giảm bớt gánh nặng tài chính và duy trì mức sống tối thiểu.  *- Đối với doanh nghiệp:* Góp phần huy động vốn để phát triển kinh tế, tạo thêm việc làm cho thị trường lao động, tạo sự an tâm cho xã hội.  *- Đối với quốc gia:* Góp phần thực hiện các chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ cấp bách của Chính phủ; thúc đẩy hội nhập hợp tác kinh tế quốc tế. | **2. Vai trò của bảo hiểm**  – Vai trò của bảo hiểm:  + Đối với người tham gia bảo hiểm: được cung cấp các khoản bồi thường hoặc trợ cấp góp phần ổn định đời sống, khôi phục sản xuất kinh doanh.  + Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội: góp phần ổn định sản xuất và phát triển kinh tế; tạo thêm việc làm cho người lao động.  + Đối với Nhà nước: đóng góp vào ngân sách giúp Nhà nước ổn định xã hội và thúc đẩy kinh tế phát triển. |

**3. Hoạt động: Luyện tập**

**Câu 1.** **Em đồng tình với nhận định nào sau đây về khái niệm bảo hiểm?**

**a) Mục tiêu**

Rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định ở bài luyện tập số 1 trong SGK để đưa ra nhận xét của mình đối với những nhận định đó.

**c) Sản phẩm**

- Đồng tình với các nhận định:

+ b. Bảo hiểm là sự chia sẻ tổn thất cho những người tham gia, hoạt động theo nguyên tắc “số đông bù số ít, thể hiện tính nhân văn sâu sắc.

+ d. Việc tham gia bảo hiểm giúp các cá nhân, tổ chức quản lí rủi ro hiệu quả và nhanh chóng ổn định sản xuất kinh doanh.

**d) Tổ chức thực hiện**

***Giao nhiệm vụ học tập***

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định ở bài luyện tập số 1 trong SGK để đưa ra nhận xét của mình đối với những nhận định đó.

***Thực hiện nhiệm vụ***

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào phiếu học tập.

***Báo cáo, thảo luận***

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận

***Kết luận, nhận định***

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp và đưa ra kết luận

**Câu 2. Em hãy nhận xét về vai trò của bảo hiểm qua các thông tin sau:**

**a) Mục tiêu**

HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến các vấn đề cơ bản về bảo hiểm.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định trong bài luyện tập số 2 để đưa ra nhận xét của mình đối với những nhận định đó.

**c) Sản phẩm**

**- Thông tin a.**Vai trò của bảo hiểm: người tham gia bảo hiểm được cung cấp các khoản bồi thường hoặc trợ cấp góp phần ổn định đời sống, khôi phục sản xuất kinh doanh.

**- Thông tin b.**Vai trò của bảo hiểm:

+ Người tham gia bảo hiểm: được cung cấp các khoản bồi thường hoặc trợ cấp góp phần ổn định đời sống, khôi phục sản xuất kinh doanh.

+ Góp phần làm giảm nhẹ gánh nặng cho ngân sách nhà nước

**- Thông tin c.**Vai trò của bảo hiểm:

Vai trò của bảo hiểm:

+ Người tham gia bảo hiểm: được cung cấp các khoản bồi thường hoặc trợ cấp góp phần ổn định đời sống, khôi phục sản xuất kinh doanh.

**+**Góp phần vào sự ổn định, phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia.

**- Thông tin d.**Vai trò của bảo hiểm:

+ Tạo thêm việc làm cho người lao động.

+ Đóng góp vào ngân sách giúp Nhà nước ổn định xã hội và thúc đẩy kinh tế phát triển.

**d) Tổ chức thực hiện**

***Giao nhiệm vụ học tập***

GV giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu từng ý kiến trong bài tập 2, bày tỏ quan điểm và đưa ra giải thích về sự lựa chọn đó.

***Thực hiện nhiệm vụ***

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập.

***Báo cáo, thảo luận***

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập, GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến

***Kết luận, nhận định***

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận:

**- Thông tin a.**Vai trò của bảo hiểm: người tham gia bảo hiểm được cung cấp các khoản bồi thường hoặc trợ cấp góp phần ổn định đời sống, khôi phục sản xuất kinh doanh.

**- Thông tin b.**Vai trò của bảo hiểm:

+ Người tham gia bảo hiểm: được cung cấp các khoản bồi thường hoặc trợ cấp góp phần ổn định đời sống, khôi phục sản xuất kinh doanh.

+ Góp phần làm giảm nhẹ gánh nặng cho ngân sách nhà nước

**- Thông tin c.**Vai trò của bảo hiểm:

Vai trò của bảo hiểm:

+ Người tham gia bảo hiểm: được cung cấp các khoản bồi thường hoặc trợ cấp góp phần ổn định đời sống, khôi phục sản xuất kinh doanh.

**+**Góp phần vào sự ổn định, phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia.

**- Thông tin d.**Vai trò của bảo hiểm:

+ Tạo thêm việc làm cho người lao động.

+ Đóng góp vào ngân sách giúp Nhà nước ổn định xã hội và thúc đẩy kinh tế phát triển.

**Câu 3.** Em hãy phân biệt các loại hình bảo hiểm theo gợi ý trong bảng dưới đây:

**a) Mục tiêu**

HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được sự cần thiết của việc tham gia bảo hiểm.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định ở bài luyện tập số 3 trong SGK để đưa ra ý kiến của mình.

Em hãy phân biệt các loại hình bảo hiểm theo gợi ý trong bảng dưới đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Bảo hiểm xã hội | Bảo hiểm y tế | Bảo hiểm thất nghiệp | Bảo hiểm thương mại |
| Đối tượng tham gia |  |  |  |  |
| Mục đích |  |  |  |  |
| Vai trò, ý nghĩa |  |  |  |  |

**c) Sản phẩm**

**Bảo hiểm xã hội**

**- Đối tượng tham gia:**Người sử dụng lao động; Người lao động

**- Mục đích:**Đảm bảo thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội

**- Vai trò:**Có vai trò kinh tế xã hội hướng tới bảo vệ người lao động, có tính cộng đồng, tính nhân đạo, tính nhân văn sâu sắc và là trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội.

**Bảo hiểm y tế**

**- Đối tượng tham gia:**Những người dân có nhu cầu bảo hiểm cho sức khoẻ của mình hoặc người đại diện cho một tập thể, một tổ chức đứng ra kí hợp đồng bảo hiểm y tế cho thành viên của tập thể, tổ chức đó.

**- Mục đích:**Chăm sóc sức khoẻ, bù đắp phần chi phí khám chữa bệnh cho người dân.

**- Vai trò:**Thể hiện tinh thần nhân văn, nhân đạo sâu sắc, hướng đến cộng đồng, hỗ trợ khắc phục khó khăn về tài chính, chăm lo sức khoẻ cho người dân và là trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội

**Bảo hiểm thất nghiệp**

**- Đối tượng tham gia:**người lao động và người sử dụng lao động

**- Mục đích:**bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi bị mất việc làm, hỗ trợ người lao động học nghề, duy trì việc làm, tìm việc làm trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

**- Vai trò:**mang ý nghĩa nhân đạo, hỗ trợ tài chính và tinh thần, nâng đỡ cuộc sống cho người lao động khi họ bị mất việc làm và là trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội.

**Bảo hiểm thương mại**

**- Đối tượng tham gia:**bên mua bảo hiểm cho các đối tượng bảo hiểm như: tài sản, con người, sức khoẻ và tính mạng, trách nhiệm dân sự quy định trong hợp đồng bảo hiểm

**- Mục đích:**góp phần ổn định cuộc sống và sản xuất cho cả cá nhân hay tổ chức tham gia thông qua việc chi trả bồi thường nếu rủi ro hay sự kiện bảo hiểm xảy ra nhờ vào khoản đóng góp phí bảo hiểm cho mình hay cho bên thứ ba.

**- Vai trò:**góp phần ổn định tài chính, giảm bớt nỗi lo cho người tham gia đóng bảo hiểm.

**d) Tổ chức thực hiện**

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định ở bài luyện tập số 3 trong SGK để đưa ra ý kiến của mình.

Em hãy phân biệt các loại hình bảo hiểm theo gợi ý trong bảng dưới đây:

***Thực hiện nhiệm vụ***

HS làm việc nhóm chuẩn bị bài giới thiệu.

***Báo cáo, thảo luận***

GV triển khai báo cáo kết quả thảo luận cho từng cấp độ. Mời đại diện nhóm 1 giới thiệu, đại diện nhóm 2 nêu câu hỏi phản biện, nhận xét và bổ sung, các HS khác có thêm ý kiến đóng góp.

***Kết luận, nhận định***

GV nhận xét và kết luận giúp học sinh thấy được việc cần thiết phải tham gia và tuân thủ các quy định của nhà nước về loại hình bảo hiểm.

**Câu 4.**Em hãy đọc các trường hợp sau và trả lời câu hỏi:

**a) Mục tiêu**

HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến các vấn đề cơ bản về bảo hiểm.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định trong bài luyện tập số 4 để đưa ra nhận xét của mình đối với những nhận định đó.

- Em có nhận xét gì về việc làm của chủ thể trong các trường hợp trên?

**c) Sản phẩm**

+ Trường hợp a. Ông A có tinh thần trách nhiệm cao trong việc tham gia bảo hiểm. Điều này thể hiện ở việc: ông A chủ động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện

+ Trường hợp b. Chủ tòa nhà H có tinh thần trách nhiệm cao trong việc tham gia bảo hiểm. Điều này thể hiện ở việc: Chủ tòa nhà H chủ động kí hợp đồng bảo hiểm cháy nổ với doanh nghiệp bảo hiểm

+ Trường hợp c. Anh Q đã có hành vi gian dối nhằm trục lợi từ bảo hiểm.

**d) Tổ chức thực hiện**

***Giao nhiệm vụ học tập***

GV giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu từng ý kiến trong bài tập 2, bày tỏ quan điểm và đưa ra giải thích về sự lựa chọn đó.

***Thực hiện nhiệm vụ***

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập.

***Báo cáo, thảo luận***

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập, GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến

***Kết luận, nhận định***

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận:

+ Trường hợp **a**. Ông A có tinh thần trách nhiệm cao trong việc tham gia bảo hiểm. Điều này thể hiện ở việc: ông A chủ động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện

+ Trường hợp **b**. Chủ tòa nhà H có tinh thần trách nhiệm cao trong việc tham gia bảo hiểm. Điều này thể hiện ở việc: Chủ tòa nhà H chủ động kí hợp đồng bảo hiểm cháy nổ với doanh nghiệp bảo hiểm

+ Trường hợp **c**. Anh Q đã có hành vi gian dối nhằm trục lợi từ bảo hiểm.

**Câu 5.**Em hãy trình bày bài thuyết trình về vai trò của bảo hiểm đối với bản thân và người thân khi tham gia.

**a) Mục tiêu**

HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến các vấn đề cơ bản về bảo hiểm.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà thực hiện yêu cầu sau:

Em hãy trình bày bài thuyết trình về vai trò của bảo hiểm đối với bản thân và người thân khi tham gia.

**c) Sản phẩm**

Biết nhìn nhận, đánh giá được vai trò của bảo hiểm và lợi ích của việc tham gia bảo hiểm, tuyên truyền để mọi người trong gia đình cùng thực hiện và tham gia bảo hiểm.

**d) Tổ chức thực hiện**

***Giao nhiệm vụ học tập***

GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà thực hiện yêu cầu sau:

*Em hãy trình bày bài thuyết trình về vai trò của bảo hiểm đối với bản thân và người thân khi tham gia.*

***Thực hiện nhiệm vụ***

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập.

***Báo cáo, thảo luận***

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập, GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến

***Kết luận, nhận định***

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận:

**4. Hoạt động: Vận dụng**

Em hãy viết một bài giới thiệu và những lưu ý khi tham gia một loại hình bảo hiểm mà em yêu thích.

**a) Mục tiêu**

HS tự giác áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến vấn đề bảo hiểm trong thực tiễn cuộc sống.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng: Em hãy viết một bài giới thiệu và những lưu ý khi tham gia một loại hình bảo hiểm mà em yêu thích.

**c) Sản phẩm**

- Bước đầu áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến vấn đề bảo hiểm trong thực tiễn cuộc sống.

**d) Tổ chức thực hiện**

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng: Em hãy viết một bài giới thiệu và những lưu ý khi tham gia một loại hình bảo hiểm mà em yêu thích.

***Thực hiện nhiệm vụ***

- Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

***Báo cáo, thảo luận***

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

***Kết luận, nhận định***

*-* Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn trách nhiệm của mình đối với việc tìm hiểu và tham gia các loại hình bảo hiểm.

***TCT: 15, 16, 17 (Bài 4)***

***Chủ đề:*** **3**/Bảo hiểm và an sinh xã hội

**BÀI 4. AN SINH XÃ HỘI**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Nêu được khái niệm và vai trò của an sinh xã hội.

- Giải thích được một cách đơn giản sự cần thiết của an sinh xã hội.

- Gọi tên được một số chính sách an sinh xã hội cơ bản.

**2. Năng lực**

- Điều chỉnh hành vi: Thực hiện được trách nhiệm của công dân về an sinh xã hội bằng những việc làm cụ thể và phù hợp.

- Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Tìm hiểu và lấy dẫn chứng minh họa sự cần thiết của an sinh xã hội; Tham gia các hoạt động tuyên truyền, động viên mọi người tham gia các chính sách an sinh theo đúng chủ trương, chính sách của Nhà nước.

**3. Phẩm chất**

- Nhân ái: Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia vào các chính sách an sinh xã hội.

- Trách nhiệm: Tự giác thực hiện trách nhiệm công dân về an sinh xã hội; hướng dẫn và nhắc nhở người khác cùng thực hiện.

**4. Tích hợp quyền con người**

**- Mức độ tích hợp:** *Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt:* Giải thích được một cách đơn giản sự cần thiết của an sinh xã hội.

**- Cách thức thực hiện:** Giáo viên hướng dẫn HS hiểu được ý nghĩa của an sinh xã hội trong việc thực hiện các quyền con người: Quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12;

- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;

- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Hoạt động: Mở đầu**

**a) Mục tiêu**

Tạo cảm hứng học tập cho HS kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới, giúp các em huy động những kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để giải quyết vấn đề.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS quan sát hình ảnh trong SGK và trả lời câu hỏi: *Em hãy kể một số chính sách, hoạt động an sinh xã hội và cho biết ý nghĩa của các chính sách đó đối với xã hội*

**c) Sản phẩm**

Học sinh bước đầu nhận biết được một số biểu hiện của chính sách an sinh xã hội thường gặp

- Hiện nay, hệ thống chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam bao gồm:

+ Chính sách việc làm, thu nhập và giảm nghèo: tăng cường cơ hội việc làm, bảo đảm thu nhập tối thiểu và giảm nghèo bền vững cho người dân.

+ Chính sách bảo hiểm xã hội: hỗ trợ người dân phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro khi bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, tai nạn lao động, hết tuổi lao động.....

+ Chính sách trợ giúp xã hội: trợ cấp thường xuyên cho những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (người cao tuổi, trẻ mồ côi, người khuyết tật,...) và trợ cấp dột xuất cho người dân gặp rủi ro (thiên tai, dịch bệnh,...) để họ ổn định cuộc sống.

+ Chính sách dịch vụ xã hội cơ bản: hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản ở mức tối thiểu (giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và thông tin).

**d) Tổ chức thực hiện**

***Giao nhiệm vụ học tập***

GV giao nhiệm vụ cho HS quan sát hình ảnh trong SGK và trả lời câu hỏi: *Em hãy kể một số chính sách, hoạt động an sinh xã hội và cho biết ý nghĩa của các chính sách đó đối với xã hội*

***Thực hiện nhiệm vụ***

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân chuẩn bị câu trả lời ra giấy.

GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

***Báo cáo, thảo luận***

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó dẫn dắt HS vào bài mới như lời dẫn trong SGK.

***Kết luận, nhận định***

Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

***Gv nhấn mạnh***

An sinh xã hội luôn là một chính sách quan trọng và là vấn đề trung tâm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Các chính sách an sinh xã hội góp phần đảm bảo những quyền lợi cơ bản nhất của con người, xoá dần sự bất bình đẳng, đảm bảo ổn định, tạo động lực phát triển kinh tế – xã hội

**2. Hoạt động: Khám phá**

**Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: An sinh xã hội và các chính sách an sinh xã hội**

**a) Mục tiêu**

HS nêu được khái niệm an sinh xã hội, nêu được tên, đặc điểm và ý nghĩa của các chính sách an sinh xã hội cơ bản.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

*Dựa vào thông tin trong bài, em hãy:*

*- Cho biết thế nào là an sinh xã hội?*

*- Nhận xét kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia?*

*- Kể tên các chính sách an sinh xã hội và nêu ý nghĩa của từng chính sách?*

**Tích hợp quyền con người**

*Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt:* Giải thích được một cách đơn giản sự cần thiết của an sinh xã hội.

Giáo viên hướng học sinh hiểu được ý nghĩa của an sinh xã hội trong việc thực hiện các quyền con người như: Quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập.

**c) Sản phẩm**

**Học sinh trả lời được các câu hỏi theo các nội dung dưới đây:**

a/ An sinh xã hội là hệ thống các chính sách, chương trình do Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện giải quyết các vấn đề xã hội nhằm hỗ trợ, giúp đỡ toàn xã hội, các cá nhân gặp phải rủi ro hoặc biến cố xã hội; bảo đảm cho mọi người dân có được mức tối thiểu về thu nhập, cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống, đem lại hạnh phúc, an bình cho nhân dân.

b/ Trong thời gian quan, Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia. Cụ thể:

+ Thu nhập bình quân đầu người tăng lên; tỉ lệ hộ nghèo giảm, từ gần 60% vào năm 1986 xuống còn dưới 3% vào năm 2022.

+ Số người tham gia bảo hiểm xã hội tăng.

+ Những người có hoàn cảnh khó khăn được Nhà nước quan tâm, hỗ trợ

+ Các dịch vụ xã hội cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu của toàn dân.

c/ Hiện nay, hệ thống chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam bao gồm:

*+ Chính sách việc làm, bảo đảm thu nhập và giảm nghèo:* tăng cường cơ hội có việc làm, bảo đảm thu nhập tối thiểu và giảm nghèo bền vững cho người lao động yếu thế.

*+ Chính sách bảo hiểm xã hội:* giúp người lao động và gia đình của họ phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro, ổn định cuộc sống khi thu nhập bị giảm hoặc bị mất khi gặp phải rủi ro trong quá trình lao động như: ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, hưu trí, tử tuất.

*+ Chính sách trợ giúp xã hội: hỗ* trợ thường xuyên đối với người có hoàn cảnh đặc thù và hỗ trợ đột xuất cho người dân nhanh chóng ổn định cuộc sống khi gặp các rủi ro như: trẻ mồ côi, người khuyết tật, người cao tuổi, người dân gặp thiên tai, dịch bệnh..

*+ Chính sách dịch vụ xã hội cơ bản:* giúp người dân tiếp cận hệ thống dịch vụ xã hội cơ bản về giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và thông tin truyền thông ở mức tối thiểu.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Giao nhiệm vụ học tập**  GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:  Dựa vào thông tin trong bài, em hãy: Cho biết thế nào là an sinh xã hội.  *Dựa vào thông tin trong bài, em hãy: Nhận xét kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.*  *Dựa vào thông tin trong bài, em hãy: Kể tên các chính sách an sinh xã hội và nêu ý nghĩa của từng chính sách.*  **Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh đọc thông tin.  - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấyhoặc phiếu học tập.  **Báo cáo, thảo luận**  GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi**,** các HS khác bổ sung ý kiến.  **Kết luận, nhận định**  – GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:  Khái niệm an sinh xã hội: là các chính sách, chương trình của Nhà nước hỗ trợ phúc lợi cho người dân thông qua các hình thức như: xây dựng nhà ở xã hội; hỗ trợ tiền cho các hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt; chính sách hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật,...  An sinh xã hội có ý nghĩa quan trọng trong đời sống xã hội, chẳng hạn như: Đảm bảo các điều kiện sống và phát triển tốt nhất cho người dân, bao gồm an toàn, sức khoẻ, giáo dục, lao động, thu nhập, chăm sóc xã hội và các quyền lợi khác; Giúp giảm bớt gánh nặng chi phí cho người dân trong các lĩnh vực như y tế, giáo dục, bảo hiểm, trợ cấp,... Thúc đẩy sự phát triển bền vững của xã hội, góp phần tăng cường nguồn lực, năng lực và năng suất lao động của các cá nhân và cộng đồng; Tạo ra môi trường sống an toàn, bình đẳng và công bằng cho người dân, thể hiện quyền cơ bản của con người, chủ nghĩa nhân đạo của | **1. An sinh xã hội và một số chính sách an sinh xã hội**  *a. Khái niệm và sự cần thiết của an sinh xã hội.*  An sinh xã hội là hệ thống các chính sách, chương trình do Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện giải quyết các vấn đề xã hội nhằm bảo đảm cho mọi người dân có được mức tối thiểu về thu nhập, cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống, đem lại hạnh phúc, an bình cho nhân dân.  An sinh xã hội ra đời nhằm bảo đảm an toàn cho mọi thành viên trong xã hội trước những rủi ro trong cuộc sống. Mỗi công dân cần nhận thức đúng đắn về vai trò của an sinh xã hội, tích cực tham gia và tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện các chính sách về an sinh xã hội để không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.  *b. Các chính sách an sinh xã hội cơ bản*  + Chính sách việc làm đảm bảo thu nhập tối thiểu và giảm nghèo bền vững, tăng cường cơ hội có việc làm cho người lao động yếu thế.  + Chính sách bảo hiểm xã hội giúp người lao động và gia đình của họ phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro, ổn định cuộc sống khi thu nhập bị giảm hoặc bị mất khi gặp phải rủi ro.  + Chính sách trợ giúp xã hội hỗ trợ thường xuyên đối với người có hoàn cảnh đặc thù và hỗ trợ đột xuất cho người dân nhanh chóng ổn định cuộc sống khi gặp các rủi ro.  + Chính sách dịch vụ xã hội cơ bản giúp người dân tiếp cận hệ thống dịch vụ xã hội cơ bản ở mức tối thiểu. |

**Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Vai trò của an sinh xã hội**

**a) Mục tiêu**

HS nêu được vai trò của an sinh xã hội.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nội dung và thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

Dựa vào bảng 4.1 và thông tin trong bài, em hãy:

*- Nhận xét gì kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội của Việt Nam.*

*- Cho biết an sinh xã hội có vai trò gì đối với các đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội; sự phát triển kinh tế, xã hội và Nhà nước.*

**c) Sản phẩm**

**Nhận xét:**

- Trong giai đoạn 2018 - 2022, hệ thống sinh xã hội Việt Nam đã đảm bảo công bằng, toàn diện, tiếp cận được chuẩn quốc tế, đảm bảo người dân được thụ hưởng nhiều hơn thành quả phát triển kinh tế - xã hội.

- An sinh xã hội được quan tâm thực hiện và bảo đảm:

+ Việt Nam thực hiện nhiều giải pháp cơ cấu lại lao động, giải quyết việc làm cho người lao động trong nước và đưa người lao động đi làm việc theo hợp đồng ở nước ngoài.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia đã hướng đến giảm nghèo bền vững, tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều của cả nước đã giảm.

+ Cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các huyện nghèo, xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tăng cường.

+ Đời sống người dân không ngừng được cải thiện, tạo sinh kế và nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

**Vai trò của An sinh xã hội**

*- Đối với đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội:*

+ An sinh xã hội hỗ trợ người dân chủ động ngăn ngừa, giảm thiểu, khắc phục rủi ro do các biến cố trong đời sống, sức khoẻ, sản xuất kinh doanh và môi trường tự nhiên; bảo đảm điều kiện sống tối thiểu của người dân.

+ Đồng thời, an sinh xã hội còn trợ giúp xã hội cho những đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương khi không có khả năng tạo thu nhập.

*- Đối với sự phát triển kinh tế, xã hội:*

+ Chính sách xã hội tích cực, nhân văn đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng đời sống người dân, từng bước thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

+ Việc chăm lo, bảo đảm cho con người Việt Nam có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phản ánh tính ưu việt, bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa, đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân, thúc đẩy gắn kết và phát triển xã hội.

*- Đối với Nhà nước:*

+ Hệ thống chính sách xã hội đồng bộ, toàn diện, bảo đảm quyền an sinh xã hội của người dân, giúp Nhà nước giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao hiệu quả quản lí.

+ Mục tiêu cơ bản bảo đảm an sinh xã hội toàn dân, bảo đảm cuộc sống an toàn, bình đẳng và hạnh phúc của nhân dân, giúp Nhà nước giữ vững ổn định chính trị, xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Giao nhiệm vụ học tập**  GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nội dung và thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:  Dựa vào bảng 4.1 và thông tin trong bài, em hãy:  *Nhận xét gì kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội của Việt Nam.*  *Cho biết an sinh xã hội có vai trò gì đối với các đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội; sự phát triển kinh tế, xã hội và Nhà nước.*  **Báo cáo thảo luận**  - GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.  - GV mời một vài HS nêu ví dụ ví dụ tương ứng với các loại hình bảo hiểm đã vẽ trong sơ đồ  **Kết luận, nhận định**  Vai trò của an sinh xã hội: Đối với đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội: được hỗ trợ giải quyết việc làm; tăng thu nhập cho người yếu thế, được cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, giáo dục, nước sạch, nhà ở, thông tin,...  Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội: giúp nâng cao hiệu quả quản lí xã hội, góp phần xoá đói giảm nghèo, giảm bắt bình đẳng, thu hẹp chênh lệch về điều kiện sống theo vùng, các nhóm dân cư đồng thời góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người cần. | **2. Vai trò của an sinh xã hội**  + Đối với đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội:  Hỗ trợ người dân chủ động ngăn ngừa, giảm thiểu, khắc phục rủi ro do các biến có trong cuộc sống;  Trợ giúp xã hội cho những đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương khi không có khả năng tạo thu nhập.  + Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội:  Góp phần nâng cao chất lượng đời sống người dân, từng bước thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển;  Đóng góp vào sự ổn định chính trị - xã hội và phát triển kinh tế bến vững, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa.  + Đối với Nhà nước:  Giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao hiệu quả quản lí nhà nước;  Giữ vững ổn định chính trị, xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh. |

**3. Hoạt động: Luyện tập**

**Câu 1.** *Em đồng tình với nhận định nào sau đây về an sinh xã hội?*

**a) Mục tiêu**

HS củng cố và hoàn thiện kiến thức vừa học. Rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định trong bài luyện tập số 1 trong SGK để đưa ra nhận xét của mình đối với những nhận định đó.

**c) Sản phẩm**

**- Nhận định a. *Không đồng tình, vì:***Ở Việt Nam, Điều 34 Hiến pháp năm 2013 quy định “Công dân có quyền được bảo đảm an sinh xã hội”. Như vậy, “quyền được bảo đảm an sinh xã hội” là quyền công dân. Đây không phải là quyền dành cho tất cả mọi người mà chỉ dành riêng cho công dân Việt Nam; những người không có quốc tịch Việt Nam thì không có quyền này theo Hiến pháp năm 2013.

**- Nhận định b, c. *Đồng tình, vì:***An sinh xã hội là hệ thống các chính sách và chương trình do Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm bảo đảm cho mọi người dân ít nhất có được mức tối thiểu về thu nhập, có cơ hội tiếp cận ở mức tối thiểu về các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu, như giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin,...

**- Nhận định d. *Không đồng tình, vì:***Hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam bao gồm các chính sách cơ bản sau: chính sách hỗ trợ việc làm, chính sách về bảo hiểm, chính sách trợ giúp xã hội, chính sách bảo đảm các dịch vụ xã hội cơ bản.

**d) Tổ chức thực hiện**

***Giao nhiệm vụ học tập***

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định ở bài luyện tập số 1 trong SGK để đưa ra nhận xét của mình đối với những nhận định đó.

***Thực hiện nhiệm vụ***

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào phiếu học tập.

***Báo cáo, thảo luận***

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận

***Kết luận, nhận định***

*-* Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp và đưa ra kết luận

**Câu 2.***Em nhận xét gì về hoạt động thực hiện chính sách an sinh xã hội sau?*

**a) Mục tiêu**

HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến các vấn đề cơ bản về chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định trong bài luyện tập số 2 để đưa ra nhận xét của mình đối với những nhận định đó.

**c) Sản phẩm**

- Nhận xét: Qua những thông tin trên, có thể thấy:

+ Các chủ thể (ngành y tế, chính phủ, chính quyền tại các địa phương,…) đã có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về an sinh xã hội.

+ Việc thực hiện công tác an sinh xã hội đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận; đóng góp tích cực vào sự phát triển ổn định của đất nước.

**d) Tổ chức thực hiện**

***Giao nhiệm vụ học tập***

GV giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu từng ý kiến trong bài tập 2, bày tỏ quan điểm và đưa ra giải thích về sự lựa chọn đó.

***Thực hiện nhiệm vụ***

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập.

***Báo cáo, thảo luận***

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập, GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến.

***Kết luận, nhận định***

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận:

**Câu 3.** *Em hãy trình bày bài thuyết trình về vai trò của chính sách an sinh xã hội và nêu ví dụ để làm rõ vai trò của chính sách đó?*

**a) Mục tiêu**

HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được ý nghĩa của chính sách an sinh xã hội

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc yêu cầu bài luyện tập số 3 trong SGK: Em hãy trình bày bài thuyết trình về vai trò của chính sách an sinh xã hội và nêu ví dụ để làm rõ vai trò của chính sách đó.

**c) Sản phẩm**

Học sinh biết được vai trò của an sinh xã hội cũng như tích cực tham gia vào các hoạt động an sinh xã hội phù hợp lứa tuổi

**d) Tổ chức thực hiện**

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc yêu cầu bài luyện tập số 3 trong SGK: Em hãy trình bày bài thuyết trình về vai trò của chính sách an sinh xã hội và nêu ví dụ để làm rõ vai trò của chính sách đó.

***Thực hiện nhiệm vụ***

HS làm việc nhóm chuẩn bị bài giới thiệu.

***Báo cáo, thảo luận***

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm theo cặp, hai nhóm thảo luận cùng một trường hợp, mời đại diện nhóm 1 trình bày kết quả thảo luận, nhóm 2 phản biện, bổ sung, sau đó GV nhận xét và kết luận

***Kết luận, nhận định***

GV nhận xét và kết luận giúp học sinh thấy được việc cần thiết phải tham gia và tuân thủ các quy định của nhà nước về vai trò của an sinh xã hội.

**Câu 4.** *Em hãy đọc các trường hợp sau và trả lời câu hỏi.*

**a) Mục tiêu**

HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được ý nghĩa của chính sách an sinh xã hội

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ HS đọc yêu cầu bài luyện tập số 4 trong SGK:

*- Em có nhận xét gì về việc làm của các chủ thể qua các trường hợp trên?*

*- Theo em, học sinh thực hiện trách nhiệm của công dân về an sinh xã hội như thế nào?*

**c) Sản phẩm**

**+ Trường hợp a và b.**Mặt trận Tổ quốc của tỉnh B và Doanh nghiệp A đã có tinh thần trách nhiệm cao và có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về an sinh xã hội.

**+ Trường hợp c.**Doanh nghiệp T đã có hành vi vi phạm pháp luật; không đảm bảo an sinh và các quyền lợi hợp pháp của người lao động.

Để phát huy trách nhiệm công dân về an sinh xã hội, mỗi cá nhân, tổ chức cần:

+ Nhận thức đúng đắn về vai trò của an sinh xã hội;

+ Tích cực tham gia và tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện các chính sách về an sinh xã hội để không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

+ Phê phán, đấu tranh chống lại các hành vi đi ngược lại chủ trương, chính sách an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước.

**d) Tổ chức thực hiện**

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV giao nhiệm vụ HS đọc yêu cầu bài luyện tập số 4 trong SGK:

- Em có nhận xét gì về việc làm của các chủ thể qua các trường hợp trên?

- Theo em, học sinh thực hiện trách nhiệm của công dân về an sinh xã hội như thế nào?

***Thực hiện nhiệm vụ***

HS làm việc nhóm chuẩn bị bài giới thiệu.

***Báo cáo, thảo luận***

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm theo cặp, hai nhóm thảo luận cùng một trường hợp, mời đại diện nhóm 1 trình bày kết quả thảo luận, nhóm 2 phản biện, bổ sung, sau đó GV nhận xét và kết luận

***Kết luận, nhận định***

GV nhận xét và kết luận giúp học sinh thấy được việc cần thiết phải tham gia và tuân thủ các quy định của nhà nước về vai trò của an sinh xã hội.

**4. Hoạt động: Vận dụng**

Em hãy kể tên một số hoạt động thực hiện chính sách an sinh xã hội, kết quả thực hiện và nêu vai trò của chính sách an sinh xã hội ở địa phương.

**a) Mục tiêu**

HS tự giác áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến vấn đề an sinh xã hội trong thực tiễn cuộc sống.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng: Em hãy kể tên một số hoạt động thực hiện chính sách an sinh xã hội, kết quả thực hiện và nêu vai trò của chính sách an sinh xã hội ở địa phương.

**c) Sản phẩm**

Bước đầu áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến vấn đề an sinh xã hội trong thực tiễn cuộc sống.

**d) Tổ chức thực hiện**

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng: Em hãy kể tên một số hoạt động thực hiện chính sách an sinh xã hội, kết quả thực hiện và nêu vai trò của chính sách an sinh xã hội ở địa phương.

***Thực hiện nhiệm vụ***

Học sinh làm bài tập về nhà.

**Báo cáo, thảo luận**

Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi.

**Kết luận, nhận định**

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn trách nhiệm của mình đối với việc tìm hiểu và thực hiện các chính sách an sinh xã hội

**TCT: 18**

**BÀI ÔN TẬP GIỮA KỲ 1**

**( Bộ Chân trời sáng tạo)**

**I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU**

***1.Về mục tiêu***

- Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở nửa đầu học học kỳ I lớp 12; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình

- Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.

-Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân.

- Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác,

- HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh qúa trình học tập của mình.

***2. Năng lực cần hướng tới***

*Năng lực điều chỉnh hành vi:* Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó

*Năng lực phát triển bản thân:* Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này

**3. Phẩm chất**

Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao

Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.

Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.

**II. PHẠM VI KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP**

Ôn tập các đơn vị kiến thức đã học trong nửa đầu học kỳ 1 gồm các bài và chủ đề sau

Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế

Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế

Bài 3: Bảo hiểm

Bài 4: An sinh xã hội

**III. HÌNH THỨC ÔN TẬP**

**1. Củng cố kiến thức cơ bản**

- Giáo viên củng cố lại các kiến thức cơ bản của từng bài dưới dạng sơ đồ tư duy

- Khắc sâu những kiến thức cần nhớ để ôn tập và kiểm tra

**2. Luyện tập một số dạng câu hỏi ôn tập**

- Câu hỏi trắc nghiệm

- Câu hỏi tình huống

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a. Mục tiêu**

- Tạo được hứng thú với bài học.

- Học sinh bước đầu nhớ lại những kiến thức cơ bản đã học trong nửa đầu học kỳ 1

**b. Nội dung**

Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng trò chơi “nhanh tay nhanh mắt”

Em hãy nhắc lại những kiến thức cơ bản từ bài 1 đến bài số 4

**c. Tổ chức thực hiện**

***Giao nhiệm vụ học tập***

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi “Nhanh tay nhanh mắt”

Luật chơi:

- Chia lớp thành 2 nhóm: Nhóm A và B. Trong vòng 5 phút các em lần lượt lên bảng những đơn vị kiến thức mà mình đã được học.

- Đại diện nhóm lên trình bày những sản phẩm mà nhóm mình tìm được.

***Thực hiện nhiệm vụ***

* HS tiến hành chia nhóm, phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm.
* Các thành viên tham gia làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời.

***Báo cáo và thảo luận***

- Các học sinh trong nhóm lần lượt lên trình bày

- Học sinh cử đại diện nhóm lần lượt trình bày các câu trả lời.

***Kết luận, nhận định***

- Gv nhận xét, đánh giá, về mặt nhận thức của học sinh đối với các đơn vị kiến thức đã học trong nửa đầu học kỳ 1

**2. Hoạt động 2. Khám phá**

**Nhiệm vụ 1: Vẽ sơ đồ tư để củng cố lại các đơn vị kiến thức đã học**

**a. Mục tiêu**

HS củng cố lại được các đơn vị kiến thức đã học trong các bài 1 đến bài 4

**b. Nội dung**

- GV cho học sinh thảo luận nhóm mỗi nhóm sẽ tiến hành vẽ sơ đồ tư duy cho 1 bài

- Học sinh làm việc theo nhóm

**c. Sản phẩm**

Học sinh chỉ ra được những đơn vị kiến thức cơ bản của từng bài để củng cố bài học

**d. Tổ chức thực hiện**

***Giao nhiệm vụ học tập***

GV giao nhiệm vụ cho học sinh chuẩn bị trước tại nhà theo các nhóm.

Bài 1: *Tăng trưởng và phát triển kinh tế*

Bài 2: *Hội nhập kinh tế quốc tế*

Bài 3: *Bảo hiểm*

Bài 4: *An sinh xã hội*

***Thực hiện nhiệm vụ***

- HS đọc thông tin, làm việc theo nhóm, các nhóm trình bày ra tờ giấy A0 để chuẩn bị trình bày vào tiết sau

- Khuyến khích các cách trình bày sáng tạo và độc đáo

***Báo cáo và thảo luận***

- Giáo viên yêu cầu từng nhóm trả lời kết quả làm việc của nhóm mình.

- Giáo viên đánh giá kết quả của từng nhóm

***Kết luận, nhận định***

Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.

Giới thiệu một số sơ đồ tư duy để tham khảo.

**Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu nội dung: Luyện tập câu hỏi trắc nghiệm và tình huống**

**a. Mục tiêu**

- HS biết vận dụng kiến thức vào làm bài tập cụ thể.

- Giải quyết các tình huống diễn ra trong thực tiễn.

**b. Nội dung**

GV cho học sinh làm việc cá nhân, các học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

**c. Sản phẩm**

Học sinh trả lời được câu hỏi, biết vận dụng các kiến thức để có thể giải quyết các tình huống trong thực tiễn

**d. Tổ chức thực hiện**

***Giao nhiệm vụ học tập***

Giáo viên yêu cầu học sinh làm một số bài tập dưới đây

***Thực hiện nhiệm vụ***

- HS đọc câu hỏi, ghi kết quả làm bài vào vở

- Trao đổi thảo luận với các bạn xung quang về kết quả làm bài của mình

**Câu 1:** Dùng để biểu thị thu nhập của nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định được tính bằng tổng thu nhập từ hàng hóa, dịch vụ cuối cùng do công dân của quốc gia đó tạo ra trong một năm là

**A.** tổng thu nhập quốc nội (GDP). **B.** tổng thu nhập quốc dân trên đầu người.

**C.** tổng thu nhập quốc nội trên đầu người. **D.** tổng thu nhập quốc dân (GNI).

**Câu 2:** Yếu tố nào dưới đây là chỉ tiêu của phát triển kinh tế?

**A.** Mức sống bình dân. **B.** Tiến bộ xã hội.

**C.** Cơ cấu dòng tiền. **D.** Tăng trưởng dân số.

**Câu 3:** Cụm từ GDP/người là một trong những chỉ tiêu thể hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế nó thể hiện nội dung nào dưới đây?

**A.** Tổng sản phẩm quốc nội. **B.** Tổng sản phẩm quốc dân theo đầu người.

**C.** Tổng sản phẩm quốc dân. **D.** Tổng sản phẩm quốc nội theo đầu người.

**Câu 4:** Đối với mỗi quốc gia, vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế thể hiện ở việc, thông qua tăng trưởng và phát triển kinh tế sẽ góp phần

**A.** tăng tỷ lệ đói nghèo đa chiều. **B.** gia tăng phân hóa giàu nghèo.

**C.** giải quyết tốt vấn đề việc làm. **D.** gia tăng lệ thuộc vào thế giới.

**Câu 5:** Phát biểu nào dưới đây là đúng về phát triển kinh tế?

**A.** Mục tiêu cuối cùng của phát triển kinh tế là xây dựng được cơ cấu kinh tế

hiện đại.

**B.** Phát triển kinh tế là quá trình tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ xã hội.

**C.** Phát triển kinh tế là quá trình biến đổi về lượng của nền kinh tế

**D.** Muốn phát triển kinh tế cần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao.

**Câu 6:** Tăng trưởng kinh tế được biểu hiện ở nội dung nào dưới đây?

**A.** Tập trung đến sự tiến bộ về phân phối thu nhập.

**B.** Đảm bảo phát triển bền vững về môi trường.

**C.** Sự gia tăng quy mô sản lượng của nền kinh tế.

**D.** Chú trọng vào cải thiện chất lượng cuộc sống.

**Câu 7:** Phát biểu nào dưới đây là sai về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển kinh tế?

**A.** Tăng trưởng, phát triển kinh tế tạo điều kiện để phát triển văn hoá, giáo dục.

**B.** Một quốc gia muốn phát triển bền vững, chỉ cần đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế.

**C.** Phát triển kinh tế góp phần giảm bớt chênh lệch trình độ phát triển giữa các vùng.

**D.** Phát triển kinh tế góp phần thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế.

**Câu 8:** Tăng trưởng và phát triển kinh tế **không** có vai trò nào dưới đây?

**A.** Thực hiện phân phối công bằng. **B.** Nâng cao mức sống người dân.

**C.** Gia tăng khoảng cách giàu nghèo. **D.** Thu hẹp khoảng cách các vùng.

**Câu 9:** Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, thông qua quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sẽ góp phần tạo ra

**A.** nhiều cơ hội việc làm. **B.** nhiều lãnh thổ mới.

**C.** những đảng phái mới. **D.** những chủng tộc mới.

**Câu 10:** Đối với các nước đang phát triển, việc tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sẽ mang lại lợi ích nào dưới đây?

**A.** Lệ thuộc tài chính vào nước lớn. **B.** Tận dụng được nguồn tài chính.

**C.** Mở mang thêm phạm vi lãnh thổ. **D.** Được chuyển lên thành nước lớn.

**Câu 11:** Ngày 25/12/2008, Việt Nam và Nhật Bản đã chính thức ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam - Nhật Bản, xét về cấp độ hợp tác đây là hình thức hợp tác

**A.** toàn cầu. **B.** song phương. **C.** khu vực. **D.** châu lục.

**Câu 12:** Phát biểu nào dưới đây là sai về sự cần thiết của hội nhập kinh tế quốc tế?

**A.** Hội nhập kinh tế quốc tế chỉ cần thiết với những quốc gia đang thiếu các nguồn lực về vốn.

**B.** Các nước đang phát triển cần tham gia hội nhập kinh tế quốc tế để tiếp cận và sử dụng được các nguồn lực bên ngoài.

**C.** Hội nhập kinh tế quốc tế có khả năng thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế quốc gia.

**D.** Đối với nước ta, hội nhập kinh tế là con đường ngắn nhất để rút ngắn khoảng cách lạc hậu.

**Câu 13:** Khi tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế song phương, mỗi quốc gia cần dựa vào nguyên tắc nào dưới đây?

**A.** Có cùng lịch sử hình thành. **B**. Tôn trọng độc lập chủ quyền.

**C**. Tương đồng trình độ phát triển. **D.** Có sự tương đồng về tôn giáo.

**Câu 14:** Trong các quan hệ kinh tế quốc tế, việc tham gia của mỗi quốc gia không được thực hiện ở cấp độ nào dưới đây?

**A.** Quy chế miễn thị thực. **B.** Liên minh kinh tế.

**C.** Thị trường chung. **D.** Liên minh thuế quan.

**Câu 15:** Ngày 14/1/1998, tại Thủ đô Kuala Lumpur, Malaysia, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC). Việc gia nhập ASEAN là biểu hiện của hình thức hội nhập kinh tế quốc tế nào dưới đây?

**A.** Toàn quốc. **B.** Toàn cầu. **C.** Song phương. **D.** Khu vực.

**Câu 16:** Hội nhập kinh tế là quá trình một quốc gia thực hiện việc gắn kết nền kinh tế của mình với

**A.** người đứng đầu chính thủ. **B.** nguyên thủ của một nước.

**C.** một nhóm người. **D.** các quốc gia khác.

**Câu 17:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò và tác dụng to lớn của hội nhập kinh tế quốc tế đối với mỗi quốc gia?

**A.** Thu hút vốn đầu tư. **B.** Mở rộng thị trường.

**C.** Mở rộng biên giới. **D.** Tạo nhiều việc làm.

**Câu 18:** Phát biểu nào dưới đây là sai về sự cần thiết của hội nhập kinh tế quốc tế?

**A.** Hội nhập kinh tế quốc tế giúp các quốc gia tận dụng được các nguồn lực bên ngoài để phát triển

**B.** Hội nhập kinh tế quốc tế góp phần mở rộng thị trường để thúc đẩy sản xuất trong nước.

**C.** Hội nhập kinh tế quốc tế giúp nền kinh tế quốc gia phát triển bền vững.

**D.** Hội nhập kinh tế quốc tế làm cho nền kinh tế quốc gia ngày càng phụ thuộc vào bên ngoài.

**Câu 19:** Phát biểu nào dưới đây là sai khi quan niệm về hội nhập kinh tế quốc tế?

**A.** Trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, các quốc gia thường chú trọng đến liên kết với các quốc gia có trình độ phát triển tương đồng.

**B.** Trong hội nhập kinh tế quốc tế, mối quan hệ giữa các quốc gia được xây dựng trên nguyên tắc cùng có lợi.

**C.** Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình gắn kết nền kinh tế của quốc gia này với nền kinh tế của quốc gia khác trên thế giới.

**D.** Khi tham gia một tổ chức kinh tế quốc tế, mỗi quốc gia thành viên không chỉ có nghĩa vụ tuân thủ mà phải chủ động đề xuất, tham gia xây dựng những điều khoản quy định của tổ chức.

**Câu 20:** Hội nhập kinh tế quốc tế bao gồm các hình thức nào dưới đây?

**A.** Hội nhập về kinh tế và hội nhập về văn hoá.

**B.** Hội nhập toàn cầu, hội nhập khu vực và hội nhập song phương.

**C.** Toàn cầu hoá kinh tế và toàn cầu hoá chính trị.

**D.** Hội nhập về kinh tế và hội nhập về xã hội.

**Câu 21:** Bảo hiểm y tế là hình thức bảo hiểm thuộc lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng do

**A.** đoàn thể thực hiện. **B.** Nhà nước thực hiện.

**C.** Công đoàn thực hiện **D.** người dân thực hiện.

**Câu 22:** Theo quy định của pháp luật, người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nếu đủ điều kiện có thể được hưởng chế độ

**A.** trợ cấp đi lại. **B.** trợ cấp thất nghiệp.

**C.** trợ cấp lưu trú. **D.** trợ cấp thai sản.

**Câu 23:** Loại hình bảo hiểm do Nhà nước tổ chức mà người lao động và người sử dụng lao động thuộc đối tượng theo quy định phải tham gia là

**A.** bảo hiểm thân thể. **B.** bảo hiểm xã hội tự nguyện.

**C.** bảo hiểm xã hội bắt buộc. **D.** bảo hiểm tài sản.

**Câu 24:** Loại hình bảo hiểm do Nhà nước tổ chức nhằm bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm, đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động dựa trên cơ sở mức đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội của người lao động trước đó là loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

**A.** Bảo hiểm xã hội. **B.** Bảo hiểm dân sự.

**C.** Bảo hiểm con người. **D.** Bảo hiểm thương mại.

**Câu 25:** Cơ sở để người tham gia bảo hiểm y tế được nhận quyền lợi bảo hiểm là căn cứ vào

**A.** thời gian tham gia bảo hiểm. **B.** mức đóng quỹ bảo hiểm y tế.

**C.** tình trạng bệnh tật mắc phải. **D.** độ tuổi tham gia bảo hiểm.

**Câu 26:** Chủ thể của loại hình bảo hiểm xã hội là do

**A.** các doanh nghiệp tư nhân. **B.** tổ chức thương mại.

**C.** nhà đầu tư nước ngoài. **D.** Nhà nước tổ chức.

**Câu 27:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò của bảo hiểm đối với sự phát triển kinh tế - xã hội?

**A.** Huy động vốn dài hạn. **B.** Thúc đẩy tín dụng đen.

**C.** Ổn định tài chính cá nhân. **D.** Giảm lao động thất nghiệp.

**Câu 28:** Theo quy định của pháp luật, cơ quan bảo hiểm xã hội **không** phải chi trả loại trợ cấp nào dưới đây đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc?

**A.** trợ cấp bệnh nghề nghiệp. **B.** trợ cấp tử tuất.

**C.** trợ cấp lưu trú. **D.** trợ cấp tai nạn lao động.

**Câu 29:** Bảo hiểm y tế là hình thức bảo hiểm thuộc lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng gồm những loại hình nào dưới đây?

**A.** Vận động và tự nguyện. **B.** Tự nguyện và cưỡng chế.

**C.** Bắt buộc và vận động. **D.** Tự nguyện và bắt buộc.

**Câu 30:** Một trong những quyền lợi của người tham gia bảo hiểm xã hội là bị ốm đau hoặc nghỉ thai sản, nếu đủ điều kiện họ sẽ được nhận

**A.** tiền trợ cấp theo quy định. **B.** toàn bộ số tiền đã đóng.

**C.** bảo hiểm thất nghiệp. **D.** chi phí khám chữa bệnh.

**Câu 31:** Thông qua việc thu phí bảo hiểm trước khi rủi ro được bảo hiểm xảy ra sẽ giúp huy động được yếu tố nào dưới đây để phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội?

**A.** Những cá nhân tài năng. **B.** Các loại hình tín dụng đen.

**C.** Nguồn vốn nhàn dỗi. **D.** Nhiều lao động thất nghiệp.

**Câu 32:** Một trong những mục đích của người tham gia bảo hiểm là nhằm

**A.** phải nộp phí bảo hiểm. **B.** được đóng phí bảo hiểm.

**C.** được từ chối trách nhiệm. **D.** được bồi thường thiệt hại.

**Câu 33:** Về mặt kinh tế, một trong những vai trò của bảo hiểm góp phần giúp các cá nhân và tổ chức tham gia bảo hiểm

**A.** ngày càng lệ thuộc vào nhau. **B.** ổn định được nguồn tài chính.

**C.** thu được nhiều lợi nhuận. **D.** chiếm đoạt tài sản của nhau.

**Câu 34:** Đặc điểm chung của bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp đó là đều do

**A.** Hộ gia đình đứng ra tổ chức. **B.** Nhà nước đứng ra tổ chức.

**C.** doanh nghiệp tư nhân tổ chức. **D.** doanh nghiệp nước ngoài tổ chức.

**Câu 35:** Một trong những quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế là khi không may bị ốm đau, hay xảy ra tai nạn họ sẽ nhận được

**A.** trợ cấp thai sản, ốm đau. **B.** tiền mặt để chi tiêu hàng ngày.

**C.** thanh toán khám, chữa bệnh. **D.** lương hưu hành tháng.

**Câu 36:** Anh A đến đại lý bán bảo hiểm để mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe cơ giới cho chiếc xe máy mà mình đang sử dụng. Bác A đã sử dụng loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

**A.** Bảo hiểm y tế. **B.** Bảo hiểm thương mại.

**C.** Bảo hiểm xã hội. **D.** Bảo hiểm thất nghiệp.

**Câu 37:** Loại hình dịch vụ trong đó có sự cam kết bồi thường giữa bên cung cấp bảo hiểm với bên tham gia bảo hiểm về những rủi ro, thiệt hại khi xảy ra sự kiện bảo hiểm nhằm mục đích ổn định kinh tế cho người tham gia và hướng tới đảm bảo an sinh xã hội là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

**A.** Thất nghiệp. **B.** Tăng trưởng kinh tế.

**C.** Bảo hiểm. **D.** Phát triển kinh tế.

**Báo cáo và thảo luận**

- Giáo viên yêu cầu các học sinh trả lời kết quả làm bài của mình.

**Kết luận, nhận định**

*-* Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

**3. Hoạt động 3: Định hướng làm bài kiểm tra định kỳ**

**a. Mục tiêu bài kiểm tra**

Học sinh bước đầu hình dung được yêu cầu, mục đích, nhiệm vụ của bài kiểm tra định kỳ. Có kế hoạch ôn tập để làm bài kiểm tra hiệu quả

**b. Nội dung kiểm tra**

- Phổ biến nội dung kiểm tra

- Hình thức kiểm tra

- Thời gian kiểm tra

- Biểu điểm và các quy định đối với bài kiểm tra

**c. Giới hạn kiểm tra**

***Kiến thức cơ bản***

Bài 1: *Tăng trưởng và phát triển kinh tế*

Bài 2: *Hội nhập kinh tế quốc tế*

Bài 3: *Bảo hiểm*

Bài 4: *An sinh xã hội*

**TCT: 19**

**KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ 1**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Chủ đề | Bài | **Năng lực đặc thù môn GDKT&PL** | | | | | | | | | Tổng  lệnh  hỏi |
| Điều chỉnh hành vi | | | Phát triển bản thân | | | Tìm hiểu và tham gia | | |
| **Cấp độ tư duy** | | | **Cấp độ tư duy** | | | **Cấp độ tư duy** | | |
| Biết | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng |
| 1 | Chủ đề 1:  ***Tăng trưởng và phát triển kinh tế*** | Bài 1: Tăng trưởng và  phát triển kinh tế | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 10 |
| 2 | Chủ đề 2:  ***Hội nhập kinh tế quốc tế*** | Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế | 1 | 1 | 1 | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 10 |
| 3 | Chủ đề 3:  ***Bảo hiểm và an sinh xã hội*** | Bài 3: Bảo hiểm | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 | 1 | 1 | 10 |
| 4 | Bài 4: An sinh xã hội | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 10 |
| 5 | **Tổng** | **Tổng lệnh hỏi** | ***6*** | ***4*** | ***4*** | ***5*** | ***4*** | ***4*** | ***5*** | ***4*** | ***4*** | ***40*** |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 1**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Mạch kiến thức** | **Mô tả các cấp độ nhận thức** | Điều chỉnh hành vi | Phát triển bản thân | Tìm hiểu và tham gia HĐKT&XH |
|  | Chủ đề 1:  ***Tăng trưởng và phát triển kinh tế*** | Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế | **Nhận biết:** Nêu được các chỉ tiêu của tăng trưởng và phát triển kinh tế. | 2 | 1 | 1 |
|  | **Thông hiểu:** Phân biệt được tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế.  - Giải thích được vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế.  - Nhận biết được mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với sự phát triển bền vững. | 1 | 1 | 1 |
|  | **Vận dụng:**  - Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế;  - Phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế.  - Tham gia các hoạt động góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. | 1 | 1 | 1 |
|  | Chủ đề 2:  ***Hội nhập kinh tế quốc tế*** | Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế | **Nhận biết:**  - Nêu được khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế.  - Liệt kê được các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế. | 1 | 2 | 1 |
|  | **Thông hiểu:**  - Giải thích được hội nhập kinh tế quốc tế là cần thiết đối với mọi quốc gia. | 1 | 1 | 1 |
|  | **Vận dụng:**  - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi không chấp hành chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.  - Xác định được trách nhiệm của bản thân trong hội nhập kinh tế quốc tế. | 1 | 1 | 1 |
|  | Chủ đề 3:  ***Bảo hiểm và an sinh xã hội*** | Bài 3: Bảo hiểm | **Nhận biết:**  - Nêu được khái niệm bảo hiểm,  - Nêu được vai trò của bảo hiểm  - Liệt kê được một số loại hình bảo hiểm. | 1 | 1 | 2 |
|  | **Thông hiểu:**  - Giải thích được sự cần thiết của bảo hiểm. | 1 | 1 | 1 |
|  | **Vận dụng:**  Gọi tên được một số chính sách an  Thực hiện được trách nhiệm công dân về bảo hiểm bằng những việc làm cụ thể và phù hợp. | 1 | 1 | 1 |
|  | Bài 4: An sinh xã hội | **Nhận biết:**  - Nêu được khái niệm an sinh xã hội.  - Nêu được vai trò của an sinh xã hội.  - Liệt kê được một số chính sách an sinh xã hội | 2 | 1 | 1 |
|  | **Thông hiểu:**  - Giải thích được sự cần thiết của an sinh xã hội. | 1 | 1 | 1 |
|  | **Vận dụng:**  Gọi tên được một số chính sách an sinh xã hội cơ bản.  Thực hiện được trách nhiệm công dân về an sinh xã hội bằng những việc làm cụ thể và phù hợp. | 1 | 1 | 1 |
| 5 | Tổng số lệnh hỏi theo năng lực | | | 16 | 12 | 12 |

**TCT:** 20, 21, 22, 23, 24

**Chủ đề: *4/Lập kế hoạch kinh doanh***

**BÀI 5. LẬP KẾ HOẠCH KINH DOANH**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Nêu được nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh.

- Giải thích được sự cần thiết phải lập kế hoạch kinh doanh.

- Diễn giải được các bước lập kế hoạch kinh doanh.

**2. Năng lực**

- Phát triển bản thân: Lập được kế hoạch kinh doanh và mô tả được kế hoạch kinh doanh của bản thân dưới hình thức bài tập thực hành.

- Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu và đưa ra được dẫn chứng thực tế về sự cần thiết của việc lập kế hoạch kinh doanh.

**3. Phẩm chất**

Có trách nhiệm trong việc tham gia các hoạt động kinh tế làm giàu hợp pháp cho bản thân và gia đình, đồng thời góp phần làm giàu cho đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12;

- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;

- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Hoạt động: Mở đầu**

**a) Mục tiêu**

Giới thiệu mục tiêu, ý nghĩa của bài học. Khai thác trải nghiệm của HS về vấn đề liên quan đến nội dung bài học mới, tạo hứng thú cho HS trong việc tìm hiểu về cách thức lập kế hoạch kinh doanh

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS tìm hiểu vi deo mà giáo viên đưa ra và trả lời câu hỏi

*Em có ý tưởng kinh doanh một sản phẩm, hãy cho biết các bước em làm để hiện thực hoá ý tưởng đó.*

**c) Sản phẩm**

Học sinh bước đầu nhận biết được tầm quan trọng cũng như các bước để lập kế hoạch kinh doanh

Về cơ bản, một bản kế hoạch kinh doanh được lập sẽ bao gồm các bước:

*+ Xác định ý tưởng kinh doanh.*

*+ Xác định mục tiêu kinh doanh (mục tiêu cần cụ thể, rõ ràng, thực tế, phù hợp khả năng).*

*+ Phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh, bao gồm sản phẩm, dịch vụ kinh doanh; khách hàng; thị trường; tài chính, nhân sự,...*

*+ Xác định chiến lược kinh doanh với chi tiết hoạt động và kế hoạch thực hiện hoạt động.*

*+ Đánh giá cơ hội, rủi ro và biện pháp xử lí trong quá trình kinh doanh.*

**d) Tổ chức thực hiện**

***Giao nhiệm vụ học tập***

GV giao nhiệm vụ cho HS tìm hiểu vi deo mà giáo viên đưa ra và trả lời câu hỏi

*Em có ý tưởng kinh doanh một sản phẩm, hãy cho biết các bước em làm để hiện thực hoá ý tưởng đó?*

***Thực hiện nhiệm vụ***

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân chuẩn bị câu trả lời ra giấy.

GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

***Báo cáo, thảo luận***

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó dẫn dắt HS vào bài mới như lời dẫn trong SGK.

***Kết luận, nhận định***

Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh.

**Gv nhấn mạnh:**

Lập kế hoạch kinh doanh là việc khởi đầu quan trọng cho hoạt động kinh doanh, giúp chủ thể xác định rõ được mục tiêu, đường lối, chiến lược và lộ trình thực hiện nhiệm vụ để kinh doanh hiệu quả và thành công.

**2. Hoạt động: Khám phá**

**Nội dung 1. Tìm hiểu nội dung: Khái niệm kế hoạch kinh doanh và sự cần thiết của lập kế hoạch kinh doanh.**

**a) Mục tiêu**

HS nêu được khái niệm kế hoạch kinh doanh và sự cần thiết của lập kế hoạch kinh doanh.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

*Dựa vào thông tin trong bài, em hãy: Cho biết lập kế hoạch kinh doanh có ý nghĩa như thế nào đối với chủ thể. Nêu ví dụ minh hoạ.*

**c) Sản phẩm**

**- Ý nghĩa:**Lập kế hoạch kinh doanh giúp chủ thể kinh doanh:

+ Xác định được các mục tiêu, chiến lược thị trường;

+ Đưa ra phương hướng và phương thức thực hiện kinh doanh;

+ Đưa ra những quyết định tốt hơn trong quá trình kinh doanh;

+ Tăng khả năng huy động vốn, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh.

**- Ví dụ:**Nhận thấy quê hương mình rất phong phú về các loại thảo mộc và nhu cầu thị trường về dòng sản phẩm này thiên nhiên ngày càng tăng lên, anh H đã xây dựng kế hoạch kinh doanh mĩ phẩm chiết xuất từ thiên nhiên. Sau khi đánh giá những thuận lợi và khó khăn, anh H nhận thấy kế hoạch kinh doanh của mình có khả thi. Nhờ xây dựng kế hoạch kinh doanh tốt, đánh giá đúng cơ hội, đối tượng khách hàng tiềm năng,… nên việc kinh doanh của anh H đã đạt được những thành công ban đầu.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Giao nhiệm vụ học tập***  GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:  *Dựa vào thông tin trong bài, em hãy: Cho biết lập kế hoạch kinh doanh có ý nghĩa như thế nào đối với chủ thể. Nêu ví dụ minh hoạ.*  ***Thực hiện nhiệm vụ***  - Học sinh đọc thông tin.  - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấyhoặc phiếu học tập.  ***Báo cáo, thảo luận***  GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi**,** các HS khác bổ sung ý kiến.  ***Kết luận, nhận định***  – GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:  Bản kế hoạch kinh doanh sẽ giúp cho chủ thể kinh doanh nắm bắt được tình hình thực tế và đưa ra những định hướng trong tương lai. Xác định được mục tiêu, chiến lược, thị trường, khách hàng, đối thủ cạnh tranh, nội lực của bản thân, đưa ra phương hướng kinh doanh và phương thức thực hiện. Xác định được những thiếu sót trong kinh doanh và rủi ro có thể xảy ra. Từ đó, chủ thể kinh doanh sẽ chủ động thực hiện, điều chỉnh kế hoạch kinh doanh để có tầm nhìn tốt hơn cho việc kinh doanh trong tương lai. | **1. Kế hoạch kinh doanh và sự cần thiết phải lập kế hoạch kinh doanh.**  Kế hoạch kinh doanh là bản phác thảo quá trình kinh doanh trong một khoảng thời gian nhất định.  Lập kế hoạch kinh doanh giúp chủ thể kinh doanh xác định được các mục tiêu, chiến lược thị trường, đưa ra phương hướng và phương thức thực hiện kinh doanh: đưa ra những quyết định tốt hơn trong quá trình kinh doanh; tăng khả năng huy động vốn, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh. |

**Nội dung 2. Tìm hiểu nội dung: Nội dung của kế hoạch kinh doanh**

**a) Mục tiêu**

HS nêu được các nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

*Dựa vào thông tin trong bài, em hãy: Cho biết bản kế hoạch kinh doanh có các nội dung gì? Làm rõ vai trò của từng nội dung và lấy ví dụ minh hoạ.*

**c) Sản phẩm**

**- Các nội dung trong bản kế hoạch kinh doanh**

+ ***Tóm tắt kế hoạch kinh doanh***, gồm: Tên kế hoạch; ý tưởng kinh doanh; tổng quan về doanh nghiệp; đối tượng khách hàng; sản phẩm và dịch vụ; phân tích thị trường (đối thủ, điều kiện thuận lợi và khó khăn)

+ ***Định hướng kinh doanh***, gồm: Xác định tính khả thi của ý tưởng kinh doanh; mô tả sản phẩm/ dịch vụ; mô doanh nghiệp; xác định các nhiệm vụ, phương án với mục đích dài hạn; tóm tắt phần trọng tâm nhất trong bản kế hoạch

**+ *Mục tiêu và chiến lược kinh doanh,***gồm: Các mong muốn, kì vọng đạt được trong một khoảng thời gian nhất định mục tiêu và kế hoạch kinh doanh dài hạn của từng thời kỳ chiến lược kinh doanh tổng thể, dài hạn điều khiển các hoạt động nhằm đạt được mục tiêu đặt ra

***+ Các điều kiện thực hiện hoạt động kinh doanh,***gồm: Đánh giá thị trường: những điểm mạnh, điểm yếu, thuận lợi, khó khăn trong quá trình kinh doanh; khách hàng mục tiêu; đối thủ cạnh tranh

***+ Kế hoạch hoạt động,***gồm: Kế hoạch sản xuất/ cung ứng dịch vụ; kế hoạch tổ chức vận hành, quản lí; kế hoạch marketing; kế hoạch tài chính; kế hoạch nhân sự

***+ Rủi ro tiềm ẩn và biện pháp xử lí,*** gồm: Nghiên cứu, phân tích đánh giá nguy cơ có khả năng xuất hiện, mức độ ảnh hưởng trong quá trình doanh nghiệp đưa ra biện pháp phòng ngừa và biện pháp xử lí phù hợp

**- Ví dụ minh họa (phần tóm tắt kế hoạch kinh doanh)**

+ Tên kế hoạch: Kinh doanh cây cảnh mini

+ Đối tượng khách hàng: học sinh, sinh viên, người dân trên địa bàn thị trấn X

+ Sản phẩm, dịch vụ: hạt giống; chậu cây cảnh mini,…

+ Nguồn lực: có kiến thức và kĩ năng chuyên môn của ngành công nghệ sinh học; có mặt bằng sản xuất và kinh doanh; có nguồn vốn ban đầu…

+ Thị trường: nhu cầu sử dụng các sản phẩm cây cảnh mini của người dân ngày càng lớn; thị trường ít có đối thủ cạnh tranh vì khu vực thị trấn X chưa có chủ thể nào kinh doanh mặt hàng này.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Giao nhiệm vụ học tập***  GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:  *Dựa vào thông tin trong bài, em hãy: Cho biết bản kế hoạch kinh doanh có các nội dung gì. Làm rõ vai trò của từng nội dung và lấy ví dụ minh hoạ.*  ***Thực hiện nhiệm vụ***  - Học sinh đọc thông tin.  - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấyhoặc phiếu học tập.  ***Báo cáo, thảo luận***  GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi**,** các HS khác bổ sung ý kiến.  ***Kết luận, nhận định***  GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:  + Phần tóm tắt trình bày một cách ngắn gọn, khái quát những thông tin: Tên kế hoạch kinh doanh; Ý tưởng kinh doanh; Mục tiêu kinh doanh; Chiến lược kinh doanh; Các điều kiện thực hiện kế hoạch kinh doanh; Cơ hội, rủi ro.  + Tên kế hoạch kinh doanh: Cần phải thể hiện sơ lược sản phẩm kinh doanh. | **2. Nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh**  Kế hoạch kinh doanh bao gồm các nội dung sau: tóm tắt kế hoạch kinh doanh; định hướng, ý tưởng kinh doanh; mục tiêu và chiến lược kinh doanh; các điều kiện thực hiện hoạt động kinh doanh; kế hoạch hoạt động; rủi ro tiềm ẩn và biện pháp xử lí.. |

**Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Các bước lập kế hoạch kinh doanh**

**a) Mục tiêu.** HS nêu được các bước lập kế hoạch kinh doanh

**b) Nội dung.** GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nội dung và thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

*Dựa vào thông tin trong bài, em hãy: Lập một bản kế hoạch kinh doanh của bản thân và thuyết trình về kế hoạch đó.*

**c) Sản phẩm.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên kế hoạch kinh doanh: KẾ HOẠCH KINH DOANH CÂY CẢNH MINI** | |
| **Ý tưởng kinh doanh** | ***- Sản phẩm***: các loại cây cảnh mini, như: sen đã, xương rồng, lưỡi hổ, dương xỉ, kim tiền,…  ***- Đối tượng khách hàng***: người dân và các doanh nghiệp trên địa bàn thị trấn X và vùng phụ cận  ***- Nhu cầu của khách hàng:***  + Người dân có nhu cầu dùng cây cảnh mini để phục vụ nhu cầu cá nhân (trang trí nhà cửa; bàn làm việc,…), làm quà tặng  + Các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng cây cảnh mini để trang trí văn phòng  - ***Nguồn cung ứng:*** các vườn, nông trại trồng cây cảnh ở vùng ngoại ô của thị trấn X đảm bảo cung ứng các sản phẩm chất lượng tốt, giá thành phải chăng,… |
| **Mục tiêu kinh doanh** | - Sáu tháng đầu: Được người tiêu dùng đón nhận và hài lòng về sản phẩm. Đa dạng hoá sản phẩm với chất lượng đảm bảo và số lượng ngày càng tăng  - Một năm thu hồi vốn đầu tư ban đầu;  - Hai năm mở được hệ thống cửa hàng thứ hai và thứ ba đồng thời mở rộng quy mô thị trường ra toàn tỉnh/ thành phố X;  - Ba năm chiếm lĩnh 20% thị phần tại khu vực tỉnh/ thành phố X  - Xây dựng chuỗi thương hiệu cây cảnh và mở các lớp đào tạo về kĩ thuật chăm sóc cây cảnh và nghệ thuật bài trí cây cảnh tại nhà/ văn phòng; nghẹ thuật trang trí tiểu cảnh… sau năm năm hoạt động |
| **Các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh** | ***- Điểm mạnh:*** Cửa hàng có nguồn cung ứng cây cảnh ổn định; sản phẩm đa dạng; nhân viên có kiến thức và kĩ năng chăm sóc cây cảnh tốt…  - ***Điểm yếu:*** Cửa hàng chưa mạnh về nguồn tài chính, 50% vốn chủ, vốn vay 50%, đang kêu gọi vốn để thực hiện nhiều chương trình marketing xây dựng thương hiệu.  ***- Cơ hội:*** Chất lượng của cuộc sống ngày càng tăng nên cầu về thị trường cây cảnh tăng. Hoa tươi cũng được áp dụng nhiều trong việc tạo các sản phẩm như: chậu hoa; tiểu cảnh,...  ***- Thách thức:*** Đối thủ cạnh tranh có nhiều mức giá và chất lượng khác nhau, thoả mãn đa dạng nhu cầu của khác hàng… |
| **Chiến lược kinh doanh** | ***- Kế hoạch sản xuất/ cung ứng dịch vụ:*** thiết kế mẫu chậu cây cảnh/ tiểu cảnh (hòn non bộ; sân vườn,…) đa dạng, quy trình cung ứng nhanh, nhiều mức giá phù hợp  ***- Kế hoạch tài chính:*** theo dõi thu chi tài chính chặt chẽ thông qua hệ thống sổ sách nhằm sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư, tăng lợi nhuận trong kế hoạch tài chính  ***- Kế hoạch marketing:*** thực hiện quảng cáo trên nhiều phương tiện, da dạng về hình thức marketing để thu hút khách hàng  ***- Kế hoạch nguồn nhân lực:*** để phát triển nhân lực, thực hiện liên kết đơn vị đào tạo nâng cao kiến thức, kĩ năng cho nhân viên để đội ngũ nhân sự có tay nghề và thẩm mĩ trong thiết kế chậu cây, tiểu cảnh,… |
| **Những cơ hội, rủi ro và biện pháp xử lí** | - Rủi ro trong quá trình trồng và chăm sóc cây (ví dụ: cây bị chết, chậm phát triển,…) => biện pháp xử lí: tìm hiểu về đặc tính của từng loại cây cảnh để có kế hoạch chăm sóc phù hợp.  - Rủi ro khi có biến động tăng giá nguồn cung => biện pháp xử lí:  + Thời gian đầu sẽ giữ giá bán, giảm lợi nhuận để giữ khách hàng, sau đó nâng dần mức giá phù hợp với thị trường.  + Kí kết hợp đồng đầu ra với nông trại trồng cây để kiểm soát tốt nguồn nguyên liệu |
| Dự kiến kết quả | - Đạt được 80% các mục tiêu kinh doanh đã đề ra. |

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Giao nhiệm vụ học tập**  GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nội dung và thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:  *Dựa vào thông tin trong bài, em hãy: Lập một bản kế hoạch kinh doanh của bản thân và thuyết trình về kế hoạch đó.*  **Báo cáo thảo luận**  - GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.  - GV mời một vài HS nêu ví dụ về các bước của lập kế hoạch kinh doanh và chia sẻ với cả lớp về kế hoạch kinh doanh đã xây dựng  **Kết luận, nhận định**  Việc xác định các bước của lập kế hoạch kinh doanh có vai trò quan trọng trong việc thực hiện chiến lược kinh doanh. Lập kế hoạch càng cụ thể sẽ giúp chủ thể kinh doanh dự kiến được các khó khăn và thách thức cũng như có kế hoạch điều chỉnh phù hợp | **3. Các bước lập kế hoạch kinh doanh**  - Các bước lập kế hoạch kinh doanh  + Bước 1: Xác định định hướng kinh doanh: Xây dựng tầm nhìn, kì vọng và thể hiện mong muốn của chủ thể kinh doanh;  + Bước 2: Lập mục tiêu và chiến lượng kinh doanh: Đặt ra mục tiêu, mục đích trong từng thời kỳ  + Bước 3: Phân tích các điều kiện thực hiện hoạt động kinh doanh: Xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với chủ thể,  Bước 4: Xây dựng kế hoạch hoạt động: Nói dung, cách thức tổ chức thực hiện mục tiêu kinh doanh:  + Bước 5: Phân tích rủi ro tiềm ẩn và biện pháp xử lí Phòng ngừa và giải quyết rủi ro |

**3. Hoạt động: Luyện tập**

**Câu 1.***Em hãy nêu nội dung của bản kế hoạch kinh doanh và cho ví dụ minh họa.*

**a) Mục tiêu**

HS củng cố và hoàn thiện kiến thức vừa học. Rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc cá nhân với yêu cầu: Em hãy nêu nội dung của bản kế hoạch kinh doanh và cho ví dụ minh hoạ.

**c) Sản phẩm**

**- Các nội dung trong bản kế hoạch kinh doanh:**

+ ***Tóm tắt kế hoạch kinh doanh***, gồm: Tên kế hoạch; ý tưởng kinh doanh; tổng quan về doanh nghiệp; đối tượng khách hàng; sản phẩm và dịch vụ; phân tích thị trường (đối thủ, điều kiện thuận lợi và khó khăn)

+ ***Định hướng kinh doanh***, gồm: Xác định tính khả thi của ý tưởng kinh doanh; mô tả sản phẩm/ dịch vụ; mô doanh nghiệp; xác định các nhiệm vụ, phương án với mục đích dài hạn; tóm tắt phần trọng tâm nhất trong bản kế hoạch

**+ *Mục tiêu và chiến lược kinh doanh,***gồm: Các mong muốn, kì vọng đạt được trong một khoảng thời gian nhất định mục tiêu và kế hoạch kinh doanh dài hạn của từng thời kỳ chiến lược kinh doanh tổng thể, dài hạn điều khiển các hoạt động nhằm đạt được mục tiêu đặt ra

***+ Các điều kiện thực hiện hoạt động kinh doanh,***gồm: Đánh giá thị trường: những điểm mạnh, điểm yếu, thuận lợi, khó khăn trong quá trình kinh doanh; khách hàng mục tiêu; đối thủ cạnh tranh

***+ Kế hoạch hoạt động,***gồm: Kế hoạch sản xuất/ cung ứng dịch vụ; kế hoạch tổ chức vận hành, quản lí; kế hoạch marketing; kế hoạch tài chính; kế hoạch nhân sự

***+ Rủi ro tiềm ẩn và biện pháp xử lí,*** gồm: Nghiên cứu, phân tích đánh giá nguy cơ có khả năng xuất hiện, mức độ ảnh hưởng trong quá trình doanh nghiệp đưa ra biện pháp phòng ngừa và biện pháp xử lí phù hợp

**- Ví dụ minh họa (phần tóm tắt kế hoạch kinh doanh)**

+ Tên kế hoạch: Kinh doanh cây cảnh mini

+ Đối tượng khách hàng: học sinh, sinh viên, người dân trên địa bàn thị trấn X

+ Sản phẩm, dịch vụ: hạt giống; chậu cây cảnh mini,…

+ Nguồn lực: có kiến thức và kĩ năng chuyên môn của ngành công nghệ sinh học; có mặt bằng sản xuất và kinh doanh; có nguồn vốn ban đầu…

+ Thị trường: nhu cầu sử dụng các sản phẩm cây cảnh mini của người dân ngày càng lớn; thị trường ít có đối thủ cạnh tranh vì khu vực thị trấn X chưa có chủ thể nào kinh doanh mặt hàng này.

**d) Tổ chức thực hiện**

***Giao nhiệm vụ học tập***

GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc cá nhân với yêu cầu: *Em hãy nêu nội dung của bản kế hoạch kinh doanh và cho ví dụ minh hoạ.*

***Thực hiện nhiệm vụ***

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào phiếu học tập.

***Báo cáo, thảo luận***

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận

***Kết luận, nhận định***

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp và đưa ra kết luận

**Câu 2.** *Em hãy nêu và giải thích vai trò của việc xây dựng kế hoạch kinh doanh và cho ví dụ minh họa.*

**a) Mục tiêu**

HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến các vấn đề cơ bản về lập kế hoạch kinh doanh

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định trong bài luyện tập số 2: Em hãy nêu và giải thích vai trò của việc xây dựng kế hoạch kinh doanh và cho ví dụ minh hoạ.

**c) Sản phẩm**

**Vai trò:**Lập kế hoạch kinh doanh giúp chủ thể kinh doanh:

+ Xác định được các mục tiêu, chiến lược thị trường;

+ Đưa ra phương hướng và phương thức thực hiện kinh doanh;

+ Đưa ra những quyết định tốt hơn trong quá trình kinh doanh;

+ Tăng khả năng huy động vốn, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh.

**d) Tổ chức thực hiện**

***Giao nhiệm vụ học tập***

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định trong bài luyện tập số 2: Em hãy nêu và giải thích vai trò của việc xây dựng kế hoạch kinh doanh và cho ví dụ minh họa.

***Thực hiện nhiệm vụ***

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập.

***Báo cáo, thảo luận***

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập, GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến.

***Kết luận, nhận định***

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận:

**Câu 3.** *Em hãy bổ sung nội dung và sắp xếp lại trình tự sau để được các bước lập kế hoạch kinh doanh hoàn chỉnh.*

- Thu thập thông tin về các đối thủ cạnh tranh, ngành và lĩnh vực hoạt động, môi trường kinh tế - xã hội và pháp luật

- Lập kế hoạch quảng bá, truyền thông thương hiệu cũng như giới thiệu sản phẩm, dịch vụ mà công ty cung cấp đến khách hàng

- Xây dựng phương án đến khách hàng giúp doanh nghiệp vẫn có thể trụ vững trong một vài trường hợp bất khả kháng

- Xây dựng mục tiêu rõ ràng trong từng thời kì để xác định được hướng đi và hoạt động trong tương lai

**a) Mục tiêu**

HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được các kỹ năng cơ bản để lập kế hoạch kinh doanh

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc yêu cầu bài luyện tập số 3 trong SGK: Em hãy bổ sung nội dung và sắp xếp lại trình tự sau để được các bước lập kế hoạch kinh doanh hoàn chỉnh.

**c) Sản phẩm**

- Các bước lập kế hoạch kinh doanh:

+ Bước 1: Xác định định hướng kinh doanh: Xây dựng tầm nhìn, kì vọng thể hiện mong muốn của chủ thể kinh doanh; và

+ Bước 2: Lập mục tiêu và chiến lược kinh doanh: Đặt ra mục tiêu, mục đích trong từng thời kì;

+ Bước 3: Phân tích các điều kiện thực hiện hoạt động kinh doanh: Xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với chủ thể

+ Bước 4: Xây dựng kế hoạch hoạt động: Nội dung, cách thức tổ chức thực hiện mục tiêu kinh doanh;

+ Bước 5: Phân tích rủi ro tiềm ẩn và biện pháp xử lí: Phòng ngừa và giải quyết rủi ro.

**d) Tổ chức thực hiện**

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc yêu cầu bài luyện tập số 3 trong SGK: Em hãy bổ sung nội dung và sắp xếp lại trình tự sau để được các bước lập kế hoạch kinh doanh hoàn chỉnh.

***Thực hiện nhiệm vụ***

HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và trả lời câu hỏi đặt ra

***Báo cáo, thảo luận***

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm theo cặp, hai nhóm thảo luận cùng một trường hợp, mời đại diện nhóm 1 trình bày kết quả thảo luận, nhóm 2 phản biện, bổ sung, sau đó GV nhận xét và kết luận

***Kết luận, nhận định***

GV nhận xét và kết luận giúp học sinh thấy được việc cần thiết phải lập kế hoạch kinh doanh

**Câu 4.** *Em hãy thảo luận cùng các bạn, xây dựng tiêu chí để đánh giá bản kế hoạch kinh doanh.*

**a) Mục tiêu**

HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được ý nghĩa lập kế hoạch kinh doanh

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ HS đọc yêu cầu bài luyện tập số 4 trong SGK:

Em hãy thảo luận cùng các bạn, xây dựng tiêu chí để đánh giá bản kế hoạch kinh doanh.

**c) Sản phẩm**

**- Tiêu chí về nội dung**

+ Tính vượt trội: sản phẩm/ dịch vụ kinh doanh có điểm gì nổi trội so với các sản phẩm/ dịch vụ khác trên thị trường?

+ Tính mới mẻ, độc đáo: khi đã có quá nhiều sản phẩm/ dịch vụ liên quan xuất hiện trên thị trường, làm thế nào để sản phẩm của bạn có tính mới mẻ, độc đáo, khác biệt so với các sản phẩm/ dịch vụ đã có.

+ Tính hữu dụng: sản phẩm/ dịch vụ của bạn có sức sống lâu dài, tính hữu dụng cao và thỏa mãn nhu cầu của người tiêu dùng không?

+ Tính khả thi: sản phẩm/ dịch vụ của bạn có thể thực hiện chứ không phải nghĩ hay vẽ ra những hoạt động kinh doanh bất khả thi.

+ Lợi thế cạnh tranh: cách thức kinh doanh của bạn phải có tiến bộ, có khả năng cạnh tranh hơn so với các cách thức kinh doanh đang có.

**- Tiêu chí về hình thức**

+ Trình bày rõ ràng, khoa học

+ Bản kế hoạch phải được căn chỉnh định dạng đúng theo thể thức văn bản về: cỡ chữ, kiểu chữ, căn lề, giãn dòng,…

**d) Tổ chức thực hiện**

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV giao nhiệm vụ HS đọc yêu cầu bài luyện tập số 4 trong SGK:

*Em hãy thảo luận cùng các bạn, xây dựng tiêu chí để đánh giá bản kế hoạch kinh doanh.*

***Thực hiện nhiệm vụ***

HS làm việc nhóm chuẩn bị bài giới thiệu.

***Báo cáo, thảo luận***

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm theo cặp, hai nhóm thảo luận cùng một trường hợp, mời đại diện nhóm 1 trình bày kết quả thảo luận, nhóm 2 phản biện, bổ sung, sau đó GV nhận xét và kết luận.

***Kết luận, nhận định***

GV nhận xét và kết luận giúp học sinh thấy được ý nghĩa lập kế hoạch kinh doanh.

**4. Hoạt động: Vận dụng**

**Dựa vào tiêu chí đã xây dựng ở bài tập 4 để đánh giá kế hoạch kinh doanh của bản thân.**

**a) Mục tiêu**

HS tự giác áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến lập kế hoạch kinh doanh trong thực tiễn cuộc sống.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng: Dựa vào tiêu chí đã xây dựng ở bài tập 4 để đánh giá kế hoạch kinh doanh của bản thân.

**c) Sản phẩm**

Bước đầu áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến vấn đề lập kế hoạch kinh doanh trong thực tiễn cuộc sống.

**d) Tổ chức thực hiện**

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng: Dựa vào tiêu chí đã xây dựng ở bài tập 4 để đánh giá kế hoạch kinh doanh của bản thân.

***Thực hiện nhiệm vụ***

Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

***Báo cáo, thảo luận***

Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

***Kết luận, nhận định***

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu vai trò của lập kế hoạch kinh doanh trong thực tiễn cuộc sống.

**TCT:** 25, 26, 27, 28, 29

**Chủ đề: 5**/***Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp***

**BÀI 6. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Nêu được khái niệm trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

- Liệt kê được các hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

- Trình bày được ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

**2. Năng lực**

- Điều chỉnh hành vi: Ủng hộ những hành vi, việc làm có trách nhiệm đối với xã hội của doanh nghiệp; Phê phán những biểu hiện thiếu trách nhiệm đối với xã hội của một số doanh nghiệp.

- Năng lực phát triển bản thân: Xác định được trách nhiệm công dân khi tham gia điều hành doanh nghiệp.

- Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu và đưa ra được dẫn chứng thực tế về việc thực hành trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong một số trường hợp cụ thể; Tham gia tuyên truyền cổ vũ các doanh nghiệp đẩy mạnh thực hành trách nhiệm đối với xã hội.

**3. Phẩm chất**

Có trách nhiệm trong việc tham gia cổ vũ các doanh nghiệp thực hành trách nhiệm đối với xã hội, ý thức được trách nhiệm công dân đối với xã hội của người quản lí, điều hành doanh nghiệp.

**4. Tích hợp quyền con người**

**- Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ với yêu cầu cần đạt: Phê phán những biểu hiện thiếu trách nhiệm đối với xã hội của một số doanh nghiệp.

**- Cách thức thực hiện:** Căn cứ nội dung quyền con người như quyền được bảo vệ chăm sóc sức khỏe, quyền bất khả xâm phậm về thân thể…giáo viên lấy các ví dụ để giúp học sinh hiểu được việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp chính là thực hiện quyền con người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12;

- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;

- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Hoạt động: Mở đầu**

**a) Mục tiêu**

Giới thiệu mục tiêu, *ý* nghĩa của bài học. Khai thác trải nghiệm của HS về vấn đề liên quan đến nội dung bài học mới, tạo hứng thú học tập cho HS và giúp HS có hiểu biết ban đầu về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS

*HS quan sát các hình ảnh 6.1, 6.2 trong SGK tr.46 để cho biết doanh nghiệp cần thực hiện các trách nhiệm xã hội nào và nêu ý nghĩa của việc thực hiện các trách nhiệm đó.*

**c) Sản phẩm**

Học sinh bước đầu nhận biết được một số hoạt động cơ bản thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

- Các doanh nghiệp cần đóng góp vào Quỹ “Vì người nghèo” (trách nhiệm nhân văn); tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và đóng góp vào các quỹ bảo vệ môi trường địa phương (trách nhiệm pháp lí).

- Việc doanh nghiệp thực hiện các trách nhiệm xã hội này sẽ mang lại nhiều lợi ích cho bản thân doanh nghiệp và cộng đồng, xã hội như: ổn định cuộc sống người dân, tăng thu nhập, tăng tiêu dùng, thúc đẩy kinh tế phát triển; môi trường tự nhiên được bảo vệ, tài nguyên được tiết kiệm giúp doanh nghiệp phát triển bền vững, cộng đồng và xã hội ngày càng phồn vinh.

**d) Tổ chức thực hiện**

***Giao nhiệm vụ học tập***

GV chuyển giao nhiệm vụ học tập, yêu cầu HS quan sát các hình ảnh *6.1, 6.2* trong SGK *tr.46* để cho biết doanh nghiệp cần thực hiện các trách nhiệm xã hội nào và nêu ý nghĩa của việc thực hiện các trách nhiệm đó.

***Thực hiện nhiệm vụ***

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân chuẩn bị câu trả lời ra giấy.

GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

***Báo cáo, thảo luận***

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó dẫn dắt HS vào bài mới như lời dẫn trong SGK.

***Kết luận, nhận định***

Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh.

***Gv nhấn mạnh:***

Trách nhiệm xã hội là vấn đề mang tính toàn cầu trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế. Thực hiện tốt trách nhiệm đối với xã hội sẽ nâng cao uy tín doanh nghiệp, bảo đảm hiệu quả các chương trình an sinh xã hội và thúc đẩy quốc gia phát triển bền vững. Tìm hiểu trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp sẽ giúp công dân có hiểu biết để phê phán những biểu hiện thiếu trách nhiệm đối với xã hội cũng như chuẩn bị cho bản thân khi tham gia điều hành doanh nghiệp.

**2. Hoạt động: Khám phá**

**Nội dung 1. Tìm hiểu nội dung: Tìm hiểu khái niệm trách nhiệm xã hội và các hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp**

**a) Mục tiêu**

HS nêu được khái niệm trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và các hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

**b) Nội dung**

HS đọc thông tin, quan sát hình 6.3, tìm hiểu các trường hợp trong SGK *tr.47 – 48* để thực hiện các yêu cầu:

*+ Cho biết thế nào là trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.*

*+ Nêu các hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và ví dụ minh họa.*

*+ Xác định hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong các trường hợp.*

**c) Sản phẩm**

Câu trả lời của HS về khái niệm, các hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội  
của doanh nghiệp, nêu ra được các ví dụ minh hoạ và xác định rõ từng hình thức thực hiện  
trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong mỗi trường hợp.

Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là cam kết của doanh nghiệp đóng góp cho việc phát triển kinh tế bền vững. Trách nhiệm này được thực hiện thông qua việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường; bình đẳng giới; an toàn, quyền lợi lao động; đào tạo và phát triển nhân viên; phát triển cộng đồng;... theo cách có lợi cho cả doanh nghiệp cũng như phát triển chung của xã hội.

*Các hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp:*

+ Trách nhiệm nhân văn

Ví dụ: Một công ty sản xuất thực phẩm có thể thực hiện trách nhiệm nhân văn bằng cung cấp thực phẩm miễn phí hoặc giảm giá cho các cộng đồng nghèo đói. Họ có thể tổ chức các chương trình ăn uống cộng đồng hoặc cung cấp thực phẩm cho các tổ chức từ thiện và quỹ cứu trợ.

+ Trách nhiệm pháp lý

Ví dụ: Một doanh nghiệp sản xuất đồ chơi cho trẻ em cần đảm bảo rằng sản phẩm của họ tuân thủ tất cả các quy định an toàn và chuẩn mực pháp lí. Họ cần đảm bảo rằng sản phẩm không gây nguy hiểm cho trẻ em và tuân thủ các quy định về vệ sinh và an toàn.

+ Trách nhiệm đạo đức

Ví dụ: Một công ty dầu mỏ có trách nhiệm đạo đức khi phải đảm bảo rằng hoạt động của họ không gây ra ô nhiễm môi trường và không làm tổn thương cộng đồng địa phương. Họ cũng cần hỗ trợ các nỗ lực bảo vệ môi trường và xã hội, chẳng hạn như việc đóng góp vào các dự án tái chế hoặc làm việc với cộng đồng để giảm thiểu ảnh hưởng của hoạt động của họ.

+ Trách nhiệm kinh tế

Ví dụ: Một công ty công nghệ có trách nhiệm kinh tế khi cung cấp cơ hội việc làm cho người lao động và đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của địa phương và quốc gia. Họ cũng có thể hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong cộng đồng bằng cách cung cấp các chương trình đào tạo và hỗ trợ tài chính.

*Xác định hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong các trường hợp.*

+ Trường hợp 1: Trách nhiệm đạo đức.

+ Trường hợp 2: Trách nhiệm pháp lý.

+ Trường hợp 3: Trách nhiệm kinh tế và trách nhiệm đạo đức.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Giao nhiệm vụ học tập***  HS đọc thông tin, quan sát hình 6.3, tìm hiểu các trường hợp trong SGK tr. 47 – 48 để thực hiện các yêu cầu:  *+ Cho biết thế nào là trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.*  *+ Nêu các hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và nêu ví dụ minh hoạ.*  *+ Xác định hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong các trường hợp.*  ***Thực hiện nhiệm vụ***  - Học sinh đọc thông tin.  - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấyhoặc phiếu học tập.  ***Báo cáo, thảo luận***  GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi**,** các HS khác bổ sung ý kiến.  ***Kết luận, nhận định***  *GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:*  Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp liên quan đến những quyết định và hành động được thực hiện mà ít nhất cũng vượt trên những lợi ích kinh tế của doanh nghiệp, là những nguyên tắc điều chỉnh mối quan hệ giữa doanh nghiệp và xã hội. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp bao gồm sự mong đợi của xã hội về kinh tế, pháp luật, đạo đức và nhân văn đối với các tổ chức tại một thời điểm nhất định. Một doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội khi quyết định và hoạt động của nó nhằm tạo ra và cân bằng các lợi ích khác nhau của những cá nhân và tổ chức liên quan. | **1. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và các hình thức thực hiện**  Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là việc doanh nghiệp bắt buộc tuân thủ các quy định của pháp luật và tự nguyện đóng góp vào các mục tiêu phát triển bền vững theo cách có lợi cho doanh nghiệp và xã hội.  Trách nhiệm nhân văn: Đối với cộng đồng, doanh nghiệp tham gia các hoạt động từ thiện, nhân đạo (khám chữa bệnh miễn phí, xây dựng nhà tình thương,...). Đối với xã hội, doanh nghiệp đóng góp vào các quỹ an sinh xã hội, quỹ xoá đói giảm nghèo, quỹ phòng chống thiên tai, quỹ bảo vệ môi trường.  Trách nhiệm pháp lí: Doanh nghiệp tuân thủ các quy định của pháp luật về thuế, bảo vệ môi trường, quan hệ cạnh tranh lành mạnh, quan hệ lao động công bằng. bình đẳng và các quy định pháp luật khác  Trách nhiệm đạo đức: Đối với người tiêu dùng, doanh nghiệp giữ gìn sự trung thực về chất lượng sản phẩm và tạo sự hài lòng trong quan hệ giao dịch. Đối với người lao động, doanh nghiệp cải thiện môi trường lao động và hỗ trợ vật chất, nâng cao đời sống tinh thần.  Trách nhiệm kinh tế: Doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả; có lợi nhuận, tạo việc làm với mức lương tương xứng, bình đẳng, có cơ hội thăng tiến cho người lao động, sản xuất sản phẩm có chất lượng, an toàn, định giá, được thông tin minh bạch, chính xác về sản phẩm. |

**Nội dung 2. Tìm hiểu nội dung: Ý nghĩa** **của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp**

**a) Mục tiêu**

HS trình bày được ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

**b) Nội dung**

HS đọc thông tin, trường hợp trong SGK tr. 48 – 49 để thực hiện các yêu cầu:

*+ Cho biết ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.*

*+ Nhận xét việc thực hiện trách nhiệm xã hội của chủ thể trong trường hợp. Nêu một số biểu hiện vi phạm trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong thực tế.*

**Tích hợp quyền con người**

**-** Phê phán những biểu hiện thiếu trách nhiệm đối với xã hội của một số doanh nghiệp.

**-** Căn cứ nội dung quyền con người như quyền được bảo vệ chăm sóc sức khỏe, quyền bất khả xâm phậm về thân thể…giáo viên lấy các ví dụ để giúp học sinh hiểu được việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp chính là thực hiện quyền con người.

**c) Sản phẩm**

Câu trả lời của HS về ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp; nhận xét việc thực hiện trách nhiệm xã hội của chủ thể trong trường hợp và nêu lên một số biểu hiện vi phạm trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong thực tế.

Đối với doanh nghiệp: Giúp doanh nghiệp phòng tránh vi phạm pháp luật về kinh tế, lao động, môi trường; tạo động lực làm việc tốt cho LLLĐ; giảm thất thoát, giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động, mở rộng thị trường, tăng thị phần, tăng uy tín, nâng cao giá trị thương hiệu và nhận được các giải thưởng về trách nhiệm xã hội của các đơn vị khác nhau.

Đối với xã hội: Giúp xây dựng công trình dân sinh, hỗ trợ HS, sinh viên khó khăn về học tập, giúp người nghèo khám chữa bệnh, sửa chữa và xây mới nhà ở, ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế,...

Doanh nghiệp P vi phạm trách nhiệm pháp lí về bảo vệ môi trường tự nhiên và việc xử phạt là thích đáng. Đối tác và người tiêu dùng tẩy chay sản phẩm là biện pháp tốt giúp ngăn chặn các biểu hiện vi phạm trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

- Một số biểu hiện vi phạm trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong thực tế:

+ Xâm phạm quyền lao động

+ Gây ô nhiễm môi trường

+ Vi phạm pháp luật

+ Sử dụng hình thức quảng cáo gian lận

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Giao nhiệm vụ học tập***  HS đọc thông tin, trường hợp trong SGK tr. 48 – 49 để thực hiện các yêu cầu:  *+ Cho biết ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.*  *+ Nhận xét việc thực hiện trách nhiệm xã hội của chủ thể trong trường hợp. Nêu một số biểu hiện vi phạm trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong thực tế.*  ***Thực hiện nhiệm vụ***  - Học sinh đọc thông tin.  - HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm học tập, chuẩn bị câu trả lời ra giấy hoặc bảng nhóm để trình bày trước lớp  ***Báo cáo, thảo luận***  GV triển khai phần báo cáo kết quả học tập: mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày câu trả lời, đại diện các nhóm khác nhận xét, phản biện, bổ sung.  ***Kết luận, nhận định***  GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó kết luận: Thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng đối với doanh nghiệp và xã hội.  Thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng, không chỉ giúp cho doanh nghiệp phát triển mà còn hỗ trợ giải quyết nhiều vấn đề của xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững quốc gia. | **2. Ý nghĩa** **của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp**  + Đối với doanh nghiệp: tránh được các rủi ro pháp lí về lao động, môi trường; tạo động lực cho người lao động và thu hút được nguồn lao động giỏi, giảm chi phí, tăng năng suất lao động, mở rộng thị phần; nâng cao thương hiệu và uy tin.  + Đối với xã hội: chung sức hỗ trợ cộng đồng vượt qua khó khăn (đói nghèo, dịch bệnh, khủng hoảng kinh tế, thiên tai,..), giúp ổn định cuộc sống; góp phần bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.  **- Khi tham gia điều hành doanh nghiệp, công dân có trách nhiệm:**  + Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về quan hệ kinh tế, bảo vệ môi trường, thuế và các quy định pháp luật khác,  + Xây dựng kế hoạch, chiến lược kinh doanh và cam kết thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp phù hợp với lợi ích và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp;  + Bảo đảm quyền lợi chính đáng của người lao động với mức lương tương xứng, bình đẳng và điều kiện lao động an toàn, thoải mái, bảo đảm sức khoẻ;  + Nâng cao chất lượng sản phẩm, thoả mãn nhu cầu, lợi ích của người tiêu dùng và bảo vệ uy tin của doanh nghiệp;  + Mở rộng quan hệ hợp tác, đầu tư cùng có lợi với các đối tác;  + Phê phán những biểu hiện thiếu trách nhiệm xã hội ở các doanh nghiệp khác. |

**3. Hoạt động: Luyện tập**

**Câu 1:***Em đồng tình với nhận định nào sau đây về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp?*

**a) Mục tiêu**

Rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định ở bài luyện tập số 1 trong SGK: *Em đồng tình với nhận định nào sau đây về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp?*

**c) Sản phẩm**

Không đồng tình với ***nhận định a*** vì còn chưa đủ nội hàm của khái niệm trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Đồng tình với ***nhận định b*** vì thể hiện đầy đủ các hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và chứa đủ nội hàm của khái niệm về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Không đồng tình với ***nhận định c*** vì chỉ chứa có trách nhiệm pháp lí và trách nhiệm nhân văn.

Không đồng tình với ***nhận định d*** vì không đủ các hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

**d) Tổ chức thực hiện**

***Giao nhiệm vụ học tập***

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định ở bài luyện tập số 1 trong SGK: *Em đồng tình với nhận định nào sau đây về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp?*

***Thực hiện nhiệm vụ***

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào phiếu học tập.

***Báo cáo, thảo luận***

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận.

***Kết luận, nhận định***

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp và đưa ra kết luận

**Câu 2:***Em hãy đọc các trường hợp sau và trả lời câu hỏi.*

**a) Mục tiêu**

HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định trong bài luyện tập số 2 để đưa ra nhận xét của mình đối với những nhận định đó thông qua việc trả lời các câu hỏi sau:

*- Các doanh nghiệp trong các trường hợp trên đã thực hiện trách nhiệm xã hội nào?*

*- Ý nghĩa việc thực hiện các trách nhiệm xã hội đó của doanh nghiệp là gì?*

**c) Sản phẩm**

***a.*** Doanh nghiệp B đã thực hiện trách nhiệm xã hội trong các khía cạnh sau:

- Trách nhiệm kinh tế: Đầu tư vào hệ thống xử lí nước thải và sử dụng năng lượng tái tạo không chỉ giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí mà còn giảm thiểu tác động tiêu cực đối với môi trường, từ đó tăng tính cạnh tranh và giữ vững uy tín trên thị trường.

- Trách nhiệm nhân văn: Thực hiện các chương trình cộng đồng giúp cải thiện cuộc sống và sản xuất của các hộ dân ở vùng sâu, vùng xa, đặc biệt là trong việc cung cấp nguồn nước sạch. Điều này không chỉ góp phần nâng cao hình ảnh của doanh nghiệp mà còn mang lại lợi ích xã hội rộng lớn.

***b.*** Công ty C đã thực hiện trách nhiệm xã hội qua các hoạt động sau:

- Trách nhiệm pháp lí: Sản phẩm có chất lượng được bảo đảm và được cung cấp kèm theo hướng dẫn quy trình sử dụng, từ đó đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng, tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn sản phẩm.

- Trách nhiệm nhân văn: Dành một phần lợi nhuận để phân phối lại cho nông dân, triển khai các chương trình thiện nguyện như Cùng nông dân ra đồng, tư vấn và hướng dẫn kỹ thuật canh tác an toàn và không gây hại môi trường. Điều này giúp nâng cao chất lượng cuộc sống và sản xuất của nông dân, đồng thời tạo ra một môi trường kinh doanh tích cực và bền vững.

***c.*** Doanh nghiệp M đã thực hiện trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động sau:

- Trách nhiệm pháp lí và đạo đức: Tuân thủ các quy định về an toàn lao động và bảo vệ môi trường khi thực hiện các công trình xây dựng. Điều này không chỉ bảo vệ người lao động mà còn giảm thiểu tác động tiêu cực đối với môi trường.

- Trách nhiệm kinh tế và nhân văn: Đảm bảo chất lượng và tiến độ của các công trình xây dựng, đồng thời cung cấp điều kiện làm việc và đãi ngộ hợp lí cho nhân viên. Điều này không chỉ giúp tăng cường uy tín và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp mà còn góp phần vào phát triển của nguồn nhân lực và xã hội.

- Ý nghĩa của việc thực hiện các trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là:

+ Xây dựng và duy trì một hình ảnh tích cực của doanh nghiệp trong cộng đồng và trên thị trường.

+ Tạo ra lợi ích xã hội và tạo ra giá trị cho cộng đồng và xã hội xung quanh.

+ Tăng cường sự tin cậy và lòng tin từ phía khách hàng, đối tác, các bên liên quan khác.

+ Đóng góp vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và xã hội nó hoạt động.

**d) Tổ chức thực hiện**

***Giao nhiệm vụ học tập***

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định trong bài luyện tập số 2 để đưa ra nhận xét của mình đối với những nhận định đó thông qua việc trả lời các câu hỏi sau

*- Các doanh nghiệp trong các trường hợp trên đã thực hiện trách nhiệm xã hội nào?*

*- Ý nghĩa việc thực hiện các trách nhiệm xã hội đó của doanh nghiệp là gì?*

***Thực hiện nhiệm vụ***

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập.

***Báo cáo, thảo luận***

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập, GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến

***Kết luận, nhận định***

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận

**Câu 3:***Em hãy nhận xét về việc làm của chủ thể kinh doanh trong các trường hợp sau:*

**a) Mục tiêu**

HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được sự ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định ở bài luyện tập số 3 trong SGK để đưa ra ý kiến của mình thông qua việc xử lý tình huống

*Em hãy nhận xét về việc làm của chủ thể kinh doanh trong các trường hợp sau*

**c) Sản phẩm**

***a.*** Doanh nghiệp T đã thực hiện nhiều biện pháp tích cực để giảm tác động của hoạt động kinh doanh lên môi trường và xã hội. Việc tái chế chai nhựa, tối ưu hóa khâu phân phối và cải tiến bao bì giúp giảm lượng rác thải và tiêu hao tài nguyên. Đồng thời, việc trích lợi nhuận và quyên góp từ người lao động vào các chương trình từ thiện và an sinh xã hội của địa phương là một hành động tích cực, góp phần vào phát triển cộng đồng và xã hội.

***b.*** Trong trường hợp này, hành động của Công ty V không đồng nhất với các nguyên tắc của trách nhiệm xã hội doanh nghiệp. Việc sử dụng thịt và sản phẩm thực phẩm nhập lậu không rõ nguồn gốc không chỉ là vi phạm đạo đức mà còn có thể gây ra các vấn đề về an toàn thực phẩm và sức khỏe của người tiêu dùng. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến hình ảnh và uy tín của công ty mà còn đặt ra nguy cơ về việc vi phạm pháp luật và bị cơ quan chức năng phạt.

**d) Tổ chức thực hiện**

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định ở bài luyện tập số 3 trong SGK để đưa ra ý kiến của mình thông qua việc xử lý tình huống

*Em hãy nhận xét về việc làm của chủ thể kinh doanh trong các trường hợp*

***Thực hiện nhiệm vụ***

HS làm việc nhóm chuẩn bị bài giới thiệu.

***Báo cáo, thảo luận***

GV triển khai báo cáo kết quả thảo luận cho từng cấp độ. Đại diện nhóm 1 giới thiệu, đại diện nhóm 2 nêu câu hỏi phản biện, nhận xét và bổ sung, các HS khác có thêm ý kiến đóng góp.

***Kết luận, nhận định***

GV nhận xét và kết luận giúp học sinh thấy được sự ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

**Câu 4:***Em hãy đóng vai một giám đốc điều hành doanh nghiệp, thực hiện một bài viết ngắn về xây dựng kế hoạch, chiến lược kinh doanh và cam kết thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.*

**a) Mục tiêu**

HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được sự ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định ở bài luyện tập số 4 trong SGK để thực hiện yêu cầu sau: *Em hãy đóng vai một giám đốc điều hành doanh nghiệp, thực hiện một bài viết ngắn về xây dựng kế hoạch, chiến lược kinh doanh và cam kết thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.*

**c) Sản phẩm**

Học sinh bước đầu có khả năng đánh giá việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong thực tiễn.

**d) Tổ chức thực hiện**

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định ở bài luyện tập số 4 trong SGK để thực hiện yêu cầu sau: *Em hãy đóng vai một giám đốc điều hành doanh nghiệp, thực hiện một bài viết ngắn về xây dựng kế hoạch, chiến lược kinh doanh và cam kết thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.*

***Thực hiện nhiệm vụ***

HS làm việc nhóm chuẩn bị bài giới thiệu.

***Báo cáo, thảo luận***

GV triển khai báo cáo kết quả thảo luận cho từng cấp độ. Đại diện nhóm 1 giới thiệu, đại diện nhóm 2 nêu câu hỏi phản biện, nhận xét và bổ sung, các HS khác có thêm ý kiến đóng góp.

***Kết luận, nhận định***

GV nhận xét và kết luận giúp học sinh thấy được sự ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

**4. Hoạt động: Vận dụng**

Em hãy tìm hiểu về hoạt động thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp tại địa phương và nêu ý nghĩa của việc làm đó.

**a) Mục tiêu**

HS tự giác áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng tại nhà:

Em hãy tìm hiểu về hoạt động thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp tại địa phương và nêu ý nghĩa của việc làm đó.

**c) Sản phẩm**

Bước đầu áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

**d) Tổ chức thực hiện**

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng tại nhà:

Em hãy tìm hiểu về hoạt động thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp tại địa phương và nêu ý nghĩa của việc làm đó.

***Thực hiện nhiệm vụ***

Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

***Báo cáo, thảo luận***

Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

***Kết luận, nhận định***

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

**TCT:** 30, 31, 32, 33, 34

**Chủ đề: 6**/ ***Quản lý thu chi trong gia đình***

**BÀI 7. QUẢN LÝ CHI TIÊU TRONG GIA ĐÌNH**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Nêu được thế nào là quản lí thu, chi trong gia đình.

- Giải thích được sự cần thiết phải quản lí thu, chi trong gia đình.

- Đánh giá được thói quen chi tiêu và các mục tiêu tài chính của gia đình.

**2. Năng lực**

- Phát triển bản thân: Tham gia lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch thu, chi hợp lí trong gia đình.

- Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu và đưa ra được dẫn chứng thực tế về vai trò của quản lí thu, chi trong gia đình.

**3. Phẩm chất**

Chăm chỉ tham gia lập kế hoạch thu, chi hợp lí trong gia đình.

Có trách nhiệm thực hiện kế hoạch thu, chi hợp lí trong gia đình; hướng dẫn bạn bè, người thân cùng thực hiện.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12;

- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;

- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động: Mở đầu**

**a) Mục tiêu**

Giới thiệu mục tiêu, ýnghĩa của bài học. Khai thác trải nghiệm của HS về vấn đề liên quan đến nội dung bài học mới, tạo hứng thú cho HS khi tìm hiểu và tham gia các hoạt động liên quan đến thu chi trong gia đình.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS, có thể tổ chức trò chơi giữa các học sinh để kể về các thói quen chi tiêu trong gia đình.

*HS chia sẻ ý nghĩa của việc quản lí thu, chi trong gia đình qua câu tục ngữ:  
“Khéo ăn thì no, khéo co thì ấm”.*

**c) Sản phẩm**

HS bước đầu nhận biết được một số biểu hiện của việc quản lý chi tiêu trong gia đình.

*“Khéo ăn thì no, khéo co thì ấm”* đề cập đến vấn đề no đủ, cũng như cách tiết kiệm về vật chất như thế nào cho hợp lí, giúp chúng ta có thể kiểm soát và cân đối được thu, chi; chủ động và ứng phó với những tình huống trong tương lai; nâng cao chất lượng cuộc sống;…

**d) Tổ chức thực hiện**

***Giao nhiệm vụ học tập***

GV giao nhiệm vụ cho HS, có thể tổ chức trò chơi giữa các học sinh để kể về các thói quen chi tiêu trong gia đình.

*HS chia sẻ ý nghĩa của việc quản lí thu, chi trong gia đình qua câu tục ngữ:  
“Khéo ăn thì no, khéo co thì ấm”.*

***Thực hiện nhiệm vụ***

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân chuẩn bị câu trả lời ra giấy.

GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

***Báo cáo, thảo luận***

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

***Kết luận, nhận định***

Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

***Gv nhấn mạnh:***

Quản lí thu, chi trong gia đình là quá trình kiểm soát việc sử dụng tiền gồm cả thu nhập và chi tiêu. Gia đình có cách quản lí tài chính hiệu quả sẽ mang lại sự ổn định và phát triển. Vì vậy, mỗi gia đình, cá nhân cần lập và thực hiện kế hoạch quản lí thu, chi một cách hợp lí.

**2. Hoạt động: Khám phá**

**Nội dung 1. Tìm hiểu: Khái niệm và sự cần thiết của quản lí thu, chi trong gia đình**

**a) Mục tiêu**

HS nêu được khái niệm quản lí thu, chi trong gia đình. Giải thích được sự cần thiết phải quản lí thu, chi trong gia đình.

**b) Nội dung**

HS đọc thông tin trong SGK tr. 53 – 54 để thực hiện các yêu cầu:

*+ Cho biết thế nào là quản lí thu, chi trong gia đình và nêu ví dụ minh hoạ.*

*+ Nêu vai trò của quản lí thu, chi đối với gia đình và các thành viên. Nêu ví dụ minh hoạ.*

**c) Sản phẩm**

Phần trình bày của HS nêu được khái niệm quản lí thu, chi trong gia đình; sự cần thiết của quản lí thu, chi trong gia đình và nêu các ví dụ minh hoạ cho từng nội dung.

– Yêu cầu 1:

+ Quản lí thu, chi là việc cân đối các khoản thu và chi nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất, tinh thần cho các thành viên gia đình có tính đến rủi ro và mục tiêu tài chính.

+ Ví dụ minh hoạ: Mẹ tính toán xem tháng này chi tiêu hết bao nhiêu tiền cho việc đi ăn bên ngoài, có cần cân đối lại để không lãng phí là một phần của hoạt động quản lí thu, chi.

– Yêu cầu 2:

+ Vai trò của quản lí thu, chi trong gia đình:

Đối với gia đình: kiểm soát và cân đối được thu, chi; chủ động và ứng phó với những tình huống trong tương lai; nâng cao chất lượng cuộc sống.

Đối với các thành viên trong gia đình: chủ động thực hiện kế hoạch thu, chi.

+ Ví dụ minh hoạ: Đối với các thành viên trong gia đình, sau khi đã có sự trao đổi và thống nhất sẽ hiểu được ý nghĩa của kế hoạch thu, chi nên sẽ chủ động thực hiện.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Giao nhiệm vụ học tập***  HS đọc thông tin trong SGK tr. 53 – 54 để thực hiện các yêu cầu:  *+ Cho biết thế nào là quản lí thu, chi trong gia đình và nêu ví dụ minh hoạ.*  *+ Nêu vai trò của quản lí thu, chi đối với gia đình và các thành viên. Nêu ví dụ minh hoạ.*  ***Thực hiện nhiệm vụ***  - Học sinh đọc thông tin.  - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấyhoặc phiếu học tập.  **Báo cáo, thảo luận**  GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi**,** các HS khác bổ sung ý kiến.  **Kết luận, nhận định**  *GV nhận xét và kết luận:*  Trong mỗi gia đình, để giải quyết những vấn đề cơ bản về tài chính như: cân đối thu - chi, thực hành tiết kiệm, gia tăng thu nhập giúp duy trì sự ổn định và phát triển cần phải quản lí thu, chi hiệu quả. | **1. Khái niệm và sự cần thiết của quản lí thu, chi trong gia đình**  **Khái niệm:** *Quản lí thu, chi là việc cân đối các khoản thu và chi nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất, tinh thần cho các thành viên gia đình có tính đến rủi ro và mục tiêu tài chính.*  **Sự cần thiết phải quản lí thu, chi trong gia đình**  + Đối với gia đình: kiểm soát và cân đối được thu, chi; chủ động và ứng phó với những tình huống trong tương lai; nâng cao chất lượng cuộc sống.  + Đối với các thành viên trong gia đình: chủ động thực hiện kế hoạch thu, chỉ. |

**Nội dung 2. Tìm hiểu nội dung: Thói quen chi tiêu của gia đình**

**a) Mục tiêu**

HS nêu được một số thói quen chi tiêu hợp lý và không hợp lý trong gia đình

**b) Nội dung**

HS đọc thông tin và trường hợp trong SGK tr. 54 – 55 để thực hiện các yêu cầu:

*+ Nêu các khoản chi tiêu trong gia đình và lấy ví dụ về một số thói quen chi tiêu tốt và chưa tốt.*

*+ Nhận xét việc phân chia thu, chi của gia đình trong trường hợp trên. Từ đó, đề xuất những phương pháp quản lí thu, chi trong gia đình.*

**c) Sản phẩm**

– Yêu cầu 1:

+ Các khoản chi tiêu trong gia đình: chi tiêu thiết yếu (khoản chi tiêu thường xuyên cho nhu cầu sống của gia đình như: ăn uống, nhà ở, đi lại, học tập,...) và chi tiêu không thiết yếu (khoản chi cho các sản phẩm mong muốn khi có đủ thu nhập như: sản phẩm xa xỉ, các dịch vụ giải trí,...).

+ Ví dụ về thói quen chi tiêu tốt và chưa tốt:

• Thói quen chi tiêu tốt: mẹ luôn có kế hoạch thu, chi từ đầu tháng để tránh phát sinh.

• Thói quen chi tiêu chưa tốt: thấy bạn có đồ mới thì mình cũng mua cho bằng bạn.

– Yêu cầu 2:

+ Gia đình ông T phân chia các tỉ lệ chi tiêu theo nguyên tắc 50% cho các nhu cầu thiết yếu như: thực phẩm, điện, nước, học phí của các con,...; 30% sẽ dành cho các mục tiêu tài chính gia đình như: tiết kiệm, đầu tư, bảo hiểm và dự phòng; 20% còn lại dành cho các nhu cầu như: mua sắm, giải trí,… là sự phân chia có hiệu quả.

+ Ngoài ra, có nhiều phương pháp phân chia khác nhau, tuỳ theo nhu cầu của mỗi gia đình như: phương pháp 4, 3, 2, 1 là phân chia tổng thu nhập thành 4 phần với tỉ lệ 40% cho chi tiêu chung của cả nhà, 30% cho chi tiêu của riêng vợ và chồng, 20% chi tiêu cho con và 10% cho tích luỹ tiết kiệm. Hoặc là phương pháp 6 chiếc lọ: 55% nhu cầu thiết yếu, 10% đầu tư sinh lời, 10% tiết kiệm, 10% phát triển bản thân, 10% hưởng thụ cuộc sống, 5% từ thiện.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Giao nhiệm vụ học tập***  HS đọc thông tin và trường hợp trong SGK *tr. 54 – 55* để thực hiện các yêu cầu:  *+ Nêu các khoản chi tiêu trong gia đình và lấy ví dụ về một số thói quen chi tiêu tốt và chưa tốt.*  *+ Nhận xét việc phân chia thu, chi của gia đình trong trường hợp. Từ đó, đề xuất những phương pháp quản lí thu, chi trong gia đình.*  ***Thực hiện nhiệm vụ***  - Học sinh đọc thông tin.  - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấyhoặc phiếu học tập.  ***Báo cáo, thảo luận***  GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi**,** các HS khác bổ sung ý kiến.  ***Kết luận, nhận định***  GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:  Các khoản chi tiêu trong gia đình: chi tiêu thiết yếu (chi tiêu thường xuyên cho nhu cầu sống của gia đình như: ăn uống, nhà ở, đi lại, học tập,...) và chi tiêu không thiết yếu (chi cho các sản phẩm mong muốn khi có đủ thu nhập như: sản phẩm xa xỉ, các dịch vụ giải trí,...). | **2. Thói quen chi tiêu và các mục tiêu tài chính của gia đình**  ***a. Thói quen chi tiêu***  Các khoản chi tiêu trong gia đình: chi tiêu thiết yếu (khoản chi tiêu thường xuyên cho nhu cầu sống của gia đình như: ăn uống, nhà ở, đi lại, học tập,...)  Chi tiêu không thiết yếu (khoản chi cho các sản phẩm mong muốn khi có đủ thu nhập như: sản phẩm xa xỉ, các dịch vụ giải trí,...). |

**Nội dung 3. Tìm hiểu nội dung: Mục tiêu tài chính của gia đình**

**a) Mục tiêu**

HS nêu được các mục tiêu tài chính cơ bản trong gia đình

**b) Nội dung**

HS đọc thông tin SGK tr. 55 để thực hiện các yêu cầu:

*+ Cho biết mục tiêu tài chính nhằm đảm bảo các hoạt động gì.*

*+ Diễn giải các mục tiêu tài chính trong gia đình và nêu ví dụ minh hoạ.*

**c) Sản phẩm**

– Yêu cầu 1: Mục tiêu tài chính nhằm bảo đảm các hoạt động tiết kiệm, đầu tư, khoản nợ, phòng ngừa rủi ro.

+ Tiết kiệm là hoạt động tài chính với mục đích bảo đảm tiêu dùng cho tương lai như:  
học hành, phòng ngừa rủi ro,…

+ Đầu tư là hoạt động chi nhằm tạo lập nguồn thu cho tương lai như: đầu tư chứng khoán, cổ phiếu, trái phiếu, bất động sản,...

+ Khoản nợ là hoạt động thực hiện những mục tiêu chính đáng, bảo đảm nguồn thu nhập khả thi cho trả nợ như: vay mua nhà, mua xe, mua các tài sản giá trị khác.

+ Phòng ngừa rủi ro là dịch vụ tài chính (bảo hiểm tài sản, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khoẻ,...).

– Yêu cầu 2: Diễn giải mục tiêu tài chính:

+ Mục tiêu tài chính ngắn hạn là cân đối chi tiêu với mức thu nhập đang có hay tiết kiệm được một khoản tiền nhỏ, thời gian thực hiện dưới 3 tháng. *Ví dụ:* tiết kiệm được 30 000 000 đồng trong 3 tháng.

+ Mục tiêu tài chính trung hạn là cân đối thu, chi trong gia đình hay tiết kiệm được một khoản tiền nhỏ, thời gian thực hiện từ 3 đến 6 tháng. *Ví dụ:* mua được xe máy trong 5 tháng.

+ Mục tiêu tài chính dài hạn nhằm thực hiện được những mục tiêu tài chính quan trọng trong thời gian từ 6 tháng trở lên, bao gồm kế hoạch thực hiện các mục tiêu ngắn hạn, trung hạn để từng bước đạt được mục tiêu dài hạn. *Ví dụ:* sửa được nhà trong 1 năm.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Giao nhiệm vụ học tập***  HS đọc thông tin SGK tr. 55 để thực hiện các yêu cầu:  *+ Cho biết mục tiêu tài chính nhằm đảm bảo các hoạt động gì.*  *+ Diễn giải các mục tiêu tài chính trong gia đình và nêu ví dụ minh hoạ.*  ***Thực hiện nhiệm vụ***  - Học sinh đọc thông tin.  - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấyhoặc phiếu học tập.  ***Báo cáo, thảo luận***  GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi**,** các HS khác bổ sung ý kiến.  ***Kết luận, nhận định***  *GV nhận xét và kết luận:*  Mục tiêu tài chính nhằm bảo đảm các hoạt động tiết kiệm, đầu tư, khoản nợ, phòng ngừa rủi ro.  + Tiết kiệm là hoạt động tài chính với mục đích bảo đảm tiêu dùng cho tương lai như: học hành, phòng ngừa rủi ro,…  + Đầu tư là hoạt động chi nhằm tạo lập nguồn thu cho tương lai như: đầu tư chứng khoán, cổ phiếu, trái phiếu, bất động sản,...  + Khoản nợ là hoạt động thực hiện những mục tiêu chính đáng, bảo đảm nguồn thu nhập khả thi cho trả nợ như: vay mua nhà, mua xe, mua các tài sản giá trị khác.  + Phòng ngừa rủi ro là dịch vụ tài chính (bảo hiểm tài sản, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khoẻ,...). | **2. Thói quen chi tiêu và các mục tiêu tài chính của gia đình**  ***b. Mục tiêu tài chính***  - Mục tiêu tài chính nhằm bảo đảm các hoạt động tiết kiệm, đầu tư, khoản nợ, phòng ngừa rủi ro.  - Mục tiêu tài chính ngắn hạn  - Mục tiêu tài chính trung hạn  - Mục tiêu tài chính dài hạn |

**Nội dung 2. Tìm hiểu nội dung: Xây dựng và thực hiện kế hoạch thu, chi hợp lý**

**a) Mục tiêu**

HS tham gia lập và thực hiện kế hoạch thu, chi hợp lí trong gia đình

**b) Nội dung**

HS đọc thông tin trong SGK *tr. 56 – 58* để thực hiện các yêu cầu:

*+ Cho biết để lập và thực hiện được kế hoạch thu, chi trong gia đình, cần tiến hành những bước nào.*

*+ Cho biết các bước lập kế hoạch quản lí thu, chi trong gia đình bao gồm những nội dung gì.*

**c) Sản phẩm**

– Yêu cầu 1: Các bước lập và thực hiện kế hoạch thu, chi hợp lí trong gia đình:

***Bước 1:***Xác định các mục tiêu tài chính trong gia đình

***Bước 2:***Liệt kê các nguồn thu trong gia đình

***Bước 3:***Trao đổi giữa các thành viên về các khoản chi

***Bước 4:***Thống nhất giữa các thành viên tỉ lệ phân chia các khoản chi

***Bước 5:***Thực hiện các khoản thu, chi theo kế hoạch

– Yêu cầu 2: Nội dung các bước lập và thực hiện kế hoạch thu, chi hợp lí trong gia đình:

***Bước 1:***Xác định các mục tiêu tài chính trong gia đình

• Giúp gia đình thiết lập mục tiêu tài chính cụ thể cho tương lai

• Liệt kê tất cả các mục tiêu tài chính của gia đình, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên, phân thành mục tiêu ngắn hạn, trung hạn và dài hạn

*Lưu ý:* mục tiêu phải có tính cụ thể, khả thi, đo lường được và thời hạn hoàn thành; cần cân nhắc mức độ ưu tiên của các mục tiêu.

***Bước 2:*** Liệt kê các nguồn thu trong gia đình

• Giúp gia đình nắm rõ tình hình tài chính gia đình để làm cơ sở phân chia tỉ lệ chi tiêu và mục tiêu tài chính

• Thống kê các khoản thu nhập của gia đình: Thu nhập chủ động là tiền lương. Thu nhập thụ động là tiền lãi tiết kiệm, tiền cho thuê nhà, tiền cổ tức,…

*Lưu ý:* kiểm tra, xem xét ngân sách gia đình thường xuyên, duy trì và tăng trưởng thu nhập.

***Bước 3:*** Trao đổi giữa các thành viên về các khoản chi

• Giúp mọi người hiểu được nhu cầu thiết yếu, không thiết yếu của gia đình và các thành viên

• Liệt kê và ưu tiên các khoản chi tiêu thiết yếu là khoản chi tiêu thường xuyên cho nhu cầu sống của gia đình như: ăn uống, điện, nước, đi lại, học phí,...

• Điều chỉnh và cắt giảm các khoản chi tiêu không thiết yếu là khoản chi cho các sản phẩm mong muốn khi có đủ thu nhập như: sản phẩm xa xỉ, giải trí,...

*Lưu ý:* cần lắng nghe, phân tích và cân đối nhu cầu của các thành viên trong gia đình.

***Bước 4:*** Thống nhất giữa các thành viên về tỉ lệ phân chia các khoản chi

• Giúp gia đình kiểm soát được các khoản chi mà vẫn đảm bảo các mục tiêu đã đề ra

• Tỉ lệ bao nhiêu cho chi tiêu thiết yếu, bao nhiêu cho không thiết yếu và các mục tiêu tài chính

• Tỉ lệ 50% cho nhu cầu thiết yếu, 30% cho mục tiêu tài chính, 20% cho nhu cầu không thiết yếu

*Lưu ý:* ưu tiên cho những nhu cầu thiết yếu và mục tiêu tài chính.

***Bước 5:*** Thực hiện các khoản thu, chi theo kế hoạch

• Giúp gia đình theo dõi được quá trình thực hiện kế hoạch và có những điều chỉnh hợp lí cho tương lai

• Ghi chép chi tiết quá trình thu, chi; đánh giá; điều chỉnh kế hoạch thu, chi trong gia đình

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Giao nhiệm vụ học tập***  HS đọc thông tin trong SGK ***tr. 56 – 58*** để thực hiện các yêu cầu:  *+ Cho biết để lập và thực hiện được kế hoạch thu, chi trong gia đình, cần tiến hành những bước nào.*  *+ Cho biết các bước lập kế hoạch quản lí thu, chi trong gia đình bao gồm những nội dung gì.*  ***Thực hiện nhiệm vụ***  - Học sinh đọc thông tin.  - HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm học tập, chuẩn bị câu trả lời ra giấy hoặc bảng nhóm để trình bày trước lớp  ***Báo cáo, thảo luận***  GV triển khai phần báo cáo kết quả học tập: mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày câu trả lời, đại diện các nhóm khác nhận xét, phản biện, bổ sung.  ***Kết luận, nhận định***  *GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó kết luận:*  Sau khi lập được kế hoạch chi tiêu trong gia đình, cần thực hiện nghiêm túc bản kế hoạch đó. Trước hết, cần ghi chép đầy đủ các khoản chi tiêu trong gia đình, đối chiếu với định mức trong kế hoạch để cân đối và quyết tâm thực hiện mục tiêu. Điều quan trọng là phải kiểm soát được việc chi tiêu, tránh các khoản chi tiêu không hợp lí, thực hiện thói quen tiêu dùng thông minh để đạt được các mục tiêu tài chính. Nếu có những lí do đột xuất khiến việc chi tiêu trong gia đình quá mức quy định thì cần có ngay biện pháp điều chỉnh bằng cách cắt giảm những khoản chi không cần thiết để bù lại.  Lưu ý: Trong trường hợp có những biến động làm cho thu nhập của gia đình giảm xuống (như có thành viên bị mất việc, hoạt động kinh doanh thua lỗ,....) cần điều chỉnh ngay kế hoạch chi tiêu sao cho tiết kiệm, phù hợp với mức thu nhập mới,... | **3. Xây dựng và thực hiện kế hoạch thu, chi hợp lý**  ***Bước 1:***Xác định các mục tiêu tài chính trong gia đình  ***Bước 2:***Liệt kê các nguồn thu trong gia đình  ***Bước 3:***Trao đổi giữa các thành viên về các khoản chi  ***Bước 4:***Thống nhất giữa các thành viên tỉ lệ phân chia các khoản chi  ***Bước 5:***Thực hiện các khoản thu, chi theo kế hoạch |

**3. Hoạt động: Luyện tập**

**Câu 1:** *Em hãy cho biết kế hoạch thu, chi của gia đình và đánh giá về cách thực hiện kế hoạch thu, chi đó?*

**a) Mục tiêu**

Rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu từng quan điểm trong bài tập 1,

*Em hãy cho biết kế hoạch thu, chi của gia đình và đánh giá về cách thực hiện kế hoạch thu, chi đó*

**c) Sản phẩm**

Học sinh bước đầu biết lập kế hoạch thu chi trong gia đình phù hợp lứa tuổi

**d) Tổ chức thực hiện**

***Giao nhiệm vụ học tập***

GV giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu từng quan điểm trong bài tập 1,

*Em hãy cho biết kế hoạch thu, chi của gia đình và đánh giá về cách thực hiện kế hoạch thu, chi đó?*

***Thực hiện nhiệm vụ***

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào phiếu học tập.

***Báo cáo, thảo luận***

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận.

***Kết luận, nhận định***

*-* Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp và đưa ra kết luận

**Câu 2:** **Em hãy phân tích vai trò của việc quản lí thu, chi trong gia đình và cho ví dụ minh họa?**

**a) Mục tiêu**

HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến việc quản lý thu, chi trong gia đình.

**b) Nội dung**

GV cho HS nghiên cứu làm việc theo nhóm để cùng nhau thực hiện nhiệm vụ sau

***Em hãy phân tích vai trò của việc quản lí thu, chi trong gia đình và cho ví dụ minh hoạ.***

**c) Sản phẩm**

- Vai trò đối với gia đình: kiểm soát và cân đối được thu, chi; chủ động và ứng phó với những tình huống trong tương lai; nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Vai trò đối với các thành viên: chủ động thực hiện kế hoạch thu, chi.

**d) Tổ chức thực hiện**

***Giao nhiệm vụ học tập***

GV cho HS nghiên cứu làm việc theo nhóm để cùng nhau thực hiện nhiệm vụ sau:

***Em hãy phân tích vai trò của việc quản lí thu, chi trong gia đình và cho ví dụ minh họa?***

***Thực hiện nhiệm vụ***

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập.

***Báo cáo, thảo luận***

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập, GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến.

***Kết luận, nhận định***

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận.

**Câu 3:** *Em hãy đánh giá thói quen chi tiêu của chủ thể trong các trường hợp sau*

**a) Mục tiêu**

HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được sự ý nghĩa của việc thực hiện quản lý chi tiêu trong gia đình.

**b) Nội dung**

HS thực hiện đánh giá về thói quen chi tiêu của chủ thể trong các trường hợp, sau đó, trình bày trước lớp.

**c) Sản phẩm**

Yêu cầu mỗi nhóm đọc kĩ yêu cầu để thực hiện đánh giá về thói quen chi tiêu của chủ thể trong các trường hợp, sau đó, trình bày trước lớp.

– ***Trường hợp a:*** Thói quen chi tiêu tốt, tỉ lệ phân chia hợp lí, có sự trao đổi và thống nhất giữa các thành viên trong gia đình.

– ***Trường hợp b:*** Thói quen chi tiêu chưa tốt, mua hàng theo cảm tính, không cân đối được thu, chi.

**d) Tổ chức thực hiện**

***Chuyển giao nhiệm vụ***

HS thực hiện đánh giá về thói quen chi tiêu của chủ thể trong các trường hợp, sau đó, trình bày trước lớp.

***Thực hiện nhiệm vụ***

HS làm việc nhóm chuẩn bị bài giới thiệu.

***Báo cáo, thảo luận***

GV triển khai báo cáo kết quả thảo luận cho từng cấp độ.

***Kết luận, nhận định***

GV nhận xét và kết luận giúp học sinh thấy được sự ý nghĩa của việc thực hiện quản lý thu chi trong gia đình

**Câu 4:***Em hãy đánh giá mục tiêu tài chính của chủ thể trong các trường hợp sau*

**a) Mục tiêu**

HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được sự ý nghĩa của việc quản lý thu chi trong gia đình

**b) Nội dung**

HS thực hiện đánh giá mục tiêu tài chính của chủ thể và trình bày trước lớp.

**c) Sản phẩm**

– ***Trường hợp a:*** Mục tiêu tài chính tốt, tạo thêm được nguồn thu và tài sản.

– ***Trường hợp b:*** Mục tiêu tài chính chưa tốt, làm ảnh hưởng tiêu cực đến cuộc sống.

**d) Tổ chức thực hiện**

***Chuyển giao nhiệm vụ***

HS thực hiện đánh giá mục tiêu tài chính của chủ thể sau đó trình bày trước lớp.

***Thực hiện nhiệm vụ***

HS làm việc nhóm chuẩn bị bài giới thiệu.

***Báo cáo, thảo luận***

GV triển khai báo cáo kết quả thảo luận cho từng cấp độ. Đại diện nhóm 1 giới thiệu, đại diện nhóm 2 nêu câu hỏi phản biện, nhận xét và bổ sung, các HS khác có thêm ý kiến đóng góp.

***Kết luận, nhận định***

GV nhận xét và kết luận giúp học sinh thấy được sự sự ý nghĩa của việc thực hiện quản lý thu chi trong gia đình

**Câu 5:** *Em hãy thu thập thông tin (khoản thu, khoản chỉ) để lập kế hoạch thu, chỉ của gia đình mình. Sau đó, đề xuất các điều chỉnh cần thiết để đảm bảo mục tiêu tài chính.*

**a) Mục tiêu**

HS tự giác áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thực hiện quản lý thu chi trong gia đình

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập tại nhà:

*Em hãy thu thập thông tin (khoản thu, khoản chỉ) để lập kế hoạch thu, chỉ của gia đình mình. Sau đó, đề xuất các điều chỉnh cần thiết để đảm bảo mục tiêu tài chính.*

**c) Sản phẩm**

Bước đầu áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thực hiện quản lý thu chi trong gia đình

**d) Tổ chức thực hiện**

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập tại nhà:

*Em hãy thu thập thông tin (khoản thu, khoản chỉ) để lập kế hoạch thu, chỉ của gia đình mình. Sau đó, đề xuất các điều chỉnh cần thiết để đảm bảo mục tiêu tài chính.*

***Thực hiện nhiệm vụ***

Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

***Báo cáo, thảo luận***

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

***Kết luận, nhận định***

*-* Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn việc thực hiện quản lý thu chi trong gia đình.

**4. Hoạt động: Vận dụng**

*Thực hiện bài viết ngắn đánh giá thói quen chỉ tiêu của bản thân và rút ra bài học.*

**a) Mục tiêu**

HS tự giác áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thực hiện quản lý thu chi trong gia đình

**b) Nội dung**

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng tại nhà:

*Thực hiện bài viết ngắn đánh giá thói quen chỉ tiêu của bản thân và rút ra bài học.*

**c) Sản phẩm**

Bước đầu áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thực hiện quản lý thu chi trong gia đình

**d) Tổ chức thực hiện**

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng tại nhà:

*Em hãy sưu tầm và chia sẻ với các bạn trong lớp các công cụ, ứng dụng, phần mềm giúp quản lý thu, chi hiệu quả trong gia đình.*

***Thực hiện nhiệm vụ***

Học sinh hoàn thành nhiệm vụ tại nhà.

***Báo cáo, thảo luận***

Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi.

***Kết luận, nhận định***

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn việc thực hiện quản lý thu chi trong gia đình

**TCT: 35**

**BÀI ÔN TẬP CUỐI KỲ 1**

**( Bộ Chân trời sáng tạo)**

**I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU**

**1. Về mục tiêu**

- Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở trong học kỳ I lớp 12; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình.

- Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.

-Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân.

- Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác.

- HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh qúa trình học tập của mình.

**2. Năng lực**

*Năng lực điều chỉnh hành vi:* Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó

*Năng lực phát triển bản thân:* Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này

**3. Phẩm chất**

- Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.

- Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.

**II. PHẠM VI KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP**

Ôn tập các đơn vị kiến thức đã học trong học kỳ 1 gồm các bài và chủ đề sau:

**Bài 1:** *Tăng trưởng và phát triển kinh tế*

**Bài 2:** *Hội nhập kinh tế quốc tế*

**Bài 3:** *Bảo hiểm*

**Bài 4:** *An sinh xã hội*

**Bài 5:** *Lập kế hoạch kinh doanh*

**Bài 6:** *Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp*

**Bài 7:** *Quản lý thu chi trong gia đình*

**III. HÌNH THỨC ÔN TẬP**

**1. Củng cố kiến thức cơ bản**

- Giáo viên củng cố lại các kiến thức cơ bản của từng bài dưới dạng sơ đồ tư duy.

- Khắc sâu những kiến thức cần nhớ để ôn tập và kiểm tra.

**2. Luyện tập một số dạng câu hỏi ôn tập**

- Câu hỏi trắc nghiệm.

- Câu hỏi tình huống.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a. Mục tiêu**

- Tạo được hứng thú với bài học.

- Học sinh bước đầu nhớ lại những kiến thức cơ bản đã học trong học kỳ 1.

**b. Nội dung**

- Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng trò chơi *“nhanh tay nhanh mắt”.*

- Đề nghị HS nhắc lại những kiến thức cơ bản từ bài 1 đến bài số 7.

**c. Tổ chức thực hiện**

***Giao nhiệm vụ học tập***

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi *“nhanh tay nhanh mắt”.*

Luật chơi:

- Chia lớp thành 2 nhóm: Nhóm A và B. Trong vòng 5 phút các em lần lượt lên bảng những đơn vị kiến thức mà mình đã được học

- Đại diện nhóm lên trình bày những sản phẩm mà nhóm mình tìm được.

***Thực hiện nhiệm vụ***

- HS tiến hành chia nhóm, phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm.

- Các thành viên tham gia làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời.

***Báo cáo và thảo luận***

- Các học sinh trong nhóm lần lượt lên trình bày.

- Học sinh cử đại diện nhóm lần lượt trình bày các câu trả lời.

***Kết luận, nhận định***

Gv nhận xét, đánh giá, về mặt nhận thức của học sinh đối với các đơn vị kiến thức đã học trong học kỳ 1

**2. Hoạt động 2: Khám phá**

*Nhiệm vụ 1: Vẽ sơ đồ tư để củng cố lại các đơn vị kiến thức đã học*

**a. Mục tiêu**

HS củng cố lại được các đơn vị kiến thức đã học trong các bài 1 đến bài 7.

**b. Nội dung**

- GV cho học sinh thảo luận nhóm mỗi nhóm sẽ tiến hành vẽ sơ đồ tư duy cho 1 bài.

- Học sinh làm việc theo nhóm.

**c. Sản phẩm**

Học sinh chỉ ra được những đơn vị kiến thức cơ bản của từng bài để củng cố bài học.

**d. Tổ chức thực hiện**

***Giao nhiệm vụ học tập***

GV giao nhiệm vụ cho học sinh chuẩn bị trước tại nhà theo các nhóm.

**Bài 1:** *Tăng trưởng và phát triển kinh tế*

**Bài 2:** *Hội nhập kinh tế quốc tế*

**Bài 3:** *Bảo hiểm*

**Bài 4:** *An sinh xã hội*

**Bài 5:** *Lập kế hoạch kinh doanh*

**Bài 6:** *Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp*

**Bài 7:** *Quản lý thu chi trong gia đình*

***Thực hiện nhiệm vụ***

- HS đọc thông tin, làm việc theo nhóm, viết ra giấy A0 để chuẩn bị cho tiết sau.

- Khuyến khích các cách trình bày sáng tạo và độc đáo.

***Báo cáo và thảo luận***

- Giáo viên yêu cầu từng nhóm trả lời kết quả làm việc của nhóm mình.

- Giáo viên đánh giá kết quả của từng nhóm.

***Kết luận, nhận định***

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

Giới thiệu một số sơ đồ tư duy để tham khảo.

**Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu nội dung: Luyện tập câu hỏi trắc nghiệm và tình huống**

**a. Mục tiêu**

- HS biết vận dụng kiến thức vào làm bài tập cụ thể.

- Giải quyết các tình huống diễn ra trong thực tiễn.

**b. Nội dung**

GV cho học sinh làm việc cá nhân, các học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

**Câu 1:** Chính sách an sinh xã hội **không** có vai trò nào dưới đây đối với đối tượng được hưởng?

**A.** Phòng ngừa biến cố. **B.** Ngăn ngừa rủi ro.

**C.** Khắc phục rủi ro. **D.** Quản lý xã hội.

**Câu 2:** Để thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội về giải quyết việc làm, Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp

**A.** tạo ra nhiều sản phẩm. **B.** tạo ra nhiều việc làm mới.

**C.** bảo vệ người lao động. **D.** tăng thu nhập cho người lao động.

**Câu 3:** Trong hệ thống chính sách an sinh xã hội ở nước ta hiện nay, một trong những chính sách dịch vụ xã hội cơ bản là dịch vụ

**A.** việc làm tối thiểu. **B.** thu nhập tối đa. **C.** y tế tối thiểu. **D.** bảo hiểm tối thiểu.

**Câu 4:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện mục tiêu của chính sách an sinh xã hội về giải quyết việc làm, bảo đảm thu nhập và giảm nghèo bền vững?

**A.** Giảm tỷ lệ hộ giàu trong xã hội. **B.** Cải thiện cuộc sống hộ nghèo.

**C.** Xóa bỏ khoảng cách giàu nghèo. **D.** Giảm tỷ lệ người thất nghiệp.

**Câu 5:** Một trong những vai trò của an sinh xã hội là góp phần giúp các đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội có thể chủ động, ngăn ngừa và giảm bớt

**A.** phạm tội. **B.** rủi ro. **C.** quyền lợi. **D.** lợi nhuận.

**Câu 6:** Việc làm nào dưới đây góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội về vấn đề giải quyết việc làm?

**A.** Chia đều các nguồn thu nhập. **B.** Đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

**C.** Chấp hành quy tắc công cộng. **D.** Bảo trợ hoạt động truyền thông.

**Câu 7:** Một trong những mục tiêu của chính sách an sinh xã hội về bảo hiểm nhằm giúp người dân

**A.** xóa đói giảm nghèo. **B.** xóa bỏ nhà tạm.

**C.** phòng ngừa rủi ro. **D.** phòng ngừa thất nghiệp.

**Câu 8:** Đối với đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội, việc thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội đem lại lợi ích nào dưới đây?

**A.** Hưởng thu nhập vô điều kiện **B.** Được hoàn trả lại lợi ích đã mất.

**C.** Khắc phục và giảm thiếu rủi ro. **D.** Được hỗ trợ miễn phí trọn đời.

**Câu 9:** Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, việc thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội sẽ góp phần

**A.** thúc đẩy sự phân hóa giàu nghèo. **B.** thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

**C.** thúc đẩy tình trạng thất nghiệp. **D.** thúc đẩy tình trạng lạm phát.

**Câu 10:** Hệ thống các chính sách can thiệp của Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm giảm mức độ nghèo đói, nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân và xã hội trước những rủi ro hay nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập, bảo đảm ổn định, phát triển và công bằng xã hội là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

**A.** An sinh xã hội. **B.** Bảo hiểm xã hội.

**C.** Chất lượng cuộc sống. **D.** Thượng tầng xã hội.

**Câu 11:** Một trong những mục tiêu của việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội là nhằm giúp các đối tượng yếu thế trong xã hội có thể

**A.** ổn định cuộc sống. **B.** mặc cảm và tự ti.

**C.** từ bỏ cuộc sống. **D.** gia tăng giàu nghèo.

**Câu 12:** Việc làm nào dưới đây góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội về vấn đề giải quyết việc làm?

**A.** Chia đều lợi nhuận khu vực. **B.** Hưởng chế độ phụ cấp khu vực.

**C.** Xóa bỏ định kiến về giới. **D.** Phát triển sản xuất và dịch vụ.

**Câu 13:** Việc các chủ thể kinh tế xác định các vấn đề như kinh doanh mặt hàng gì, đối tượng khách hàng là ai, họ có nhu cầu gì là thực hiện nội dung nào dưới đây của việc lập kế hoạch kinh doanh?

**A.** Xác định mục tiêu kinh doanh. **B.** Xác định chiến lược kinh doanh.

**C.** Xác định ý tưởng kinh doanh. **D.** Xác định điều kiện thực hiện.

**Câu 14:** Khi lập kế hoạch kinh doanh, các chủ thể cần thực hiện bước nào dưới đây?

**A.** Xác định ý tưởng kinh doanh. **B.** Xác định thời gian hoàn thành.

**C.** Xác định mức lợi nhuận đạt được. **D.** Xác định chủ thể sẽ đỡ đầu.

**Câu 15:** Để quá trình kinh doanh diễn ra hiệu quả, kế hoạch kinh doanh của các chủ thể cần xác định được

**A.** số thuế phải đóng. **B.** ý tưởng kinh doanh.

**C.** số tiền sẽ thu lợi. **D.** thời gian thành công.

**Câu 16:** Khi các chủ thể đặt ra những kế hoạch và mục tiêu cụ thể sẽ đạt được khi tiến hành kinh doanh là đã thực hiện nội dung nào dưới đây của lập kế hoạch kinh doanh?

**A.** Xác định điều kiện thực hiện. **B.** Xác định ý tưởng kinh doanh.

**C.** Xác định chiến lược kinh doanh. **D.** Xác định mục tiêu kinh doanh.

**Câu 17:** Bước khởi đầu trong việc lập kế hoạch kinh doanh là các chủ thể phải xác định được

**A.** ý tưởng kinh doanh. **B.** chiến lược kinh doanh.

**C.** các rủi ro gặp phải. **D.** mục tiêu kinh doanh.

**Câu 18:** Khi phân tích yếu tố về khách hàng để lập kế hoạch kinh doanh, các chủ thể **không** cần quan tâm đến nội dung nào dưới đây?

**A.** Hành vi tiêu dùng. **B.** Nguồn gốc xuất thân.

**C.** Nhu cầu khách hàng. **D.** Độ tuổi khách hàng.

**Câu 19:** Khi xác định mục tiêu kinh doanh, các chủ thể **không** cần chú ý tới tiêu chí nào dưới đây?

**A.** Tính có thể đo lường. **B.** Tính khả thi.

**C.** Tính vô thời hạn. **D.** Tính cụ thể.

**Câu 20:** Một trong những điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh mà các chủ thể sản xuất cần phân tích để lập kế hoạch kinh doanh phù hợp là

**A.** yếu tố hội nhập. **B.** yếu tố khách hàng. **C.** yếu tố xuất thân. **D.** yếu tố quốc tế.

**Câu 21:** Một trong những đặc điểm của ý tưởng kinh doanh là ý tưởng đó phải có

**A.** tính nhân đạo. **B.** tính sáng tạo. **C.** tính phi lợi nhuận. **D.** tính xã hội.

**Câu 22:** Khi xây dựng bản kế hoạch kinh doanh, các chủ thể **không** cần đưa nội dung nào dưới đây vào kế hoạch của mình?

**A.** Phương hướng kinh doanh. **B.** Cách thức thực hiện.

**C.** Thời điểm hoàn thành. **D.** Điều kiện thực hiện.

**Câu 23:** Nội dung cơ bản của một bản kế hoạch kinh doanh gồm một chuỗi các biện pháp, cách thức của chủ thể kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả tối ưu được gọi là

**A.** kế hoạch sản xuất. **B.** kế hoạch tài chính.

**C.** chiến lược đàm phán. **D.** chiến lược kinh doanh.

**Câu 24:** Khi phân tích yếu tố tài chính để thực hiện ý tưởng kinh doanh, chủ thể cần phải phân tích nội dung nào dưới đây?

**A.** Số vốn mình muốn có. **B.** Số vốn đã thua lỗ.

**C.** Số vốn đã đầu tư. **D.** Số vốn cần huy động.

**Câu 25:** Trong quá trình lập kế hoạch kinh doanh, một trong những điều kiện mà cần chủ thể cần phân tích là yếu tố

**A.** Nhân sự và đối thủ. **B.** Tài chính và nhân sự.

**C.** Tài chính và lợi nhuận. **D.** Đối thủ và lợi nhuận.

**Câu 26:** Lập kế hoạch kinh doanh giúp các chủ thể kinh doanh xác định được

**A.** lợi nhuận thực tế. **B.** thời điểm thất bại.

**C.** thời gian thành công. **D.** mục tiêu hướng tới.

**Câu 27:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện việc xác định ý tưởng kinh doanh khi lập kế hoạch kinh doanh?

**A.** Kinh doanh mặt hàng gì. **B.** Đối tượng khách hàng là ai.

**C.** Tỷ suất lợi nhuận thu được. **D.** Kinh doanh bằng cách nào.

**Câu 28:** Trong quá trình lập kế hoạch kinh doanh, một trong những điều kiện mà cần chủ thể cần phân tích là yếu tố

**A.** Nhà nước. **B.** Quốc tế. **C.** Thị trường. **D.** Lợi nhuận.

**Câu 29:** Ý tưởng kinh doanh là những suy nghĩ, hành động sáng tạo, có tính khả thi, có thể đem lại lợi nhuận trong

**A.** nghệ thuật. **B.** công tác. **C.** học tập. **D.** kinh doanh.

**Câu 30:** Thực hiện việc quản lý thu chi trong gia đình giúp mỗi gia đình chủ động thực hiện được kế hoạch tài chính

**A.** dòng họ. **B.** gia đình. **C.** cá nhân. **D.** nhà nước.

**Câu 31:** Khi xác định mục tiêu tài chính trong gia đình, cần tránh xác định những mục tiêu tài chính có tính chất nào dưới đây?

**A.** Trìu tượng. **B.** Có khả thi. **C.** Đo lường được. **D.** Cụ thể.

**Câu 32:** Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh sự cần thiết phải quản lí thu, chi trong gia đình?

**A.** Tăng số tiền mặt cho hoạt động mua sắm hằng ngày.

**B.** Tăng chất lượng cuộc sống của gia đình.

**C.** Kiểm soát được nguồn thu, chi trong gia đình.

**D.** Dự phòng cho các trường hợp khẩn cấp và tương lai.

**Câu 33:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện việc xác định mục tiêu tài chính trong gia đình?

**A.** Mục tiêu tài chính ngắn hạn. **B.** Mục tiêu tài chính dài hạn.

**C.** Mục tiêu tài chính trung hạn. **D.** Mục tiêu tài chính vô hạn.

**Câu 34:** Việc xác định các nguồn thu nhập trong gia đình sẽ giúp mỗi gia đình biết được nội dung nào dưới đây?

**A.** Mối quan hệ giữa các thành viên. **B.** Tình hình việc làm và thu nhập.

**C.** Tình hình tài chính hiện tại. **D.** Tình trạng hôn nhân gia đình.

**Câu 35:** Nội dung nào dưới đây được liệt kê vào nguồn thu nhập của gia đình khi xây dựng kế hoạch thu chi trong gia đình?

**A.** Chi tiêu cho nhu cầu thiết yếu. **B.** Thu nhập từ hoạt động kinh doanh.

**C.** Thu nhập từ lương của bố mẹ. **D.** Thu nhập tiền lãi gửi ngân hàng.

**Câu 36:** Khi xác định mục tiêu tài chính để thực hiện kế hoạch quản lý thu chi hợp lý, mỗi gia đình cần tránh xác định mục tiêu mang tính

**A.** ngắn hạn. **B.** dài hạn. **C.** trung hạn. **D.** vô hạn.

**Câu 37:** Mục đích của quản lí thu, chi trong gia đình biểu hiện ở nội dung nào dưới đây?

**A.** Chủ động kiểm soát chi tiêu của bản thân.

**B.** Chủ động thực hiện kế hoạch tài chính của gia đình.

**C.** Đảm bảo ổn định dòng tiền cho việc mua sắm của gia đình.

**D.** Tối ưu hoá sử dụng khoản thu của bản thân.

**Câu 38:** Thực hiện việc quản lý thu chi trong gia đình không mang lại lợi ích nào dưới đây?

**A.** Kiểm soát thu chi hiệu quả. **B.** Giúp cân bằng tài chính.

**C.** Hạn chế quan hệ gia đình. **D.** Vượt qua rủi ro tài chính.

**Câu 39:** Nội dung nào dưới đây thể hiện việc xác định các nguồn thu nhập khi xây dựng kế hoạch chi tiêu trong gia đình?

**A.** Ghi chép các khoản chi tiêu hàng ngày. **B.** Thống nhất tỷ lệ phân chia các khoản.

**C.** Chủ động tiềm kiếm nguồn thu nhập. **D.** Xác định khoản chi tiêu thiết yếu.

**Câu 40:** Khi tiến hành hoạt động kinh doanh, các doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm pháp lý khi chủ động

**A.** bài trừ quyền tự do tính ngưỡng. **B.** làm trái thỏa ước lao động tập thể.

**C.** tham gia bảo vệ an ninh quốc gia. **D.** tuyển dụng lao động trực tuyến

**Câu 41:** Nội dung nào dưới đây thể hiện trách nhiệm kinh tế của doanh nghiệp?

**A.** Sản xuất hàng giả để thu lợi ích. **B.** Khuyến mại hàng kém chất lượng.

**C.** Sản xuất hàng hóa giá cả hợp lý. **D.** Giới thiệu sai chất lượng sản phẩm.

**Câu 42:** Nội dung nào dưới đây thể hiện trách nhiệm pháp lý của các doanh nghiệp khi tiến hành hoạt động kinh doanh?

**A.** Nâng cao đời sống vật chất nhân dân. **B.** Thực hiện chính sách, giảm nghèo.

**C.** Nộp thuế đầy đủ theo quy định. **D.** Thực hiện chính sách an sinh xã hội.

**Câu 43:** Đối với doanh nghiệp, nội dung nào dưới đây thể hiện ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp?

**A.** Tăng lợi thế và khả năng cạnh tranh. **B.** Góp phần bảo vệ môi trường sống.

**C.** Giúp ổn định cuộc sống cộng đồng. **D.** Hỗ trợ cộng đồng vượt qua khó khăn

**Câu 44:** Theo quy định của pháp luật, khi tiến hành kinh doanh, mọi doanh nghiệp đều phải thực hiện nghĩa vụ tuân thủ pháp luật về môi trường là đã thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở hình thức nào dưới đây?

**A.** Trách nhiệm kinh tế. **B.** Trách nhiệm pháp lý.

**C.** Trách nhiệm kinh doanh. **D.** Trách nhiệm từ thiện.

**Câu 45:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp?

**A.** Bảo vệ môi trường sống. **B.** Tránh rủi ro và khủng hoảng.

**C.** Gây thiệt hại người tiêu dùng. **D.** Tăng năng suất lao động.

**Câu 46:** Doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, có lợi nhuận, tạo ra việc làm có mức lương tương xứng là thể hiện hình thức trách nhiệm xã hội nào của doanh nghiệp?

**A.** Nhân văn. **B.** Đạo đức. **C.** Pháp lý. **D.** Kinh tế.

**Câu 47:** Việc các chủ thể kinh tế thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của mình khi kinh doanh sẽ đem lại lợi ích nào dưới đây đối với sự phát triển bền vững?

**A.** Bảo vệ bất bình đẳng xã hội. **B.** Bảo vệ môi trường sống.

**C.** Gây rối loạn thị trường. **D.** Cạnh tranh không lành mạnh.

**Câu 48:** Tạo việc làm, thu nhập và cơ hội phát triển cho người lao động, cung ứng nhiều sản phẩm có chất lượng cho người tiêu dùng là thể hiện hình thức trách nhiệm xã hội nào của doanh nghiệp?

**A.** Đạo đức. **B.** Nhân văn. **C.** Kinh tế. **D.** Pháp lý.

**Câu 49:** Việc doanh doanh thực hiện tốt những chính sách và việc làm cụ thể nhằm mang lại ảnh hưởng tích cực đến xã hội đóng góp cho các mục tiêu xã hội và sự phát triển bền vững của đất nước là thể hiện nội dung nào dưới đây của doanh nghiệp?

**A.** Trách nhiệm tiêu dùng. **B.** Trách nhiệm sản xuất.

**C.** Trách nhiệm xã hội. **D.** Trách nhiệm phân phối.

**Câu 50:** Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội sẽ đem lại lợi ích nào dưới đây đối với doanh nghiệp?

**A.** Xây dựng thương hiệu tích cực. **B.** Giảm khả năng cạnh tranh.

**C.** Được nhà nước hỗ trợ thuế. **D.** Thúc đẩy nguy cơ phá sản.

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời của học sinh

- Học sinh trả lời được câu hỏi, biết vận dụng các kiến thức để có thể giải quyết các tình huống trong thực tiễn

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Giao nhiệm vụ học tập:**

Giáo viên yêu cầu học sinh làm một số bài tập dưới đây

**Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc câu hỏi, ghi kết quả làm bài vào vở

- Trao đổi thảo luận với các bạn xung quang về kết quả làm bài của mình

**Báo cáo và thảo luận**

- Giáo viên yêu cầu các học sinh trả lời kết quả làm bài của mình.

**Kết luận, nhận định**

*-* Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

**3. Hoạt động 3: Định hướng làm bài kiểm tra, đánh giá định kỳ**

**a. Mục tiêu bài kiểm tra, đánh giá**

Học sinh bước đầu hình dung được yêu cầu, mục đích, nhiệm vụ của bài kiểm tra định kỳ. Có kế hoạch ôn tập để làm bài kiểm tra hiệu quả

**b. Nội dung kiểm tra, đánh giá**

- Phổ biến nội dung kiểm tra, đánh giá.

- Hình thức kiểm tra, đánh giá.

- Thời gian kiểm tra, đánh giá.

- Biểu điểm và các quy định đối với bài kiểm tra, đánh giá.

**c. Giới hạn kiểm tra**

**Kiến thức cơ bản**

***Bài 1:*** *Tăng trưởng và phát triển kinh tế*

***Bài 2:*** *Hội nhập kinh tế quốc tế*

***Bài 3:*** *Bảo hiểm*

***Bài 4:*** *An sinh xã hội*

***Bài 5:*** *Lập kế hoạch kinh doanh*

***Bài 6:*** *Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp*

***Bài 7:*** *Quản lý thu chi trong gia đình*

**TCT:** 36

**KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ**

***(Đề cụ thể đính kèm sau)***